

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 28/06/2022)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:/QĐ-SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày..... tháng.....năm 2022)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**
Trụ sở : Số 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại : 02083.856425 Fax: 02083.852060

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB**
Trụ sở : Tầng 7-8, Tòa nhà MB, số 21, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : (84-24) 7304 5688 Fax: (84-24) 3726 2601

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Đào Đức Thanh Chức vụ: Trưởng kiểm toán nội bộ
Số điện thoại : 0902 036 234

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 28/06/2022)

Trụ sở: 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Số điện thoại: +84 28 03854462

Fax: +84 28 03852060

Website: <https://tng.vn/>

**NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU
TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG năm 2021

Loại trái phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền, trái phiếu không có tài sản bảo đảm, không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Mã trái phiếu: TNG122017

Ngày Phát Hành: 16/05/2022

Ngày Đáo Hạn: 16/05/2026

Lãi suất: 10%/năm.

Kỳ Hạn Trả Lãi/ Kỳ Tính Lãi: là 03 tháng, kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi, cho đến, nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi tiếp theo hoặc Ngày Đáo Hạn trái phiếu. Ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi đầu tiên là Ngày Phát Hành. Tiền lãi trái phiếu được trả sau theo định kỳ 03 (ba) tháng một lần kể từ ngày phát hành vào cuối mỗi Kỳ Tính Lãi.

Mệnh giá: 100.000 đồng/01 Trái Phiếu (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng/ Một Trái Phiếu).

Tổng số lượng niêm yết: 3.000.000 Trái Phiếu (Bằng chữ: Ba triệu Trái Phiếu).

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 300.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Số điện thoại: (84-24) 7105000

Fax: (84-24) 6288 5678

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7-8, Tòa nhà MB, số 21, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: (84-24) 7304 5688

Fax: (84-24) 3726 2601

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về pháp lý	8
3. Rủi ro liên quan đến báo cáo tài chính	9
4. Rủi ro đặc thù	9
6. Rủi ro khác	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
III. CÁC KHÁI NIỆM	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
2. Cơ cấu tổ chức công ty	31
4. Danh sách cổ đông lớn và cơ cấu cổ đông	39
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	40
6. Hoạt động kinh doanh	44
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	62
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	65
9. Chính sách đối với người lao động	69
10. Chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của tổ chức đăng ký niêm yết.....	71
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	71
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Kế toán trưởng.....	84
13. Tài sản	97
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận trong các năm tiếp theo	98
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	101
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	101
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	101
1. Loại chứng khoán	102
2. Mã chứng khoán: TNG122017.....	102
3. Mệnh giá chứng khoán	102
4. Tổng số chứng khoán niêm yết	102
5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	102
6. Xếp hạng tín nhiệm	102
7. Phương pháp tính giá.....	102
8. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn	105

3057
 IG T
 N ĐÁI
 JONG
 TNG
 EN - T. T

9. Phương thức thực hiện quyền.....	106
10. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết.....	112
11. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo	113
12. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	113
13. Các loại thuế có liên quan.....	113
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	115
VII. PHỤ LỤC	116



DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Các số liệu vĩ mô của Việt Nam (giai đoạn 2017-Quý I/2022)6
 Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ..... 16
 Bảng 3: Danh sách cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ngày 03/06/2022 39
 Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 03/06/2022 của TNG.....40
 Bảng 5: Các công ty con trực thuộc TNG tại thời điểm 31/03/202240
 Bảng 6: Các công ty con trực thuộc TNG tại thời điểm 31/03/202242
 Bảng 7: Các đơn vị trực thuộc công ty44
 Bảng 8: Một số phần mềm ứng dụng tại công ty47
 Bảng 9: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2019, 2020, 202148
 Bảng 10: Doanh thu hợp nhất theo sản phẩm năm 2020, 2021, Quý I năm 2022 của TNG..... 49
 Bảng 11: Doanh thu Công ty mẹ theo sản phẩm năm 2020, 2021, Quý I năm 2022 của TNG49
 Bảng 12: Lợi nhuận hợp nhất theo sản phẩm năm 2020, 2021, quý I năm 2022 của TNG51
 Bảng 13: Lợi nhuận riêng lẻ theo sản phẩm năm 2020, 2021, quý I năm 2022 của TNG51
 Bảng 14: Danh sách các nhà cung cấp nguyên liệu cho công ty54
 Bảng 15: Cơ cấu chi phí sản xuất trong năm 2020, 2021, Quý I năm 2022 của Công ty hợp nhất
 54
 Bảng 16: Cơ cấu chi phí sản xuất trong năm 2020, 2021, Quý I năm 2022 của Công ty riêng lẻ 55
 Bảng 17: Một số phần mềm ứng dụng tại Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG58
 Bảng 18: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của
 TNG trong giai đoạn 2019 – 2021..... 60
 Bảng 19: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.....62
 Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất.....64
 Bảng 21: Tình hình tài chính của một số doanh nghiệp trong cùng ngành.....67
 Bảng 22: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/03/202269
 Bảng 23: Số năm khấu hao các tài sản năm 2021 71
 Bảng 24: Tổng hợp các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty 72
 Bảng 25: Tổng hợp giá trị các quỹ của Công ty hợp nhất.....73
 Bảng 26: Tổng hợp giá trị các quỹ của Công ty riêng lẻ.....73
 Bảng 27: Tổng hợp các khoản vay của Công ty hợp nhất.....73
 Bảng 28: Tổng hợp các khoản vay của Công ty hợp nhất.....74
 Bảng 29: Tổng hợp các khoản phải thu của Công ty hợp nhất79
 Bảng 30: Tổng hợp các khoản phải thu của Công ty mẹ.....80
 Bảng 31: Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021 của công ty hợp nhất.....80
 Bảng 32: Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021 của công ty mẹ.....80
 Bảng 33: Các khoản phải trả của Công ty hợp nhất80
 Bảng 34: Các khoản phải trả của Công ty mẹ81
 Bảng 35: Hàng tồn kho của của Công ty hợp nhất.....81
 Bảng 36: Hàng tồn kho của của Công ty hợp mẹ.....82
 Bảng 37: Các khoản phải trả của Công ty hợp nhất82
 Bảng 38: Các khoản phải trả của Công ty riêng lẻ.....83
 Bảng 39: Chi tiết tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình của Công ty hợp nhất/Công
 ty mẹ tại ngày 31/12/202197
 Bảng 40: Chi tiết tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình của Công ty hợp nhất/Công
 ty mẹ tại ngày 31/03/202298
 Bảng 41: Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty hợp nhất/Công ty mẹ.....98

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (tại 31/03/2022).....31
 Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (tại 31/03/2022).....32
 Hình 3: Tốc độ tăng CPI bình quân so với năm trước (giai đoạn 2016-2021)..... 112

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Là một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế, TNG cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của các nhân tố ấy.

1.1 Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng phản ánh trực tiếp sức khỏe của nền kinh tế nói chung và các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế nói riêng. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trong năm 2020 và 2021, nền kinh tế toàn cầu đang phải chịu sức ép rất lớn do ảnh hưởng của dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (Covid-19) bùng phát mạnh trên toàn cầu, dẫn đến các hoạt động kinh tế bị ngưng trệ, đặc biệt lĩnh vực hàng không, logistics, dầu khí, du lịch...

Mặc dù, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2021 được hồi phục ở mức 5,9% (so với mức -3,1% năm 2020) nhờ sự hồi phục của các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản đến từ việc dịch bệnh được kiểm soát và việc tiêm vắc xin được triển khai trên diện rộng, song những hệ quả của dịch bệnh làm chậm quá trình tăng trưởng của nền kinh tế thế giới trong năm 2022 với dự báo tốc độ tăng trưởng của IMF chỉ là 3,6%.

Bảng 1: Các số liệu vĩ mô của Việt Nam (giai đoạn 2017-Quý I/2022)

Năm	2017	2018	2019	2020	2021	Q1/2022
Tăng trưởng GDP	6,81%	7,08%	7,02%	2,91%	2,58%	5,03%*
Chỉ số CPI	3,53%	3,54%	2,79%	3,23%	1,84%	1,92%*
Cán cân thương mại (tỷ USD)	1,9	6,5	10,9	19,1	4,08	0,81
Tăng trưởng tín dụng	19,0%	13,3%	13,5%	12,13%	13,53%	4,03%*
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	51,5	63,5	79,0	100,0	110,0	-

* Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

(Nguồn: Tổng cục thống kê, Ngân hàng Nhà nước, MBS tổng hợp)

Kinh tế vĩ mô trong nước năm 2020 chứng kiến mức tăng trưởng GDP đạt 2,91% - mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020. Tuy nhiên nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì nền kinh tế Việt Nam đã nằm trong những nước có tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới năm 2021. Sang năm 2021, nền kinh tế vĩ mô tiếp tục gặp phải thử thách khi Việt Nam phải trải qua làn sóng Covid-19 thứ 4 với số ca nhiễm tăng mạnh, tập trung ở các thành phố lớn và tỉnh có các khu công nghiệp lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Bắc Giang, Bình Dương, với

tổng số 831.523 ca nhiễm (tính từ 27/4/2021 đến 10/10/2021). Hậu quả là kinh tế Việt Nam đã chứng kiến mức tăng trưởng âm trong Quý 3/2021 (-6.17% so với cùng kỳ), lần đầu tiên trong thập kỷ vừa qua. Với việc kiểm soát dịch bệnh hiệu quả và tốc độ triển khai tiêm phủ vắc xin nhanh chóng, kinh tế Việt Nam đã phục hồi lại mức 5,22% trong Quý 4/2021, giúp tăng trưởng GDP cả năm đạt 5,03%. Tính đến ngày 21/03/2022, Việt Nam đã tiêm 203 triệu liều vắc xin, trong đó 79,9% dân số đã tiêm đủ liều (theo Our World In Data). Tuy nhiên, việc dịch bệnh vẫn còn để lại các hệ quả nặng nề đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, cũng như việc các chỉ tiêu như lạm phát và lãi suất cũng có thể có những diễn biến khó lường, sẽ có thể gây khó khăn cho việc lên kế hoạch cũng như thực hiện kế hoạch của các doanh nghiệp trong nước nói chung, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của TNG nói riêng. Cụ thể, diễn biến bất lợi của nền kinh tế có thể ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường may xuất khẩu cũng như bất động sản, khả năng phát triển dự án mới cũng như tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành. Theo đó, điều này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng mở rộng danh mục dự án, tiến độ thu tiền hoặc mở rộng tệp khách hàng của Công ty, tác động tiêu cực đến tình hình kinh doanh và tài chính của TNG.

1.2 Rủi ro lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát tăng thường kéo theo lãi suất tăng, giá cả vật tư, nguyên liệu và nhân công cũng tăng theo, đẩy chi phí đầu vào gia tăng trong khi lại làm giảm sức cầu hàng hóa do sức mua giảm.

Trước những căng thẳng về chuỗi cung ứng do hệ quả của dịch bệnh và nhu cầu tiêu dùng tăng, lạm phát đã tăng cao trở lại tại các nền kinh tế lớn trên thế giới, đặc biệt tại Mỹ với giá tiêu dùng tăng 7% trong năm 2021, cao nhất trong vòng bốn thập kỷ. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) theo đó đã và đang thực hiện các chính sách thắt chặt tiền tệ thông qua tăng lãi suất cơ sở để kiểm soát lạm phát.

Tình hình lạm phát ở Việt Nam trong những năm qua đã được kiểm soát tốt. Năm 2021, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước, thấp nhất trong 6 năm qua trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu tăng cao. Trong quý I/2022, CPI cũng chỉ tăng 1,92%, thấp hơn mức tăng của Quý I các năm giai đoạn 2017-2021.

Mặc dù Việt Nam đã duy trì được tỷ lệ lạm phát tương đối ổn định trong những năm gần đây tuy nhiên trước những diễn biến phức tạp của tình hình biến động kinh tế thế giới, không thể chắc chắn được rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không tiếp tục lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai. Đối với doanh nghiệp như TNG, lạm phát có thể khiến tăng giá của nguyên vật liệu đầu vào, nhân công, chi phí tài chính,... Trong trường hợp Công ty không thể chuyển chi phí gia tăng này vào giá bán cho khách hàng thì việc tăng các chi phí này có thể tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận nói riêng và tình hình tài chính của Công ty nói chung.

1.3 Rủi ro lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi các mức biến động lãi suất dẫn đến chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Nhìn về tổng thể, mặt bằng lãi suất huy động của Việt Nam đang khá ổn định trong một vài năm trở lại đây, và đặc biệt duy trì ở mức tương đối thấp trong năm 2020. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh giảm lãi suất 3 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm 1,5%-2%/năm đối với từng loại lãi suất năm 2020. Trong năm 2021, mặt bằng lãi suất giữ ở mức thấp mặc dù

có tăng cục bộ tại một số ngân hàng. Đầu năm 2022 đã có dấu hiệu tăng nhẹ lãi suất ở một số ngân hàng, lãi suất ngân hàng được dự báo khó có thể duy trì mức thấp khi chịu tác động của lạm phát và sự cạnh tranh của các kênh đầu tư khác.¹

Song song với đó, Ngân hàng nhà nước tiếp tục điều tiết tín dụng tập trung vào sản xuất kinh doanh và các ngành nghề kinh doanh được ưu tiên, trong khi kiểm soát chặt tín dụng vào những lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro như bất động sản, chứng khoán, cho vay tiêu dùng. Theo đó, lãi suất cho vay đối với các ngành sản xuất kinh doanh, đặc biệt là đối với những lĩnh vực ưu tiên, thường thấp hơn khá nhiều lãi suất cho vay tiêu dùng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh tình hình dịch bệnh vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, TNG cũng sử dụng đòn bẩy tài chính là nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Trong các năm tới, TNG có thể định hướng tăng sử dụng vay vốn tín dụng để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của công ty. Ngoài ra trên thực tế, để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với TNG nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

2. Rủi ro về pháp lý

Bên cạnh những rủi ro về điều kiện kinh tế vĩ mô, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG còn chịu sự điều chỉnh của khuôn khổ luật pháp trong và ngoài nước. Rủi ro về pháp luật có tính hệ thống, có khả năng gây ảnh hưởng đến ngành và toàn nền kinh tế.

Hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của luật doanh nghiệp. Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

Bên cạnh đó, Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG phải đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu và đặc biệt là yêu cầu của khách hàng về chất lượng của sản phẩm... Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp liên quan của các nước thị trường xuất khẩu. Điển hình là các chính sách về thuế nhập khẩu, hạn ngạch. Ví dụ như đối với thị trường Hoa Kỳ, thuế suất hiện nay đang áp dụng đối với sản phẩm dệt may đang là 17 – 18%, 0% là thuế suất áp dụng cho sản phẩm dệt may Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU. Tuy nhiên, theo công hàm số 14-575 ngày 28/09/2021 của Ủy ban Kinh tế Á Âu (EEC), các mặt hàng dệt may của Việt Nam xuất khẩu vào Liên minh Kinh tế Á Âu (EAEU) vượt mức ngưỡng hạn ngạch thuế quan ưu đãi nhập khẩu quy định cho năm 2021 trong 7 tháng đầu năm theo quy định tại Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á Âu (VN-EAEU FTA). Do đó, đối với một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam, hàng dệt may có nguy cơ bị áp dụng biện pháp phòng vệ ngưỡng. Theo đó, tùy thuộc vào lượng xuất khẩu vượt ngưỡng, các mặt hàng dệt may của Việt Nam sẽ bị áp mức thuế tối huệ quốc (MFN) trong thời hạn 06 tháng hoặc 09 tháng.

Ngoài việc phải chủ động tăng nguồn cung, tiêu chuẩn cao hơn từ nguyên liệu đầu vào thì đối thủ cạnh tranh đến từ các nước cũng thuộc khu vực miễn thuế cũng là một mối lo ngại của Công ty. Được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại quốc tế nhưng đó cũng là thách thức lớn đối với ngành dệt may của Việt Nam cũng như đối với Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG. Bất

¹Nguồn: 6 tháng cuối năm 2022: Mặt bằng lãi suất sẽ tăng thêm bao nhiêu phần trăm? (Báo diễn đàn doanh nghiệp)

123
TY
ĐU TƯ
G MẠI
THAY

cứ sự thay đổi nào của các quy định pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro liên quan đến báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Hệ thống kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành (“VAS”). Do đó, nhà đầu tư không nên so sánh các báo cáo tài chính của Công ty với các báo cáo tài chính của các công ty được lập theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) hoặc bất kỳ chuẩn mực kế toán nào khác mà có thể quen thuộc hơn với nhà đầu tư.

Các báo cáo tài chính của Công ty là một phần không thể tách rời của Bản Cáo Bạch Niêm Yết này, không được lập cho các đối tượng không quen thuộc các nguyên tắc, chuẩn mực, và thực hành kế toán của Việt Nam, và không được dự định để thể hiện tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc, chuẩn mực và thực hành kế toán được chấp thuận rộng rãi tại các quốc gia không phải Việt Nam.

4. Rủi ro đặc thù

Bên cạnh những rủi ro vĩ mô, tình hình hoạt động kinh doanh còn có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố đặc thù của ngành và của Công ty.

4.1. Rủi ro về cạnh tranh

Với những lợi thế sẵn có về ổn định kinh tế - xã hội và đặc biệt là nguồn lao động, Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới với 4 – 5% thị phần và hiện vẫn đang tăng trưởng nhanh. Trong đó, Hoa Kỳ và EU là hai thị trường lớn nhất. Tuy nhiên, ngành dệt may nước ta vẫn chỉ chủ yếu thực hiện các công đoạn cắt may, gia công, mang lại giá trị gia tăng thấp. TNG nói riêng và các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nói chung vẫn đang chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các đối thủ từ Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia,... có trình độ công nghệ và khả năng đáp ứng nhu cầu cao. Áp lực cạnh tranh từ các đối thủ này luôn đòi hỏi Công ty phải đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh, đảm bảo tiến độ hợp đồng...

4.2. Rủi ro về thị trường

Là một doanh nghiệp xuất khẩu nên mọi biến động của thị trường thế giới có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy Việt Nam chính thức gia nhập WTO năm 2006, song việc thực hiện lộ trình gia nhập còn cần có thời gian. Hiện tại, Hoa Kỳ và EU là hai thị trường lớn nhất của dệt may Việt Nam chiếm khoảng 60% tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng dệt may. Do đó, bên cạnh những thuận lợi Công ty vẫn còn chịu một số rủi ro từ việc áp thuế chống bán phá giá, cơ chế giám sát, các rào cản kỹ thuật,... từ các thị trường này.

Dưới sự hỗ trợ của Bộ Công thương, Công ty đã chủ động xây dựng những phương án tích cực để phòng ngừa, đối phó như: Ký các đơn hàng giá cao, tham khảo mức giá FOB mà các đơn vị khác trong ngành đã thực hiện hoặc tham khảo tốc độ hàng xuất cùng chủng loại vào các thị trường nhạy cảm.

4.3. Rủi ro về nguyên vật liệu

TNG nói riêng và các doanh nghiệp dệt may trong nước nói chung tiếp tục đối mặt với hạn chế lớn của ngành là thiếu nguyên liệu, phụ liệu. Đa phần nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất vẫn phải nhập khẩu. Tính đến nay, ngành dệt may mới chỉ nội địa hóa được khoảng gần 50% nguồn nguyên phụ liệu xuất nên giá trị thặng dư của ngành còn thấp. Cụ thể, hiện nay ngành mới chỉ đáp ứng được 2% nhu cầu bông và 1/8 nhu cầu vải. Tuy nhiên, chất lượng lại chưa thể

được đảm bảo. Mặc dù tỷ lệ nội địa hóa đang được dần cải thiện nhưng vẫn còn kém xa so với Trung Quốc (95%) và Ấn Độ (90%).

Vì nguồn nguyên vật liệu chính của Công ty thường phải nhập khẩu từ nước ngoài (hơn 60%), nên sự biến động về số lượng và giá cả của nguồn cung có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Trong thời gian qua, Công ty đã thực hiện các biện pháp để hạn chế các rủi ro này như: mua từ nhiều nhà cung cấp, mua dự trữ.

4.4. Rủi ro tỷ giá

Doanh thu chủ yếu của Công ty đến từ hoạt động gia công xuất khẩu các sản phẩm may mặc, nguồn thu này chịu ảnh hưởng lớn của việc biến động tỷ giá hối đoái. Ngoài ra, nguyên vật liệu của Công ty cũng được nhập phần lớn từ các đối tác nước ngoài. Do đó, việc biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như hiệu quả kinh doanh của Công ty.

4.5. Rủi ro về nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là một trong những nguồn đầu vào quan trọng đối với các doanh nghiệp dệt may. TNG xác định việc đảm bảo đủ về số lượng, và chất lượng công nhân là một trong những điều kiện tiên quyết để đảm bảo tăng trưởng doanh thu và uy tín với khách hàng. Do đó, TNG đã thành lập và phát triển Trung tâm đào tạo TNG để đào tạo trực tiếp, đáp ứng phần lớn nhu cầu về nhân lực của TNG. Bên cạnh đó, TNG cũng chú trọng đến những điều kiện phúc lợi cho cán bộ công nhân viên như cung cấp ký túc xá cho công nhân, tài trợ 100% bảo hiểm thân thể, hỗ trợ cán bộ công nhân viên đi lại bằng xe buýt của TNG, và xây dựng các nhà trẻ tại các khu vực có nhà máy của TNG. Công ty xác định đây là một trong những biện pháp hạn chế rủi ro về nhân lực bền vững và lâu dài..

6. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, những rủi ro khác mang tính chất bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty như: thiên tai, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố, khủng hoảng,... Ví dụ như dịch Covid-19 xảy ra đầu năm 2020 là một sự kiện mà TNG không thể dự đoán hay chuẩn bị trước khi sự kiện xảy ra. TNG chỉ có thể cố gắng thích nghi và có các biện pháp giảm thiểu thiệt hại sau khi sự kiện đã bắt đầu xảy ra và diễn biến. Những rủi ro bất khả kháng như dịch bệnh có thể diễn biến xấu hơn trong thời gian tới sẽ dẫn đến những khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU

[Phần còn lại của trang được để trống có chủ đích]

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Nguyễn Văn Thờ Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Nguyễn Đức Mạnh Chức vụ: Tổng giám đốc.

Bà Trần Thị Thu Hà Chức vụ: Kế toán trưởng.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Chức vụ: Giám đốc Tư vấn - Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

Giấy ủy quyền: Số 72/2020/MBS-UQ do Tổng Giám đốc ban hành ngày 01/11/2020

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cung cấp.

[Phần còn lại của trang được để trống có chủ đích]

III. CÁC KHÁI NIỆM

Từ viết tắt/ Thuật ngữ	Định nghĩa
BCTC	: Báo cáo tài chính
BDS	: Bất động sản
Bản Cáo Bạch Chào Bán	: Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
Bản Cáo Bạch Niêm Yết/ Bản cáo bạch	: Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu trên sở giao dịch chứng khoán của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, tức bản cáo bạch này
Các Văn Kiện Trái Phiếu	: “Các Văn Kiện Trái Phiếu” là mỗi trong số các văn kiện sau: (i) Các Điều Kiện Trái Phiếu; và (ii) Bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào khác được ký kết hoặc ban hành sau Ngày Phát Hành có quy định và/hoặc liên quan về quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với các Trái Phiếu và được các bên liên quan công nhận (và được những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) là một Văn Kiện Trái Phiếu.
CBTT	: Công bố thông tin
CNTT	: Công nghệ thông tin
CTCP	: Công ty cổ phần
Chuyển Quyền Sở Hữu	: Các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu
DT	: Doanh thu
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
UBKT	: Ủy ban kiểm toán
ĐKDN	: Đăng ký doanh nghiệp
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước
Ngân hàng TMCP	: Ngân hàng Thương mại cổ phần
TNG/Tổ Chức Phát Hành/ TCPH/ Công ty/ Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết/TCĐKNY	: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết	: Công ty cổ phần Chứng Khoán MB
Ngày Phát Hành	: Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc UBCKNN có quyết định khác, Ngày Phát Hành là ngày kết thúc đợt chào bán của Trái Phiếu, được xác định theo quy định của pháp luật, theo công bố chính thức của Tổ Chức Phát Hành và báo cáo UBCKNN. Tức Ngày Phát Hành là 16/05/2022
Ngày Đáo Hạn	: Là ngày tròn 04 năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu. Tức Ngày Đáo Hạn là 16/05/2026
Ngày Đăng Ký Cuối Cùng/ Ngày Chốt Danh Sách	: Là ngày liên quan đến việc chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc thực hiện nghĩa vụ theo Trái Phiếu, theo quy định của pháp luật và VSD để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng

	quyền thanh toán và/hoặc quyền/nghĩa vụ khác đối với và liên quan đến Trái Phiếu đó.
Kỳ Tính Lãi	: là 03 tháng, kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi, cho đến, nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi tiếp theo hoặc Ngày Đáo Hạn trái phiếu. Ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi đầu tiên là Ngày Phát Hành. Tiền lãi trái phiếu được trả sau theo định kỳ 03 (ba) tháng một lần kể từ ngày phát hành vào cuối mỗi Kỳ Tính Lãi.
Ngày Mua Lại	: Là ngày Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại và thanh toán Trái Phiếu trước hạn nếu có (theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Các Văn Khoản Trái Phiếu).
Ngày Làm Việc	: Là bất kỳ ngày nào (trừ ngày thứ Bảy, Chủ Nhật và bất kỳ ngày lễ chính thức nào tại Việt Nam) mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa hoạt động bình thường.
Người Sở Hữu Trái Phiếu	: Là chủ sở hữu của Trái Phiếu theo quy định của pháp luật liên quan, quy chế của VSD và SGDCK.
STT	: Số thứ tự
SGDCK	: Sở Giao Dịch Chứng Khoán, có nghĩa là bất kỳ sở giao dịch chứng khoán nào của Việt Nam mà tại đó Trái Phiếu được phép niêm yết để giao dịch tập trung.
TGD	: Tổng Giám đốc
TSCĐ	: Tài sản cố định
UBND	: Ủy ban nhân dân
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Việt Nam Đồng/đồng	: Đồng tiền hợp pháp của Việt Nam
VSD	: Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam

Một số nguyên tắc diễn giải

- Cụm từ “Các Điều Khoản Trái Phiếu” sẽ có nghĩa là đề cập đến toàn bộ Các Điều Khoản Trái Phiếu mà không phải đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu.
- Các tiêu đề của bất kỳ Điều Khoản nào chỉ để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều Khoản đó.
- Đề cập đến một chủ thể là đề cập đến cả chủ thể kế nhiệm, chủ thể nhận chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền và/hoặc nghĩa vụ từ chủ thể đó.
- Trừ khi văn cảnh đòi hỏi diễn giải khác, đề cập đến bất kỳ tài liệu, văn kiện hoặc hợp đồng nào sẽ (i) gồm tất cả phụ lục và các văn bản đính kèm khác của tài liệu, văn kiện hoặc hợp đồng đó, (ii) là các bản thay thế, sửa đổi, bổ sung của tài liệu, văn kiện hoặc hợp đồng đó và có hiệu lực tại thời điểm nhất định.

[Phần còn lại của trang được để trống có chủ đích]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**
- Tên công ty viết tắt : **TNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (“CNDKDN”) : Số 600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và các lần sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm
- Địa chỉ trụ sở chính : 434/1, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại : +84 28 03854462
- Số fax : +84 28 03852060
- Website : <https://tng.vn/>
- Vốn điều lệ theo giấy CNDKDN là : 1.001.121.510.000 đồng. (Bằng chữ: Một nghìn không trăm linh một tỷ, một trăm hai một triệu, năm trăm mười nghìn đồng chẵn).
- Vốn điều lệ thực góp là : 1.001.121.510.000 đồng. (Bằng chữ: Một nghìn không trăm linh một tỷ, một trăm hai một triệu, năm trăm mười nghìn đồng chẵn).
- Người đại diện theo pháp luật của công ty : Nguyễn Văn Thời – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Mã cổ phiếu : **TNG**
- Niêm yết tại : Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội
- Logo : **TNG**

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG là công ty đa ngành với các ngành nghề kinh doanh với một số hoạt động kinh doanh chính như sau:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (Mã ngành: 1410);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng” thuộc Mục A.7 Nghị định 31/2021/NĐ-CP”) (mã ngành: 6810).

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, tiền thân là Xí nghiệp May Bắc Thái, được thành lập ngày 22/11/1979 theo Quyết định số 488/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), với số vốn ban đầu là 659,4 nghìn đồng. Xí nghiệp đi vào hoạt động ngày 02/1/1980, với 02 chuyên sản xuất. Sản phẩm của Xí nghiệp là quần áo trẻ em, bảo hộ lao động theo chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh.

- Ngày 07/5/1981, theo Quyết định số 124/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Thái, Xí Nghiệp

- May Bắc Thái đã sáp nhập Trạm May mặc Gia công thuộc Ty thương nghiệp vào Xí nghiệp, nâng số vốn của Xí nghiệp lên 843,7 nghìn đồng và năng lực sản xuất của xí nghiệp tăng lên 08 chuyên. Năm 1981 doanh thu của Công ty tăng gấp đôi năm 1980.
- Thực hiện Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về thành lập lại doanh nghiệp nhà nước, Xí nghiệp được thành lập lại theo Quyết định số 708/QĐ-UB ngày 22 tháng 12 năm 1992 của UBND tỉnh Bắc Thái. Theo đó số vốn hoạt động của Công ty được nâng lên 577,2 triệu đồng.
 - Năm 1992, Xí nghiệp đầu tư 2.733 triệu đồng để đổi mới máy móc thiết bị, mở rộng thị trường tiêu thụ ra các nước EU và Đông Âu, đưa doanh thu tiêu thụ đạt 336 triệu đồng, giải quyết việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động.
 - Năm 1997, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty may Thái nguyên với tổng số vốn kinh doanh là 1.735,1 triệu đồng theo Quyết định số 676/QĐ-UB ngày 04/11/1997 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Cũng trong năm 1997, Công ty liên doanh với Công ty May Đức Giang trực thuộc Tổng Công ty Dệt may Việt Nam thành lập Công ty May Liên doanh Việt Thái với số vốn điều lệ là 300 triệu đồng, năng lực sản xuất là 08 chuyên may.
 - Năm 2000, Công ty là thành thành viên của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas).
 - Ngày 02/01/2003, Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần May Xuất khẩu Thái Nguyên với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16/12/2002.
 - Năm 2006, Công ty nâng vốn điều lệ lên trên 18 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 13/08/2006 và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy TNG Sông Công với tổng vốn đầu tư là 200 tỷ đồng.
 - Ngày 18/03/2007, Công ty nâng vốn điều lệ lên trên 54,3 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 18/03/2007, phê duyệt chiến lược phát triển Công ty đến năm 2011 và định hướng chiến lược cho các năm tiếp theo.
 - Ngày 28/08/2007, Đại hội đồng cổ đông xin ý kiến, biểu quyết bằng văn bản quyết định đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
 - Ngày 14/11/2007, Công ty được Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu. Ngày 22/11/2007, cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG chính thức niêm yết trên HNX với mã giao dịch TNG.
 - Năm 2008, Công ty được Tập đoàn dệt may Việt nam tặng cờ thi đua.
 - Năm 2009, Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng II.
 - Tháng 04 năm 2010, Công ty khởi công xây dựng thêm nhà máy TNG Phú Bình với tổng mức đầu tư trên 275 tỷ đồng với 64 chuyên may và thu hút thêm trên 4.000 lao động vào làm việc.
 - Ngày 10/12/2010, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán 4.773.775 cổ phiếu ra công chúng nâng vốn điều lệ lên 134,6 tỷ đồng.
 - Ngày 13/06/2011, Giai đoạn 1 nhà máy TNG Phú Bình đi vào hoạt động.
 - Ngày 31/12/2012, Giai đoạn 2 nhà máy TNG Phú Bình đi vào hoạt động.
 - Ngày 28/1/2014, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán 7.156.892 cổ phiếu (Phát hành ra công chúng, ESOP, trả cổ tức bằng cổ phiếu) nâng vốn điều lệ lên 219,42 tỷ đồng.
 - Tháng 2/2015, Giai đoạn 1 nhà máy TNG Đại Từ đi vào hoạt động.
 - Tháng 7/2015, Hoàn thiện đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất bông đi vào hoạt động.
 - Năm 2016: Khánh thành đưa vào hoạt động Trung tâm thiết kế thời trang TNG và văn

phòng làm việc của Công ty.

- Năm 2018: Thành lập Nhà máy TNG Đồng Hỷ với 8 chuyên may.
- Năm 2019: Khánh thành đưa vào hoạt động Nhà máy TNG Đồng Hỷ với 16 chuyên may.
- Năm 2020: Nhà máy TNG Võ Nhai triển khai theo mô hình nhà máy xanh; TNG vinh dự đạt chứng nhận Doanh nghiệp Bền vững năm 2020 – lĩnh vực sản xuất
- Đến nay, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG có vốn điều lệ là 1.001 tỷ đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 28/06/2022.
- Hiện nay, TNG có 19 chi nhánh với 278 chuyên may, 2 chi nhánh phụ trợ sản xuất: thêu, giặt công nghiệp, sản xuất thùng túi, bao bì carton, nhà máy in và nhà máy sản xuất bông, chần bông, 1 chi nhánh phát triển hàng gia công, 1 chi nhánh bất động sản và 1 chi nhánh phát triển hàng thời trang nội địa. TNG hiện đang sở hữu khối tài sản hơn 4.500 tỷ đồng, mỗi năm doanh thu trên 4.500 tỷ đồng, được xếp hạng “TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” và “TOP 10 doanh nghiệp lớn nhất ngành dệt may Việt nam”.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án, chi tiết như sau những đợt tăng vốn điều lệ như sau:

Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
2006	10.000	8.000	18.000	800.000	Phát hành ra công chúng	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 13/08/2006
18/03/2007	18.000	36.300	54.300	3.630.000	Phát hành ra công chúng	- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 18/03/2007
27/01/2010	54.300	32.575,5	86.875,5	3.257.550	- Chia cổ tức bằng Cổ phiếu, tỷ lệ 10:1 - Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ thực hiện 2:1	- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2009 - Ngày 4/1/2010, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 489/UBCK-GCN cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
10/12/2010	87.200	47.737,75	134.613,25	4.773.775	Phát hành ra công chúng	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 25/4/2010 - Ngày 10/12/2010, công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán 4.773.775 cổ phần ra công chúng
12/06/2014	134.613,25	13.460,9	148.074,15	1.346.090	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 13/4/2014 - Nghị quyết HĐQT số 300/NQ-HĐQT ngày 7/5//2014 - Ngày 20/05/2014, công ty được UBCKNN chấp thuận phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Ngày 12/6/2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được tài

TNG

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
26/12/2014	148.074,15	14.805,31	162.879,46	1.480.531	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết HĐQT số 560/NQ-HĐQT ngày 13/4/2014 - 18/12/2014 công ty được UBCKNN chấp thuận phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Ngày 26/12/2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (theo báo cáo kết quả phát hành số 800/TNG-BC ngày 23/12/2014) của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG. - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 20 ngày 12/1/2015 cho Công ty



TNG

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
09/02/2015	162.879,46	56.546,23	219.425,69	5.654.623	Phát hành cho người lao động: 718.813 cổ phần Bán ưu đãi, tỷ lệ 3:1, giá 10.000 đồng/cổ phiếu: 4.935.804 cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 247/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/4/2014 - Nghị quyết HĐQT số 545/NQ-HĐQT ngày 30/9//2014 - Nghị quyết HĐQT số 532/NQ-HĐQT ngày 4/9//2014 - Ngày 9/2/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do, sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành lần thứ 21 ngày 6/3/2015 cho Công ty
20/11/2015	219.425,69	21.939,16	241.364,85	2.193.916	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 510/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2015 - Nghị quyết HĐQT số 10/NQ-HĐQT ngày 9/9/2015 - Ngày 20/11/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2015 (theo Báo cáo kết quả phát hành số 1703/TNG-BC ngày

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<p>16/11/2015) của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 22 cho công ty với vốn điều lệ là 241.364.850.000 đồng
15/01/2016	241.364,85	54.856,42	296.221,27	5.485.642	<p>Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thông qua phát hành quyền mua tỷ lệ 4:1 Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 510/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2015 - Nghị quyết HĐQT 10/NQ-HĐQT ngày 9/9/2015 - Nghị quyết HĐQT số 01A/NQ-HĐQT ngày 8/1/2016 - Nghị quyết HĐQT 01/NQ-HĐQT ngày 8/1/2016 - Ngày 15/1/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2015 (theo Báo cáo kết quả phát hành ngày 7/1/2016) của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG. - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 23 cho

TNG

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
06/09/2016	296.221,27	46.428,51	342.649,78	4.642.851	<ul style="list-style-type: none"> - Chia Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1 - Phát hành cho người lao động 1.481.106 - Phát hành nhằm hoán đổi cổ phiếu với CTCP Thời trang TNG 200.000 cổ phiếu 	<p>công ty với vốn điều lệ là 296.221.270.000 đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Hội đồng quản trị 05A-TNG-HĐQT ngày 7/6/2016; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08A-TNG ngày 24/8/2016; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10A/NQ-HĐQT ngày 22/8/2016; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 9A/NQ-HĐQT ngày 14/7/2016; - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016; - Ngày 6/9/2016 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 9051-TNG ngày 5/9/2016, báo cáo kết quả

TNG

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<p>phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động số 826A-TNG ngày 26/8/2016, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi với CTCP Thời trang TNG số 9052-TNG ngày 5/9/2016 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.</p> <p>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 24 ngày 30/9/2016 cho Công ty</p>
12/07/2017	342.649,78	68.523,13	411.172,91	6.852.313	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	<p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 656C/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018;</p> <p>- Nghị quyết Hội đồng quản trị 03A-TNG ngày 18/05/2017;</p> <p>- Ngày 12/7/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 số 1607/TNG-CBTT ngày 10/7/2017 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG đã phát hành thành công 6.852.313 cổ phiếu.</p>

TNG

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
03/07/2018	411.172,91	82.228,89	493.401,8	8.222.889	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 25 ngày 27/07/2017 cho Công ty - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 781/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 22/4/2018; - Nghị quyết Hội đồng quản trị 897/NQ/TNG-HĐQT ngày 10/05/2018; - Ngày 3/7/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 số 1462/CV-TNG ngày 2/7/2018 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 8.222.889 cổ phiếu; - Ngày 27/07/2018, sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 26 cho công ty với vốn điều lệ là 493.401.800.000 đồng
12/03/2019	493.401,8	24.670,09	518.071,89	2.467.009	Phát hành cho người lao động 2.467.009	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
					cổ phiếu	<p>781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018;</p> <p>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 344/NQHĐQT-TNG ngày 27/02/2019;</p> <p>- Nghị quyết Hội đồng quản trị 70/NQHĐQT-TNG ngày 15/01/2019;</p> <p>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2888/NQHĐQT-TNG ngày 6/12/2018;</p> <p>- Ngày 12/3/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2018 số 426/CV-TNG ngày 07/3/2019 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 2.467.009 cổ phiếu;</p> <p>- Ngày 05/04/2019, sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 27 cho Công ty với vốn điều lệ là 518.071.890.000 đồng.</p>
24/06/2019	518.071,89	103.608,09	621.679,98	10.360.809	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số

TNG

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<p>859/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2019;</p> <p>- Nghị quyết Hội đồng quản trị 933/NQHĐQT-TNG ngày 03/05/2019;</p> <p>- Ngày 24/6/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 1346/CV-TNG ngày 20/6/2019 của CTPC Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 10.360.809 cổ phiếu.</p> <p>- Ngày 04/07/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 28 cho công ty với vốn điều lệ là 621.679.980.000 đồng.</p>
13/12/2019	621.679,98	30.434,78	652.114,76	3.043.478	Phát hành 3.043.478 cổ phiếu bằng TP chuyển đổi, giá 10.000 đồng/cổ phiếu	<p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018, thành cổ phần phổ thông;</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 2433/NQ-NQHĐQT ngày 30/10/2019.</p> <p>- Ngày 13/12/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 1) số</p>

TNG

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<p>2823CV/TNG ngày 12/12/2019 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 35 trái phiếu thành 3.043.478 cổ phiếu</p> <p>- Ngày 09/01/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 29 cho công ty với vốn điều lệ là 652.114.760.000 đồng</p>
24/07/2020	652.114,76	52.157,84	704.272,6	5.215.784	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	<p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 1461/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/5/2020</p> <p>- Nghị quyết Hội đồng quản trị 1528/NQ-HĐQT ngày 27/5/2020</p> <p>- Ngày 24/7/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 2089/CV-TNG ngày 20/7/2020 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 5.215.784 cổ phiếu.</p> <p>- Ngày 11/08/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần</p>



TNG

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
26/08/2020	704.272,6	35.687,45	739.960,05	3.568.745	Phát hành 3.586.745 cổ phiếu bằng trái phiếu chuyển đổi, giá 10.648 đồng/cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 22/4/2018 - Nghị quyết HĐQT số 2287/2020/NQ-HĐQT ngày 6/8/2020 - Ngày 26/08/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 2) số 2475CV/2020TNG ngày 24/08/2020 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 38 trái phiếu thành 3.568.745 cổ phiếu. - Ngày 30/9/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 31 cho công ty với vốn điều lệ là 739.960.050.000 đồng
10/03/2021	739.960,05	55.409,46	795.369,51	5.540.946	Phát hành 5.540.946 cổ phiếu bằng trái phiếu chuyển đổi, giá 10.648 đồng/cổ phiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 22/4/2018 - Nghị quyết HĐQT số 2287/2020/NQ-HĐQT ngày 6/8/2020;

TNG

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> Ngày 26/07/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 3) số 540 CV/TNG ngày 10/03/2021 và các tài liệu bổ sung của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 59 trái phiếu thành 5.540.946 cổ phiếu. Ngày 13/08/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 32 cho công ty với vốn điều lệ là 795.36.951.000 đồng
13/10/2021	795.369,51	63.618,28	858.987,79	6.361.828	Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 1046/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2021; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 3602/2021/NQ-HĐQT ngày 18/08/2021; Ngày 13/10/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 3569/CV-TNG ngày

TNG

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
15/11/2021	858.987,79	68.000	926.987,79	6.800.000	Phát hành 6.800.000 cổ phiếu bằng trái phiếu chuyển đổi, giá 10.000 đồng/cổ phiếu	<p>08/10/2021 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 6.361.828 cổ phiếu.</p> <p>- Ngày 27/10/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 33 cho công ty với vốn điều lệ là 858.987.790.000 đồng.</p> <p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 22/4/2018;</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 021121/NQ-HĐQT ngày 02/11/2021;</p> <p>- Ngày 30/11/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 4) số 3966/CV-TNG ngày 23/11/2021 và các tài liệu bổ sung của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 68 trái phiếu thành 6.800.000 cổ phiếu.</p> <p>- Ngày 10/12/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy</p>

TNG

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
03/06/2022	926.987,79	74.133,72	1.001.121,51	7.413.372	Phát hành 7.413.372 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	<p>chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 34 cho công ty với vốn điều lệ là 926.987.790.000 đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1022/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2022; - Nghị quyết số 1069/NQ-HĐQT ngày 27/04/2022 về việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. - Công văn số 2834/UBCK-QLCB ngày 17/05/2022 về việc phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 1590/CV-TNG ngày 08/06/2022 của TNG; - Công văn số 3876/UBCK-QLCB ngày 21/06/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả trả cổ tức bằng cổ phiếu; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 28/06/2022

(Nguồn: Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNG)

Tất cả các đợt phát hành tăng vốn của công ty đều được công ty thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Công ty xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin trên.

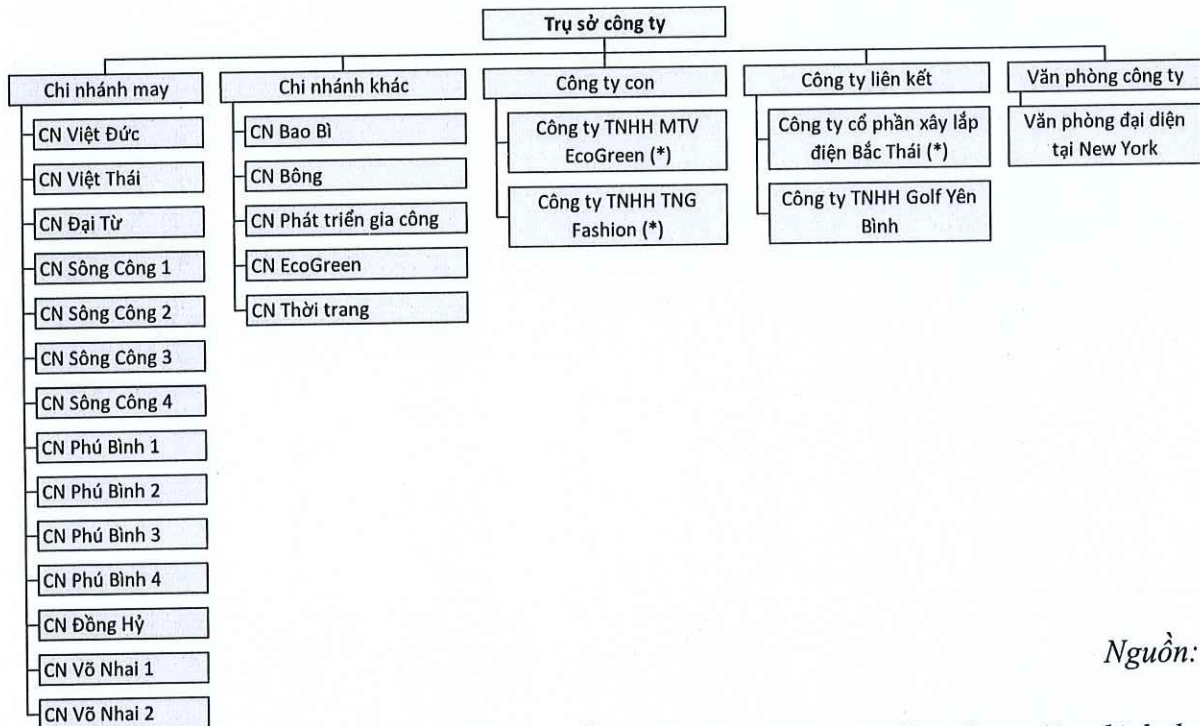
[Phần còn lại của trang được để trống có chủ đích]

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (tại 31/03/2022)

Hiện nay, TNG sở hữu 19 chi nhánh (16 nhà máy may và 02 nhà máy sản xuất phụ trợ, 01 chi nhánh phát triển hàng gia công, 01 chi nhánh bất động sản, 01 chi nhánh thời trang phát triển hàng nội địa), với 278 chuyên may, 02 công ty con, 02 công ty liên kết.

Hình 01: Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát Hành

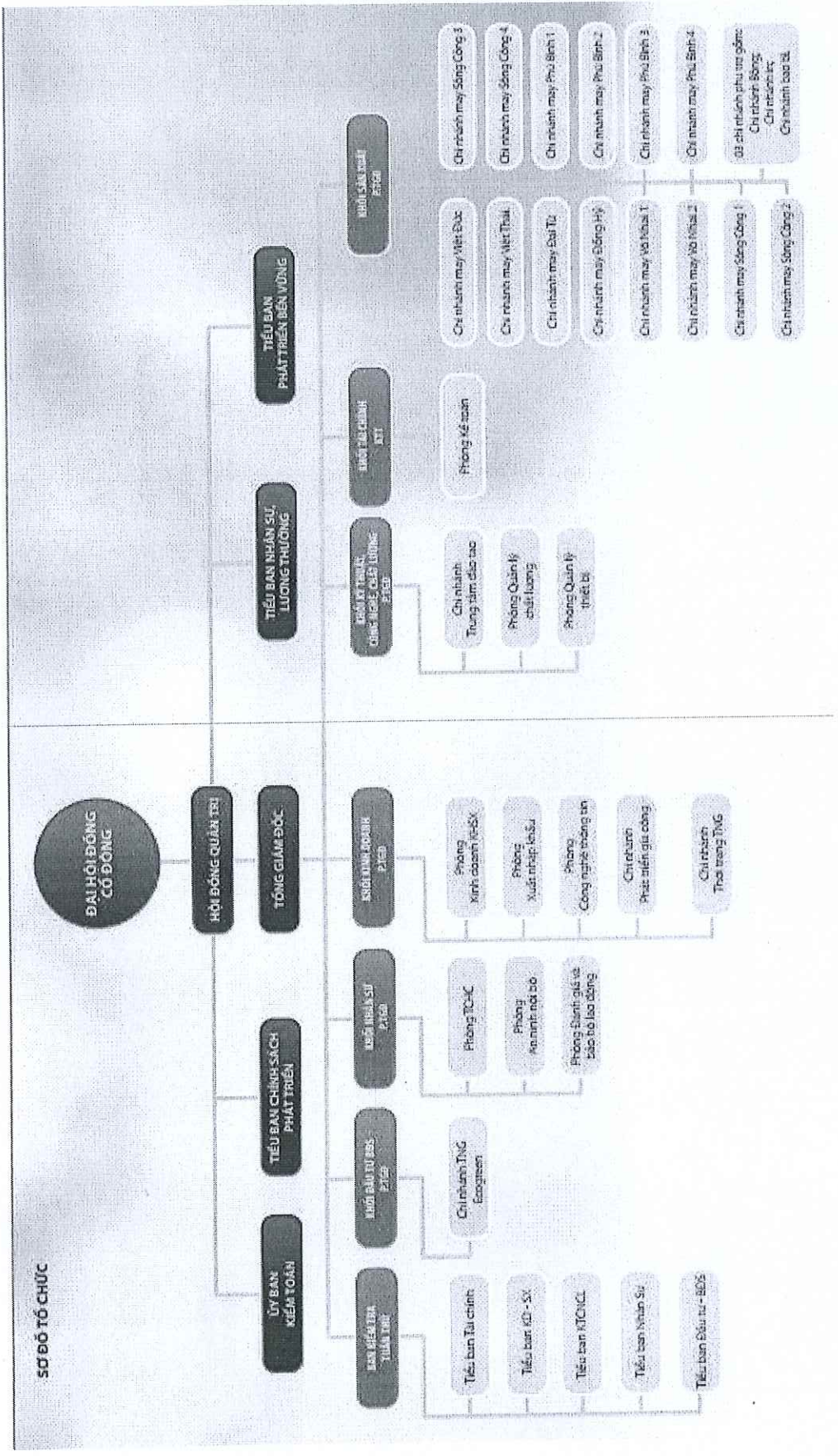


Nguồn: TNG

Ghi chú: (*) Các công ty con và công ty liên kết của Công ty đang tạm dừng hoạt động kinh doanh.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (tại 31/03/2022)



(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG)

Hiện tại, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

1.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là đơn vị có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định các vấn đề sau:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

1.2. Hội đồng Quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị có 9 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Số lượng thành viên HĐQT có thể thay đổi tùy theo yêu cầu phát triển của công ty và do ĐHĐCĐ quyết định.

HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác] và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

1.3. Ủy Ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có quyền và trách nhiệm như sau:

- Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
- Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
- Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
- Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty;
- Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

1.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc do HĐQT công ty bổ nhiệm. Trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT, Đại hội đồng cổ đông về các quyết định của mình.

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

NGUYỄN

TNG

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật
- Phó Tổng giám đốc là người hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành công ty trong mảng công việc được giao.

1.5. Các phòng ban

4.5.1. Ban kiểm soát tuân thủ

- Cập nhật và xây dựng các văn bản nội bộ liên quan đến công tác quản trị rủi ro tại công ty;
- Tổ chức đào tạo, truyền thông, chia sẻ kiến thức về quản trị rủi ro doanh nghiệp;
- Nhận diện, đánh giá rủi ro, gắn liền với mục tiêu chiến lược, kinh doanh của công ty;
- Đầu mối triển khai quy trình quản lý rủi ro bao gồm nhận diện, đánh giá, xử lý và báo cáo rủi ro đối với các hoạt động của công ty;
- Cập nhật, truyền thông các nội dung pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Tư vấn pháp lý, bao gồm thẩm định hệ thống văn bản nội bộ, hợp đồng, giải quyết các sự vụ khiếu nại, tố tụng, tranh chấp liên quan đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật;
- Cập nhật, xây dựng các tài liệu nội bộ về kiểm soát tuân thủ các hoạt động công ty;
- Triển khai kiểm tra, đánh giá mức độ tuân thủ trong hoạt động của các phòng ban, đơn vị của công ty theo Điều lệ, quy định, quy trình nội bộ;
- Báo cáo định kỳ về công tác tuân thủ định kỳ và các chỉ số quản trị về tuân thủ cho Ban lãnh đạo công ty.

4.5.2. Phòng tổ chức hành chính

- Quản trị các thông tin quá trình làm việc của người lao động từ khi vào công ty đến khi nghỉ chế độ;
- Quản trị tiền lương toàn công ty;
- Quản trị các tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá của các khách hàng:
 - + Bộ hướng dẫn hồ sơ chuẩn bị đánh giá;
 - + Tiêu chí về đánh giá trách nhiệm xã hội;
 - + Tiêu chí về đánh giá an ninh chống khủng bố;
- Kiểm soát và duy trì việc thực hiện đánh giá khách hàng đảm bảo các đánh giá luôn trong trạng thái còn hạn và đảm bảo yêu cầu của khách hàng.
- Đánh giá chất lượng làm việc theo tiêu chí định lượng cụ thể từ khi người lao động vào học việc/đào tạo tại công ty đến khi nghỉ chế độ;



- Xây dựng quy trình đào tạo để nâng cao năng lực làm việc cho người lao động từ khi người lao động vào học việc/đào tạo đến khi nghỉ chế độ;
- Quản trị toàn bộ các chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo các bài kiểm tra, kết quả kiểm tra trên hệ thống phần mềm đào tạo;
- Xây dựng quy trình và kiểm tra giám sát thực hiện chế độ quyền lợi và các phúc lợi cho người lao động;
- Xây dựng chính sách tạo động lực làm việc cho người lao động (thi đua khen thưởng, kỷ luật);
- Thực hiện công tác hành chính quản trị Văn phòng công ty;
- Tất cả mọi thông tin về con người được thực hiện theo quy trình hệ thống phần mềm ERP; Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm;
- Thực hiện công tác an ninh, bảo vệ đảm bảo an toàn an ninh trật tự tại các nhà máy;
- Thực hiện công tác đánh giá cán bộ.

4.5.3. Phòng Công nghệ thông tin

- Xây dựng, nâng cấp, triển khai, duy trì hệ thống phần mềm, Email, Website, hệ thống phần mềm ERP;
- Xây dựng, nâng cấp, triển khai, duy trì hoạt động hệ thống thiết bị phần cứng công nghệ thông tin;
- Chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin;
- Lập trình ứng dụng phần mềm, ứng dụng online;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng công nghệ thông tin tham mưu ban hành.

4.5.4. Phòng kinh doanh – kế hoạch sản xuất

- Đáp ứng đủ đơn hàng cho các nhà máy sản xuất liên tục, ổn định theo kế hoạch HĐQT giao;
- Khai thác và phát triển khách hàng mới theo định hướng chiến lược khách hàng của công ty;
- Quản lý khách hàng của từng chi nhánh đảm bảo việc khai thác khách hàng theo định hướng và tỷ lệ từng khách hàng;
- Thẩm định giá thành phương án kinh doanh (P1) trên phần mềm và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (Doanh thu, Doanh số);
- Đánh giá các nhà cung cấp và khách hàng đảm bảo phòng tránh rủi ro cho sản xuất kinh doanh của công ty;
- Kiểm soát Cân đối nguyên phụ liệu, kiểm soát đặt mua nguyên phụ liệu theo phương án kinh doanh;
- Kiểm tra, đôn đốc và giám sát thực hiện quyết toán mã hàng P3, kiểm soát nguyên phụ liệu thành phẩm tồn kho sau sản xuất là thấp nhất;
- Kiểm soát số lượng xuất hàng thừa thiếu;
- Theo dõi, báo cáo thực hiện hợp đồng (Số lượng xuất hàng thừa thiếu theo phương án kinh doanh);
- Theo dõi và đôn đốc công nợ phải thu
- Tham mưu việc xây dựng kế hoạch giao khoán năm của công ty và giám sát thực hiện cân đối năng lực, giao khoán kế hoạch sản xuất theo tháng, năm của từng chi nhánh;

- Giám sát việc dàn chuyền chi tiết, lập kế hoạch sản xuất chi tiết theo từng PO của từng mã hàng theo kế hoạch giao hàng của khách hàng;
- Tổng hợp theo dõi tiến độ sản xuất, tiến độ giao hàng theo kế hoạch giao hàng theo từng PO, mã hàng các chi nhánh;
- Lập báo cáo phân tích năng suất lao động, đề xuất các giải pháp tăng năng suất lao động;
- Báo cáo phân tích và đánh giá chỉ số thực hiện về tỷ lệ giao hàng sớm/đúng hạn/muộn;
- Theo dõi sản xuất, báo cáo ra chuyền hàng ngày;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu doanh số sản xuất;
- Giám sát thực hiện quy trình sản xuất đối với các chi nhánh.

4.5.5. Phòng Xuất nhập khẩu

- Thực hiện thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu; làm hóa đơn, giấy chứng nhận xuất xứ, để hoàn thiện bộ hồ sơ đòi tiền khách hàng;
- Giao nhận hàng hóa, vận tải nội bộ cho các chi nhánh;
- Báo cáo quyết toán nguyên vật liệu nhập khẩu, thanh khoản hải quan đảm bảo việc quyết toán vật tư nhập khẩu theo quy định của hải quan và đảm bảo yêu cầu và quy định theo thông tư 38-39;
- Báo cáo kim ngạch xuất/nhập khẩu, quản lý chi phí xuất, nhập khẩu, vận tải hàng hóa;
- Đảm bảo việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực thuế, hải quan, xuất nhập khẩu;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

4.5.6. Phòng công nghệ

- Phân tích bố trí công nghệ sản xuất chuyền may, đề xuất ứng dụng thiết bị công nghệ mới;
- Phân tích thao tác chuẩn, thời gian công nghệ chuẩn củng cố phần mềm tính đơn giá và xây dựng định mức giá thành chào hàng;
- Áp dụng công nghệ Lean cho sản xuất và phân tích hiệu quả của các sáng kiến cải tiến công nghệ;
- Tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo, dạy nghề;
- Xây dựng, tổ chức thi thợ may giỏi và nâng bậc;
- Xây dựng quy trình may mẫu, thiết kế mẫu đảm bảo đúng tiến độ giao hàng theo yêu cầu của từng khách hàng;
- Xây dựng thời gian công nghệ theo các dòng sản phẩm;
- Xây dựng quy trình triển khai sản xuất sản phẩm;
- Đào tạo chuyên môn cho nhân viên mới bộ phận kỹ thuật công nghệ;
- Tham gia dự án Sam Pace - Decathlon;
- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm

4.5.7. Phòng quản lý chất lượng

Quản trị hệ thống đánh giá quản lý chất lượng (SQP)

- Xây dựng quy trình, đánh giá, giám sát hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của công ty và tiêu chuẩn khách hàng;
- Đảm bảo hệ thống đánh giá quản lý chất lượng đạt theo tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng;



- Đào tạo, giám sát các đơn vị, nhân viên (SQP) thực hiện theo quy trình hệ thống đánh giá quản lý chất lượng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu;

Quản trị hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm (QA)

- Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của từng khách hàng;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình của các chi nhánh đảm bảo việc tuân thủ và thực hiện theo quy trình khách hàng và công ty quy định;
- Phân tích chỉ số chất lượng và đưa cảnh báo đối với các đơn vị có nguy cơ rủi ro về chất lượng sản phẩm trước khi xuất hàng;
- Báo cáo phân tích đánh giá chỉ số chất lượng của các chi nhánh, từng khách hàng, từng nhà cung cấp;
- Đào tạo, giám sát định kỳ cho các đơn vị, nhân viên QA/QC thực hiện theo quy trình hệ thống quản lý chất lượng;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu chỉ tiêu chất lượng trên phần mềm;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất Khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu;

Quản trị hệ thống Lab

- Quản trị hệ thống Lab, xây dựng quy trình, đánh giá, giám sát hệ thống quản lý đạt theo tiêu chuẩn khách hàng tại công ty;
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn test nguyên phụ liệu đầu vào phù hợp với tiêu chuẩn của khách hàng, của ngành dệt may Việt Nam;
- Xây dựng các bộ tiêu chuẩn Test cho các sản phẩm công nghệ, phù hợp với tiêu chuẩn ngành trong nước và quốc tế;
- Giám sát việc thực hiện quy trình của các phòng Lab thành viên tại các chi nhánh đảm bảo việc tuân thủ và chất lượng mẫu Test (Thử nghiệm) theo quy trình Lab;
- Đảm bảo mẫu đạt tiêu chuẩn, phương pháp thử nghiệm, đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn của khách hàng;
- Quản lý, vận hành trực tiếp phòng Lab (thử nghiệm) tại các khu vực Sông Công, Phú Bình;
- Đào tạo, giám sát định kỳ các đơn vị thực hiện theo tiêu chuẩn khách hàng, công ty quy định;
- Phân tích chỉ số, chỉ tiêu, phương pháp Test và cập nhật các thông tin, theo định kỳ, theo tiêu chuẩn ngành;
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu/nhập liệu chỉ tiêu Lab trên phần mềm Module chất lượng;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức Khen thưởng hoặc kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu;

4.5.8. Phòng quản lý thiết bị - An toàn vệ sinh lao động

Công tác quản lý thiết bị

- Quản lý máy móc thiết bị;
- Quản lý phụ tùng;
- Quản lý công cụ dụng cụ;

- Quản lý, vận hành hệ thống điện, trạm điện, máy phát; hệ thống cấp nước sinh hoạt, bể chứa cháy;
- Quản lý hệ thống điều hòa;
- Quản lý hệ thống thang máy;
- Quản lý hệ thống lò hơi;
- Quản lý hệ thống máy nén khí;
- Quản lý chi phí điện, nước, nhiên liệu;
- Phân tích hiệu quả đầu tư, hiệu suất sử dụng các loại máy móc thiết bị;
- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu;

Công tác an toàn vệ sinh lao động

- Quản trị các tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá của các khách hàng:
 - + Tiêu chí an toàn vệ sinh lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm;
 - + Tiêu chí bảo vệ môi trường và tài nguyên nước
 - + Tiêu chí chăm sóc sức khỏe ban đầu, trực sơ cấp cứu, bệnh nghề nghiệp;
 - + Tiêu chí về duy trì 5S;
- Thực hiện công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lũ, phòng chống thiên tai;
- Đào tạo nhân viên an toàn tại các đơn vị;
- Quản trị hoạt động của phòng theo quy trình hệ thống phần mềm ERP; Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc cập nhật số liệu phần mềm.

4.5.9. Phòng kế toán

- Xây dựng hệ thống kiểm soát tài chính;
- Đào tạo nội bộ;
- Kiểm soát chi phí;
- Kiểm soát hạn mức tín dụng;
- Kiểm soát báo cáo nội bộ;
- Lập, phân tích báo cáo tài chính toàn công ty, công bố báo cáo theo quy định;
- Thực hiện nghiệp vụ cân đối vốn và huy động vốn cho các dự án mà HĐQT giao.
- Thực hiện công tác báo cáo thuế, báo cáo thống kê theo quy định của nhà nước hiện hành;
- Kiểm tra, giám sát công tác kế toán tài chính của các chi nhánh trong toàn công ty;
- Kế toán dự án và xây dựng cơ bản;
- Giám sát thực hiện quy trình và đề xuất hình thức kỷ luật các bộ phận không tuân thủ quy trình mà phòng tham mưu.

4. Danh sách cổ đông lớn và cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Danh sách cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ngày 03/06/2022

TT	Tên cổ đông	CMND/CCCD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần TNG nắm giữ/có quyền biểu quyết	Tỷ lệ cổ phần TNG nắm giữ
1	Nguyễn Văn Thời	090117808	P. Phan Đình Phùng- TP. Thái Nguyên	16.702.689	18,02%
2	Nguyễn Đức Mạnh	019083000466	Số 434/1 Đường Bắc Kạn- TP. Thái Nguyên	6.529.614	7,04%
3	Trần Cảnh Thông	023324942	8.07 Cao ốc Thịnh Vượng - 531 Nguyễn Duy Trinh - P.Bình Trưng Đông - Q.2 - TP.HCM	6.093.167	6,57%
	Tổng cộng			29.325.470	31,63%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 03/06/2022 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG)

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại ngày 03/06/2022 của TNG

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1. Nhà đầu tư trong nước	15.255	90.783.276	97,93%
Tổ chức	39	2.205.309	2,38%
Cá nhân	15.216	88.577.967	95,55%
2. Nhà đầu tư nước ngoài	109	1.915.503	2,07%
Tổ chức	17	1.415.632	1,53%
Cá nhân	92	499.871	0,54%
3. Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng	15.364	92.698.779	100,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 03/06/2022 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG)

Cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNG được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600305723 cấp lần đầu ngày 02/01/2003 và các lần sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm, tính đến nay, cổ phần cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được tự do chuyển nhượng. Hiện các cổ đông sáng lập không nắm giữ cổ phiếu Công ty.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

5.1 Danh sách Công ty mẹ

Không có

5.2 Danh sách Công ty con

Thông tin về các công ty con của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2022

Bảng 5: Các công ty con trực thuộc TNG tại thời điểm 31/03/2022

Đơn vị: triệu đồng

Tên Công ty	Vốn điều lệ		Tỷ lệ sở hữu (%)
	Vốn đăng ký	Vốn thực góp tại 31/12/2021	
Công ty TNHH TNG Fashion	50.000	-	100%
Công ty TNHH MTV TNG Eco Green	50.000	-	100%

Nguồn: TNG

5.2.1 Công ty TNHH TNG Fashion

Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên.

- Trụ sở:
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 4601540335 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/06/2019
- Điện thoại: 02803 858544
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh thời trang
- Vốn điều lệ đăng ký: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 0 đồng (i)
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG theo đăng ký doanh nghiệp: 100%

5.2.2 Công ty TNHH MTV Eco Green

Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

- Trụ sở:
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 4601534130 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/02/2019
- Điện thoại: 02803855617
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh Bất động sản
- Vốn điều lệ đăng ký: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 0 đồng (i)
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG theo đăng ký doanh nghiệp: 100%

(i) Tính đến thời điểm hiện tại, do tình hình dịch Covid-19 khiến kế hoạch tài chính và kinh doanh thay đổi, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG chưa thực hiện góp vốn vào 2 công ty con là Công ty TNHH TNG Fashion và Công ty TNHH MTV Eco Green. Theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2019, Công ty phải thực hiện giảm vốn khi các cổ đông không thực hiện thanh toán đầy đủ trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện nay, các công ty con này hiện đang tạm dừng hoạt động kinh doanh. Sau khi hết hạn thời gian tạm dừng hoạt động, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG sẽ có kế hoạch góp vốn hoặc giải thể tùy thuộc điều kiện thực tế kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, toàn bộ nguồn doanh thu và lợi nhuận hiện tại cũng như tài sản đang tập trung tại Công ty mẹ. Do đó, việc không thực hiện góp vốn đầy đủ vào các công ty con chỉ có rủi ro về việc phải giảm vốn điều lệ hoặc giải thể các công ty con, nhưng nguồn thanh toán gốc lãi của Công ty vẫn không bị ảnh hưởng.

5.3 Danh sách Công ty liên doanh liên kết

Bảng 6: Các công ty con trực thuộc TNG tại thời điểm 31/03/2022

Đơn vị: triệu đồng

Tên Công ty	Vốn Điều lệ		Tỷ lệ sở hữu (%)
	Vốn đăng ký	Vốn thực góp tại 31/12/2021	
Công ty cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái	1.573,7	771,15	49%
Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG	300.000	-	49%

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

5.3.1 Công ty cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái

- Trụ sở: Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên.
- Mã số thuế: 4600100130 do cục thuế tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/09/1998
- Điện thoại: 02803 858544
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp các công trình về lưới điện
- Vốn điều lệ đăng ký: 1.573.775.000 đồng
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 30 tháng 9 năm 2021: 771.150.000 đồng (ii)
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG: 49%

Doanh nghiệp đã ngừng hoạt động, TNG đã trích lập dự phòng 100% khoản đầu tư này.

5.3.2 Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG

- Trụ sở: Số 221, Đường Thống Nhất, phường Tân Lập, TP Thái Nguyên
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 4601540430 do Sở KHĐT tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/06/2019
- Điện thoại: 02803855617
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động của các cơ sở thể thao (sân golf)
- Vốn điều lệ đăng ký: 300.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 30 tháng 9 năm 2021: 0 đồng (ii)
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của TNG: 49%

(ii) Tính đến thời điểm hiện tại, do tình hình dịch Covid-19 khiến kế hoạch tài chính và kinh doanh thay đổi, Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG chưa thực hiện việc góp hoặc góp vốn chưa đủ vào Công ty cổ phần Xây Lắp Điện Bắc Thái và Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG. Theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2019, Công ty phải thực hiện giảm vốn khi các cổ đông không thực hiện thanh toán đầy đủ trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Hiện nay, Công ty cổ phần xây lắp điện Bắc Thái đang ngừng hoạt động kinh doanh. Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG và các cổ đông sáng lập đang tiến hành lên kế hoạch góp vốn hoặc giải thể tùy thuộc điều kiện thực tế kinh doanh của Công ty.

Công ty TNHH Golf Yên Bình đang làm thủ tục giải thể, dự kiến sau khi các thành viên góp vốn thống nhất phương án sẽ tiến hành thủ tục đăng ký giải thể theo quy định trong năm 2022. Tuy nhiên, toàn bộ nguồn doanh thu và lợi nhuận hiện tại cũng như tài sản đang tập trung tại

Công ty mẹ. Do đó, việc không thực hiện góp vốn đầy đủ vào các công ty con chỉ có rủi ro về việc phải giảm vốn điều lệ tại các công ty con, nhưng nguồn thanh toán gốc lãi của Công ty vẫn không bị ảnh hưởng vì việc không thực hiện góp vốn này.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

800
CÔ
Ổ PH
IÀ TH
NGU

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

6.1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh may mặc

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG là đơn vị chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và các sản phẩm phụ trợ như bao bì giấy, nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon, giặt, trần bông, in công nghiệp, thêu và nguyên phụ liệu hàng may mặc. Ngoài ra, hiện nay công ty cũng đã phát triển và kinh doanh dòng sản phẩm đồ bảo hộ, khẩu trang y tế phục vụ nhu cầu trong diễn biến đại dịch Covid-19. Công ty còn có hệ thống chuỗi cửa hàng giới thiệu, bán buôn, bán lẻ trực tiếp sản phẩm của TNG. Sản phẩm gia công xuất khẩu chính của công ty là các loại áo jacket và quần Cargo shorts. Thị trường xuất khẩu chính của công ty là Mỹ (42,39% doanh thu xuất khẩu 2020) và Pháp (23,12% doanh thu xuất khẩu 2020).

Đầu năm 2020, TNG đã được cấp chứng chỉ CE (tiêu chuẩn châu Âu), FDA (tiêu chuẩn Hoa Kỳ). Tính đến nay, TNG đã xuất được 26,5 triệu khẩu trang, 1,6 triệu bộ trang phục bảo hộ y tế cho các nước như Anh, Mỹ, Đức, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Tính tới tháng 10/2021, Công ty có 15 chi nhánh may xuất khẩu nằm tại địa bàn các huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên, 01 chi nhánh may phục vụ sản xuất bán hàng trong nước, 02 chi nhánh phụ trợ, 01 chi nhánh phụ trách bất động sản, 01 văn phòng đại diện tại New York – Hoa Kỳ và các cửa hàng thời trang hoạt động trên phạm vi cả nước. Bên cạnh hoạt động xuất khẩu, Công ty đang trong quá trình xâm nhập thị trường nội địa dưới thương hiệu TNG. Hàng năm, TNG đều ra những bộ sưu tập độc đáo, đa dạng về màu sắc và kiểu dáng, bắt kịp với xu hướng thời trang thế giới.

Bảng 7: Các đơn vị trực thuộc công ty

STT	Tên nhà máy	Vị trí	Số chuyên	Lao động
1	Chi nhánh may Việt Đức	Số 160 Đường Minh Cầu, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	22 chuyên	1.162 người
2	Chi nhánh may Việt Thái	Số 221 Đường Thống Nhất, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	18 chuyên	827 người
3	Chi nhánh may Sông Công 1	KCN Sông Công, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	19 chuyên	912 người
4	Chi nhánh may Sông Công 2		16 chuyên	1.091 người
5	Chi nhánh may Sông Công 3		40 chuyên	2.160 người
6	Chi nhánh may Sông Công 4		16 chuyên	955 người
7	Chi nhánh sản xuất Bao Bì			290 người
8	Chi nhánh sản xuất Bông			191 người
9	Chi nhánh may Phú Bình 1		Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	24 chuyên
10	Chi nhánh may Phú Bình 2	16 chuyên		834 người
11	Chi nhánh may Phú Bình 3	16 chuyên		809 người

STT	Tên nhà máy	Vị trí	Số chuyên	Lao động
12	Chi nhánh may Phú Bình 4		16 chuyên	745 người
13	Chi nhánh may Đại Từ	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	35 chuyên	2.133 người
14	Chi nhánh may Đồng Hỷ	Xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	13 chuyên	752 người
15	Chi nhánh may Võ Nhai 1	CCN Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.	9 chuyên	588 người
16	Chi nhánh may Võ Nhai 2		10 chuyên	496 người
17	Chi nhánh thời trang TNG	Số 434/1 Đường Bắc Kạn, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	8 chuyên	348 người
18	Chi nhánh phát triển gia công			
19	Chi nhánh EcoGreen			
20	Văn phòng công ty			
21	Văn phòng đại diện tại New York			

Nguồn: TNG

Các sản phẩm may mặc chính của TNG bao gồm:





Quy trình sản xuất và trình độ công nghệ

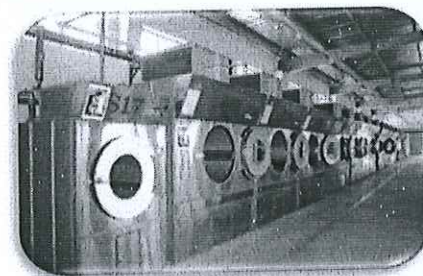
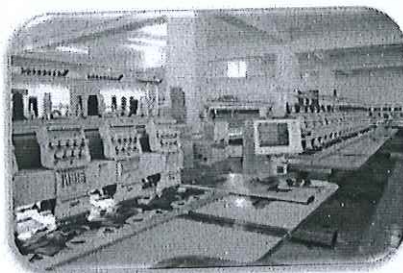
Trong các năm qua, TNG đã tập trung đầu tư chiều sâu cho các xí nghiệp may cũng như đầu tư theo định hướng mặt hàng, nguồn hàng. Công ty đã trang bị các thiết bị chuyên dùng tự động tiên tiến, hiện đại để nâng cao năng suất và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Vì vậy, đến nay các xí nghiệp may đã được đầu tư nhiều máy móc thiết bị may các loại (từ máy 1 kim, 2 kim đến các máy chuyên dùng như máy 1 kim điện tử tốc độ cao, máy mổ túi, máy tra tay áo, máy tự động cắt chỉ, tự động lại mũi, cố định mũi may, máy ép seam, máy cộp nhiệt), một số các thiết bị này được đầu tư đồng bộ từ khâu giác sơ đồ đến khâu trải vải, cắt, may và hoàn tất trong đó có một số công đoạn được trang bị khá hiện đại tầm cỡ khu vực và thế giới như thiết bị giác sơ đồ, trải vải, hoàn tất và một số dây chuyền sản xuất may mặc với quy trình công nghệ khép kín và hiện đại.

Khâu thiết kế, nháy cỡ và giác sơ đồ đã được thực hiện hoàn toàn trên máy vi tính với sự hỗ trợ của phần mềm vi tính như Gerber/lextra. Khâu xây dựng quy trình công nghệ và thiết kế dây chuyền đã được thực hiện đối với tất cả các mã hàng trước khi sản xuất để đảm bảo tăng năng suất lao động và làm cơ sở cho việc tính đơn giá tiền lương. Từ sự đầu tư trên đã mang lại một bộ mặt mới khởi sắc cho các đơn vị trong việc chủ động được nguồn hàng, khách hàng để chuyên môn hóa sản xuất và mặt khác là đã giúp cho các đơn vị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm tăng thêm uy tín với khách hàng cũng như phát huy được lợi thế cạnh tranh và từ đó thay đổi và phát huy được quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm; việc xây dựng quy trình công nghệ cho từng sản phẩm đã được chuyên môn hóa cao ở những khâu trọng yếu.

Về giặt công nghiệp, Công ty có 12 máy giặt, 22 máy sấy, 2 máy giặt mẫu với công suất đạt trên 5 triệu sản phẩm quần/năm.

Công ty có các máy in công nghiệp trên các chất liệu vải với đa sắc và 16 máy thêu công nghiệp hiệu Tajima 20 đầu và 9 kim, thêu các loại hình, theo con giống với công suất đạt trên 2,5 triệu mũi/năm.

Hình ảnh về một số máy móc thiết bị của công ty



Song song với việc đổi mới công nghệ sản xuất, công ty cũng không ngừng nâng cao công nghệ trong quản lý và điều hành. Công ty đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý điều hành sản xuất để tăng tính chủ động, tính chính xác và kịp thời trong quản lý sản xuất. Với lĩnh vực dịch vụ, công ty đã áp dụng hệ thống thanh toán các đơn hàng xuất khẩu qua thẻ của hệ thống các ngân hàng lớn tại nước ngoài.

Bảng 8: Một số phần mềm ứng dụng tại công ty

STT	Tên phần mềm	Lĩnh vực ứng dụng
1	Bravo	Quản lý công tác hành chính kế toán, bán hàng
2	ERP TNG	Quản lý vật tư
4	ERP TNG	Quản lý chăm công
5	ERP TNG	Quản lý nhân sự tiền lương
6	ERP TNG	Quản lý Dự toán xây dựng cơ bản
7	ERP TNG	Quản lý và điều hành quá trình sản xuất
8	MD – Modepro – V5R2	Nhập mẫu, thiết kế, nhày cỡ
9	DN – Markpack – V5R2	Giác sơ đồ
10	Accumark	Nhập mẫu, thiết kế, giác sơ đồ

6.1.2. Hoạt động kinh doanh Bất động sản

❖ Dự án TNG Village 1

Dự án TNG Village 1 là dự án bất động sản đầu tiên mà TNG đầu tư xây dựng. Đây là một trong những dự án nhà chung cư thương mại đầu tiên ở Thái Nguyên. Một số thông tin về dự án TNG Village 1 như sau:

- Vị trí: Số 206 Minh Cầu, Tp.Thái Nguyên
- Quy mô dự án: diện tích đất 2,841m², tổng diện tích sàn 19.950 m²n với 17 tầng nổi và 1 tầng hầm, có 186 căn hộ
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Pháp lý:
 - ✓ Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng số 478/QĐ-UBND ngày 02/3/2017.
 - ✓ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình số 378A/QĐ-HĐQT ngày 22/3/2017
 - ✓ Giấy phép xây dựng 29/GPXD ngày 06/10/2017, 11/GPXD ngày 06/07/2018 và 26/GPXD ngày 08/10/2019.
 - ✓ Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng số 2448/SXD-GĐXD ngày 15/09/2020.
- Mức đầu tư: Tổng vốn đầu tư hạ tầng dự kiến 321 tỷ đồng.
- Tiến độ dự án: Dự án hoàn thành, đến nay đã bán và bàn giao được 125 căn hộ, số còn lại 61 căn hộ đang cho thuê dài hạn.

❖ Dự án Cụm công nghiệp (CCN) Sơn Cẩm 1

- Vị trí: xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, thành phố Thái Nguyên.
- Quy mô dự án: 75 ha.

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
- Pháp lý:
 - ✓ Quyết định thành lập cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 1936/QĐ-UBND ngày 30/06/2018
 - ✓ Quyết định về phê duyệt điều chỉnh tổng thể cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 767/QĐ-UBND ngày 31/03/2017 và Quyết định 2285/QĐ-UBND ngày 01/08/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
 - ✓ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 802/QĐ-UBND ngày 26/03/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
 - ✓ Quyết định về việc giao đất, cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG thuê đất để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1 tại xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên (đợt 1).
 - ✓ Quyết định về việc cho Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG chuyển từ hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, tại TP Thái nguyên số 1712/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
- Mức đầu tư: Tổng vốn đầu tư hạ tầng dự kiến 520 tỷ đồng
- Tiến độ dự án: Công ty đang triển khai giải phóng mặt bằng (đã hoàn thành khoảng 70% diện tích mặt bằng) và thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng trên khu đất đã hoàn tất giải phóng mặt bằng. Hiện nay, chủ đầu tư đang tích cực phối hợp các cấp chính quyền địa phương của T.P Thái Nguyên đẩy nhanh tiến độ thực hiện bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án; từ đó làm cơ sở để giải phóng xong mặt bằng vào giữa năm 2022 để bàn giao cho nhà đầu tư thứ cấp.

6.1.3 Giá trị sản phẩm qua các năm

❖ Sản lượng sản xuất

Bảng 9: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2019, 2020, 2021

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Áo jacket/Quần Cargo short	chiếc	19.350.000	57.912.892	27.712.289
2	Bông tấm	triệu yards	1.759.827	7.738.051	5.263.049
3	Thùng carton	m ²	354.936	1.891.638	2.404.710
4	Túi PE, PP	kg	42.137	173.181	187.847
5	Giặt công nghiệp	chiếc	2.206.922	5.847.504	3.827.805
6	In công nghiệp	chiếc	2.734.077	12.859.440	6.468.212
7	Thêu công nghiệp	chiếc	941.356	3.309.627	3.521.236

Nguồn: TNG

Với việc nhu cầu của khách hàng tăng cao, cùng với năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty ngày càng được cải thiện, sản lượng sản xuất các sản phẩm của công ty liên tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

❖ Doanh thu, lợi nhuận gộp

Bảng 10: Doanh thu hợp nhất theo sản phẩm năm 2020, 2021, Quý I năm 2022 của TNG

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2020		Năm 2021		% tăng giảm năm 2021/năm 2020	Quý I/2022	
		Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng		Triệu đồng	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	3.583.017	80,0%	4.403.372	80,8%	22,90%	1.041.369	82,66%
2	Doanh thu gia công	813.120	18,1%	977.320	17,9%	-87,98%	202.099	16,04%
3	Doanh thu bán sản phẩm thời trang	68.649	1,5%	33.460	0,6%	-51,26%	8.332	0,66%
4	Doanh thu bất động sản	15.414	0,3%	32.227	0,6%	109,08%	8.046	0,64%
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.480.200	100%	5.446.378	100%	21,57%	1.259.846	100%
5	Giảm trừ doanh thu	0		2.771				
	Doanh thu thuần	4.480.200	100%	5.443.607		21,50%	1.259.846	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC Quý I năm 2022 hợp nhất của Công ty

Bảng 11: Doanh thu Công ty mẹ theo sản phẩm năm 2020, 2021, Quý I năm 2022 của TNG

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2020		Năm 2021		% tăng giảm năm 2021/năm 2020	Quý I/2022	
		Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng		Triệu đồng	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	3.583.017	80,0%	4.403.372	80,8%	22,90%	1.041.369	82,7%
2	Doanh thu gia công	813.120	18,1%	977.320	17,9%	20,19%	202.099	16,0%
3	Doanh thu bán sản phẩm thời trang	68.649	1,5%	33.460	0,6%	-51,26%	8.332	0,7%
4	Doanh thu bất động sản	15.414	0,3%	32.227	0,6%	109,08%	8.046	0,6%
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.480.200	100%	5.446.378	100%	21,57%	1.259.846	100%
5	Giảm trừ doanh thu	0		2.771				
	Doanh thu thuần	4.480.200		5.443.607		21,5%	1.259.846	

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC Quý I năm 2022 riêng lẻ của Công ty

Xét về tổng quan, doanh thu bán hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu thuần của Công ty. Năm 2020, 2021 doanh thu bán hàng chiếm khoảng 80% doanh thu thuần. Thứ hai là

doanh thu gia công (tức doanh thu CMT) với tỷ trọng khoảng 18% doanh thu thuần trong năm 2020, 2021. Doanh thu bán sản phẩm thời trang và doanh thu bất động sản chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong doanh thu thuần của Công ty tương ứng khoảng 0,6%, 0,6% doanh thu thuần năm 2021.

Trong giai đoạn vừa qua, doanh thu thuần của Công ty tăng trưởng tốt qua các năm. Năm 2021, doanh thu thuần tăng trưởng 21,5% so với năm 2020. Trong đó, doanh thu bán hàng năm 2021 đạt 4.403 tỷ đồng tăng trưởng 22,9% so với doanh thu bán hàng năm 2020. Nhờ Công ty ký kết thêm được các đơn hàng từ các đối tác như Columbia, Sportmaster, The Children Place nên doanh thu bán hàng năm 2021 có mức tăng trưởng ấn tượng. Doanh thu gia công sản phẩm may mặc năm 2021 của Công ty cũng đạt 977 tỷ đồng, tăng 20,19% so với năm 2020 nhờ các đơn hàng đến từ Mascot International A/S, Taihan. Trong năm 2021, TNG cũng thay đổi chiến lược kinh doanh, thu hẹp mảng hoạt động kinh doanh thời trang nội địa mà đẩy mạnh vào may mặc xuất khẩu và bất động sản. Do đó, doanh thu từ bán sản phẩm thời trang giảm mạnh (giảm 51,26% so với năm 2020). Bước sang Quý I năm 2022, cơ cấu doanh thu thuần vẫn tương đối ổn định với 82,7% đến từ doanh thu bán hàng, 16% là doanh thu gia công, 0,7% là tỷ trọng của doanh thu bán sản phẩm thời trang và 0,6% là tỷ trọng của doanh thu bất động sản.

Trong Quý I năm 2022, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.260 tỷ đồng tương đương 138% doanh thu thuần cùng kỳ năm trước (911 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu bán hàng của Công ty trong Quý I năm 2022 đạt 1.041 tỷ đồng tăng trưởng 25,9% so với doanh thu bán hàng Quý I năm 2021. Tiếp theo là doanh thu gia công đạt 202 tỷ đồng, đạt 126% so với doanh thu gia công cùng kỳ năm trước. Về cơ cấu doanh thu, doanh thu bán hàng giữ nguyên tỷ trọng 80% qua 2 năm 2020 và 2021, quý I năm 2022 tăng 2,2% so với năm 2021. Phần tăng tỷ trọng này tương ứng với phần giảm tỷ trọng của doanh thu gia công và doanh thu bán các sản phẩm thời trang. Nguyên nhân chính là do Công ty xác định xu hướng dài hạn là tăng cường hình thức sản xuất, xuất khẩu hàng FOB và hướng tới ODM (Original Design Manufacturing) với giá trị gia tăng cao nên ưu tiên năng lực sản xuất cho những đơn hàng FOB.

Tỷ trọng của doanh thu bán sản phẩm thời trang giảm mạnh từ 1,5% xuống còn 0,6% trong năm 2021, đây là kết quả của việc đóng các cửa hàng nội địa và giảm sản lượng sản xuất hàng thời trang. Tỷ trọng doanh thu bất động sản năm 2021 tăng 2 lần so với năm 2020 nguyên nhân chính là do thay đổi trong chính sách bán hàng bất động sản đạt hiệu quả.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



Bảng 12: Lợi nhuận hợp nhất theo sản phẩm năm 2020, 2021, quý I năm 2022 của TNG

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2020		Năm 2021		% tăng giảm năm 2021/năm 2020	Quý I/2022	
		Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần		Triệu đồng	% Doanh thu thuần
1	Lợi nhuận gộp bán hàng	541.874	12,09%	588.539	10,81%	8,61%	127.661	10,13%
2	Lợi nhuận gộp gia công	118.179	2,63%	127.747	2,34%	8,10%	26.192	2,08%
3	Lợi nhuận gộp bán sản phẩm thời trang	10.318	0,23%	4.469	0,08%	-56,69%	2.129	0,17%
4	Lợi nhuận gộp bất động sản	5.586	0,12%	5.764	0,10%	3,19%	1.593	0,13%
	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	675.957	15,08%	726.519	13,34%	7,48%	157.575	12,5%
	Lợi nhuận sau thuế	153.603	3,42%	232.286	4,27%	51,22%	38.372	3,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2021 và BCTC Quý I năm 2022 hợp nhất của Công ty

Bảng 13: Lợi nhuận riêng lẻ theo sản phẩm năm 2020, 2021, quý I năm 2022 của TNG

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2020		Năm 2021		% tăng giảm năm 2021/năm 2020	Quý I/2022	
		Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần		Triệu đồng	% Doanh thu thuần
1	Lợi nhuận gộp bán	541.874	12,09%	588.539	10,81%	8,61%	127.661	10,13%

TT	Nội dung	Năm 2020		Năm 2021		% tăng giảm năm 2021/năm 2020	Quý I/2022	
		Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần		Triệu đồng	% Doanh thu thuần
	hàng							
2	Lợi nhuận gộp gia công	118.179	2,63%	127.747	2,34%	8,10%	26.192	2,08%
3	Lợi nhuận gộp bán sản phẩm thời trang	10.318	0,23%	4.469	0,08%	-56,69%	2.129	0,17%
4	Lợi nhuận gộp bất động sản	5.586	0,12%	5.764	0,10%	3,19%	1.593	0,13%
	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	675.957	15,08%	726.519	13,34%	7,48%	157.575	12,5%
	Lợi nhuận sau thuế	153.603	3,42%	232.286	4,27%	51,22%	38.372	3,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2021 và BCTC Quý I năm 2022 riêng lẻ của Công ty

Trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty năm 2020, năm 2021, Quý I/2022 lợi nhuận gộp từ bán hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 80%, tiếp theo đó là lợi nhuận gộp gia công khoảng 17%. Lợi nhuận gộp từ bán sản phẩm thời trang và lợi nhuận gộp bất động sản chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể trong cơ cấu lợi nhuận gộp.

Về tổng quan, lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 đạt 726 tỷ đồng tăng trưởng 7,48% so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do thị trường may xuất khẩu bắt đầu phục hồi sau dịch Covid -19, Công ty nhận được thêm các đơn hàng đến từ các đối tác truyền thống: Columbia, Sportmaster, TCP và đơn hàng từ đối tác mới là Kanuk, Gloria Jeans. Những đơn hàng từ các đối tác này đều là các đơn hàng có biên lợi nhuận gộp lớn, số lượng đơn hàng gia tăng từ sự hồi phục của thị trường Mỹ và Châu Âu; bên cạnh đó Công ty cũng đẩy mạnh việc tăng năng suất, tiết kiệm định mức nguyên phụ liệu, giảm giá thành sản phẩm. Theo đó, lợi nhuận gộp bán hàng năm 2021 đạt 588 tỷ đồng tăng trưởng 8,61% so với lợi nhuận gộp bán hàng năm 2020. Lợi nhuận gộp gia công, lợi nhuận gộp từ bán sản phẩm thời trang và lợi nhuận gộp từ bất động sản năm 2021 lần lượt là 127,7 tỷ đồng; 4,4 tỷ đồng; 5,7 tỷ đồng tăng trưởng lần lượt 8,1%; -56,69%; 3,19% so với năm 2020.

Bước sang Quý I năm 2022, lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 157,5 tỷ đồng tăng trưởng 42% so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận gộp từ bán hàng trong Quý I năm 2022 vẫn chiếm tỷ trọng lớn và tăng trưởng 41.% so với lợi nhuận gộp từ bán hàng trong Quý I năm 2021. Lợi nhuận gộp gia công, lợi nhuận gộp từ bán sản phẩm thời trang, lợi nhuận gộp từ bất động sản trong Quý I năm 2022 lần lượt đạt 26 tỷ đồng, 2 tỷ đồng và 1,6 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 45%, 38%, 64% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 232 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh (51,22%) so với lợi nhuận sau thuế năm 2020, nhờ chi phí bán hàng năm 2021 giảm mạnh chỉ còn 86 tỷ đồng, giảm gần 60 tỷ đồng so với chi phí bán hàng năm 2020 (145,8 tỷ đồng). Nguyên nhân chính là do trong năm 2021 Công ty đóng hệ thống các cửa hàng nội địa (11 cửa hàng), nên chi phí thuê cửa hàng, chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí điện nước tại cửa hàng, không còn phát sinh.

Về tỷ lệ lợi nhuận gộp so với doanh thu thuần, lợi nhuận gộp của hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các chỉ tiêu này, giảm từ 12,09% xuống 10,81% qua 2 năm 2020 và 2021. Nguyên nhân chính là do tác động của đại dịch Covid 19, 6 tháng đầu năm 2020 công ty sản xuất tiêu thụ nội địa và xuất khẩu mặt hàng phòng dịch là khẩu trang và đồ bảo hộ - đây là mặt hàng có lợi nhuận gộp lớn. Tỷ lệ này tại quý I/2022 ổn định và gần như không đổi (tăng 0,2%) so với cùng kỳ năm 2021. Đứng thứ 2 trong tỷ lệ lợi nhuận gộp là hàng gia công với tỷ lệ ổn định lần lượt qua các năm 2020, 2021 và quý I/2022 là 2,63%, 2,34% và 2,08%. Nguyên nhân chính của sự giảm nhẹ này là do xu hướng giảm tỷ trọng các đơn hàng gia công.

Tỷ lệ lợi nhuận gộp của sản phẩm thời trang trên doanh thu thuần có sự sụt giảm qua 2 năm 2021 và 2020 với tỷ lệ tương ứng là 0,08% và 0,23%, do ảnh hưởng của Covid năm 2021, công ty đã đóng hệ thống các cửa hàng bán lẻ. Tỷ lệ của quý I/2022 là 0,17% và bằng cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lợi nhuận gộp của bất động sản trên doanh thu thuần là thấp nhất, và biến động ở mức 0,10% - 0,13% qua các năm 2020, 2021 và quý I/2022. Tổng doanh thu thuần năm 2021 tăng trưởng 21,5% so với năm 2020, lợi nhuận gộp của bất động sản tăng 3,19% do vậy tỷ lệ lợi nhuận gộp của bất động sản giảm từ 0,12% xuống còn 0,1% trong năm 2021. Quý I/2022 với sự hồi phục của nền kinh tế, tỷ lệ lợi nhuận gộp của bất động sản trên doanh thu thuần đạt 0,13%, tăng 0,02% so với cùng kỳ năm trước.

6.2. Nguyên vật liệu

6.2.1 Nguồn nguyên vật liệu

Với đặc thù hoạt động kinh doanh của TNG là hoạt động gia công sản phẩm may mặc xuất khẩu.

Đối với phương thức sản xuất CMT (Cut-make-trim), Công ty thực hiện các công đoạn cắt may theo thiết kế của khách hàng với nguyên phụ liệu cũng do khách hàng cung cấp. Trong khi đó, với phương thức sản xuất FOB (Free-on-board), Công ty chủ động việc mua nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất.

Hiện nay, khoảng 60% nguyên vật liệu của Công ty được nhập khẩu bởi các nhà cung cấp nước ngoài. Tỷ trọng nguyên vật liệu dệt may từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Hồng Kông, Đài Loan chiếm phần lớn do chất lượng đáp ứng được yêu cầu, chủng loại phong phú và giá cả cạnh tranh. Ngoài ra, Công ty còn nhập nguyên liệu phụ liệu từ những nước khác như Pa-kix-tan, Ma-lay-xi-a,...

Bảng 14: Danh sách các nhà cung cấp nguyên liệu cho công ty

STT	Đối tác	Hàng hóa
1	LIBERTY MILLS LTD	Vải chính, vải lót các loại
2	KAI CHERNG ENTER PRICE	Vải chính, phụ liệu các loại
3	REALTY TEXTILE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại
4	JANGKI TEXTILE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại
5	OS – SONG	Vải chính, vải lót các loại
6	FULTIDE ENTERPRISE CO., LTD	Vải chính, vải lót các loại

6.2.2 Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Trong suốt những năm qua, TNG đã hợp tác và xây dựng được mối quan hệ truyền thống ổn định với các nhà cung cấp từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan... Đồng thời để tiếp cận các thị trường này, Công ty có người đại diện tại thành phố Thượng Hải, Trung Quốc để tìm nguồn, kiểm tra chất lượng, tiến độ và giá cả nhằm chủ động nguồn nguyên, phụ liệu kịp thời cho sản xuất.

Mặc dù nguồn cung nguyên liệu trong nước không sẵn (phần lớn nguyên phụ liệu ngành dệt may phải nhập khẩu) song nguồn cung từ các nước như Trung Quốc, Đài Loan... lại khá dồi dào, phong phú và giá cả hợp lý và rất cạnh tranh. Ngoài ra đây đều là những thị trường có ngành may mặc khá phát triển, vị trí địa lý lại khá thuận lợi nên việc tiếp cận các nguồn cung này khá dễ dàng. Nhờ xây dựng được quan hệ tốt với các nhà cung cấp, TNG đã tìm kiếm được nguồn nguyên vật liệu đáp ứng nguyên phụ liệu cần thiết cho hoạt động sản xuất.

6.2.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Biến động bất lợi của giá nguyên vật liệu sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Năm 2020, chi phí nguyên vật liệu chiếm 46,61% doanh thu thuần và năm 2021, chi phí nguyên vật liệu chiếm 35,71% doanh thu thuần. TNG giảm thiểu rủi ro này bằng cách thực hiện tổ chức lựa chọn các nhà cung cấp có uy tín và ổn định theo nguyên tắc chào giá cạnh tranh và ký hợp đồng cung cấp định kỳ theo nhu cầu của TNG.

6.3. Chi phí sản xuất

Cơ cấu các khoản mục chi phí đầu vào chủ yếu của TNG trong các năm gần đây được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 15: Cơ cấu chi phí sản xuất trong năm 2020, 2021, Quý I năm 2022 của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	2020		2021			Quý I/2022	
	Giá trị	% Doanh thu thuần	Giá trị	% Doanh thu thuần	% tăng giảm so với 2020	Giá trị	% Doanh thu thuần
Chi phí nguyên vật liệu	1.994.363	46,61%	2.706.641	54,71%	35,71%	640.149	58,39%
Chi phí nhân công	1.521.437	35,56%	1.605.780	32,46%	5,54%	350.341	31,96%
Chi phí khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	150.243	3,51%	163.666	3,31%	8,93%	39.782	3,63%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.944	7,03%	307.734	6,22%	2,26%	64.170	5,85%
Chi phí dự phòng	8.490	0,20%	10.509	0,21%	23,78%	0	0
Chi phí khác bằng tiền	303.238	7,09%	152.767	3,09%	-49,62%	1.835	0,17%%
Tổng chi phí	4.278.715	100,00%	4.947.097	100,00%	15,62%	1.096.277	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020, 2021 và BCTC Quý I năm 2022 hợp nhất của Công ty)

Bảng 16: Cơ cấu chi phí sản xuất trong năm 2020, 2021, Quý I năm 2022 của Công ty riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	2020		2021			Quý I/2022	
	Giá trị	% Doanh thu thuần	Giá trị	% Doanh thu thuần	% tăng giảm so với 2020	Giá trị	% Doanh thu thuần
Chi phí nguyên vật liệu	1.994.363	46,61%	2.706.641	54,71%	35,71%	640.149	58,39%
Chi phí nhân công	1.521.437	35,56%	1.605.780	32,46%	5,54%	350.341	31,96%

Khoản mục	2020		2021			Quý I/2022	
	Giá trị	% Doanh thu thuần	Giá trị	% Doanh thu thuần	% tăng giảm so với 2020	Giá trị	% Doanh thu thuần
Chi phí khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	150.243	3,51%	163.666	3,31%	8,93%	39.782	3,63%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.944	7,03%	307.734	6,22%	2,26%	64.170	5,85%
Chi phí dự phòng	8.490	0,20%	10.509	0,21%	23,78%	0	0
Chi phí khác bằng tiền	303.238	7,09%	152.767	3,09%	-49,62%	1.835	0,17%
Tổng chi phí	4.278.715	100,00%	4.947.097	100,00%	15,62%	1.096.277	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2020, 2021 và BCTC Quý I năm 2022 riêng lẻ của Công ty)

Chi phí nguyên vật liệu là chi phí lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất của Công ty do đặc thù doanh nghiệp sản xuất. Trong năm 2020, 2021 và Quý I/2022, chi phí nguyên vật liệu thường xuyên chiếm khoảng 47%, 55% và 58,39% tổng chi phí sản xuất của Công ty. Điều này là kết quả của việc gia tăng cơ cấu hàng FOB, giảm tỷ trọng hàng gia công trong tổng doanh thu qua các kỳ dẫn đến tỷ lệ nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất tăng từ 46,61% trong năm 2020 đến 54,71% trong năm 2021. Đến quý I/2022 chi phí nguyên vật liệu của Công ty là 640 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 1,74% so với tỷ lệ 56,65% quý I/2021. Nguyên nhân vẫn chủ yếu do cơ cấu hàng FOB tăng chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu do đó tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu trong tổng chi phí sản xuất tăng.

Chi phí nhân công là phần chi phí chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố chi phí, trong đó bao gồm chi phí lương nhân công trực tiếp và gián tiếp.

Trong năm 2021, chi phí nhân công là 1.606 tỷ đồng, tương đương 32,46% doanh thu thuần. Tỷ trọng chi phí nhân công năm 2021 trong tổng chi phí giảm so với tỉ trọng cả năm 2020 là do Công ty áp dụng nhiều hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm. Trong Quý I năm 2022, chi phí nhân công của Công ty là 350 tỷ đồng, tăng trưởng 7% so với chi phí nhân công Quý I năm 2021.

Chi phí dịch vụ mua ngoài chiếm tỷ trọng lớn thứ 3 trong cơ cấu chi phí là chi phí dịch vụ mua ngoài (chiếm 7,03% doanh thu thuần năm 2020 giảm xuống còn 6,22% năm 2021 và 0,13% trong Quý I năm 2022). Đây là các chi phí mà Công ty thuê ngoài để thực hiện dịch vụ cho khách hàng mà không trực tiếp cung cấp. Đó là chi phí tiền điện, nước và chi phí thuê bên thứ ba cung cấp dịch vụ thi công, cải tạo, sửa chữa. Chi phí dịch vụ mua ngoài của TNG tương đối ổn định qua các năm gần đây, ở mức khoảng 300-307 tỷ đồng giai đoạn 2020-2021.

Các chi phí khác bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí dự phòng, chi phí bằng tiền khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tổng chi phí của TNG.

Chi phí nguyên vật liệu qua các năm chiếm tỷ trọng lớn dần trong tổng chi phí của Công ty qua các năm 2020, 2021, Quý I/2022 là do giá nguyên vật liệu có xu hướng tăng qua các năm. Tuy nhiên, xét về tổng chi phí, tổng chi phí năm 2021 chỉ tăng trưởng 15,62% so với năm 2020 trong khi doanh thu thuần năm 2021 tăng trưởng 21,5% so với doanh thu thuần năm 2020. Đây là nhờ chính sách quản lý chi phí tốt dần lên của Công ty qua các năm đặc biệt là chi phí dịch vụ mua ngoài.

Trong Quý I năm 2022, tổng chi phí sản xuất của Công ty là 1.096 tỷ đồng tương đương 119% tổng chi phí Quý I năm 2021. Trong đó, chi phí nguyên vật liệu là 640 tỷ đồng tăng trưởng 21,27% so với chi phí nguyên vật liệu Quý I năm 2021. Chi phí nhân công Quý I năm 2022 là 350 tỷ đồng tăng trưởng 6,6% so với chi phí nhân công Quý I năm 2021.

Việc quản lý các yếu tố đầu vào

Trong bối cảnh tình hình mới do ảnh hưởng từ dịch Covid-19, TNG đã chủ động cắt giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, các chi phí khác không cần thiết, tiết kiệm tối đa các chi phí nguyên vật liệu, tập trung tinh gọn về lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi cho công nhân viên.

Công ty có định mức chi tiết, rõ ràng về khối lượng/giá trị nguyên vật liệu được sử dụng trong mỗi công đoạn công việc và áp dụng cho từng bộ phận, phòng ban. Các đơn vị được khuyến khích tiết kiệm nguyên vật liệu và tiêu chí này được áp dụng để đánh giá KPI hàng tháng. Các đơn vị sử dụng chi phí nguyên vật liệu vượt định mức có thể bị hạ xếp loại mức độ hoàn thành công việc.

6.4. Trình độ công nghệ

Trong các năm qua, TNG đã tập trung đầu tư chiều sâu cho các xí nghiệp may cũng như đầu tư theo định hướng mặt hàng, nguồn hàng. Công ty đã trang bị các thiết bị chuyên dùng tự động tiên tiến, hiện đại để nâng cao năng suất và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Vì vậy, đến nay các Xí nghiệp may đã được đầu tư nhiều máy móc thiết bị may các loại (từ máy 1 kim, 2 kim đến các máy chuyên dùng như máy 1 kim điện tử tốc độ cao, máy mổ túi, máy tra tay áo, máy tự động cắt chỉ, tự động lại mũi, cố định mũi may, máy ép seam, máy cộp nhiệt), một số các thiết bị này được đầu tư đồng bộ từ khâu giác sơ đồ đến khâu trải vải, cắt, may và hoàn tất trong đó có một số công đoạn được trang bị khá hiện đại tầm cỡ khu vực và thế giới như thiết bị giác sơ đồ, trải vải, hoàn tất và một số dây chuyền sản xuất may mặc với quy trình công nghệ khép kín và hiện đại.

Khâu thiết kế, nhày cỡ và giác sơ đồ đã được thực hiện hoàn toàn trên máy vi tính với sự hỗ trợ của phần mềm vi tính như Gerber/ Iextra. Khâu xây dựng quy trình công nghệ và thiết kế dây chuyền đã được thực hiện đối với tất cả các mã hàng trước khi sản xuất để đảm bảo tăng năng suất lao động và làm cơ sở cho việc tính đơn giá tiền lương. Từ sự đầu tư trên đã mang lại một bộ mặt mới khởi sắc cho các đơn vị trong việc chủ động được nguồn hàng, khách hàng để chuyên môn hóa sản xuất và mặt

khác là đã giúp cho các đơn vị nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm tăng thêm uy tín với khách hàng cũng như phát huy được lợi thế cạnh tranh và từ đó thay đổi và phát huy được quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm; việc xây dựng quy trình công nghệ cho từng sản phẩm đã được chuyên môn hóa cao ở những khâu trọng yếu.

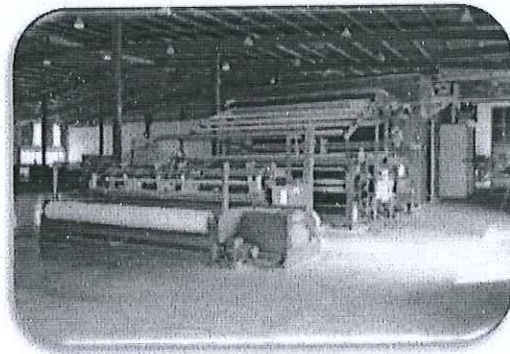
Về giặt công nghiệp, Công ty có 12 máy giặt, 22 máy sấy, 2 máy giặt mẫu với công suất đạt trên 5 triệu sản phẩm quần/năm.

Công ty có các máy in công nghiệp trên các chất liệu vải với đa sắc và 16 máy thêu công nghiệp hiệu Tajima 20 đầu và 9 kim, thêu các loại hình, theo con giống với công suất đạt trên 2,5 triệu mũi/năm.

Hình ảnh về một số máy móc thiết bị của Công ty



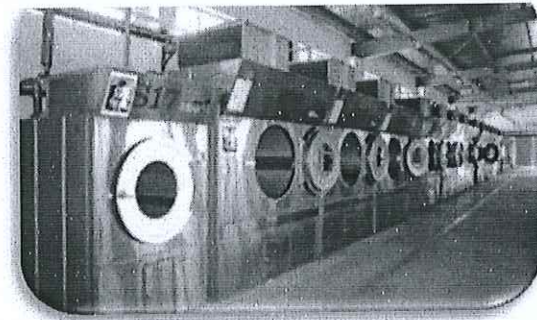
Máy thêu công nghiệp



Máy thêu công nghiệp



Máy thêu công nghiệp



Hệ thống máy giặt công nghiệp

Song song với việc đổi mới công nghệ sản xuất, Công ty cũng không ngừng nâng cao công nghệ trong quản lý và điều hành. Công ty đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý điều hành sản xuất để tăng tính chủ động, tính chính xác và kịp thời trong quản lý sản xuất. Với lĩnh vực dịch vụ, Công ty đã áp dụng hệ thống thanh toán các đơn hàng xuất khẩu qua thẻ của hệ thống các ngân hàng lớn tại nước ngoài.

Bảng 17: Một số phần mềm ứng dụng tại Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG

STT	Tên phần mềm	Lĩnh vực ứng dụng
1	Standard	Quản lý công tác hành chính kế toán
2	Quanlykho	Quản lý vật tư
3	Quản lý bán hàng	Quản lý bán hàng

STT	Tên phần mềm	Lĩnh vực ứng dụng
4	Atteldane System	Quản lý chăm công
5	GSHRM	Quản lý nhân sự tiền lương
6	Dự toán	Quản lý Dự toán xây dựng cơ bản
7	Điều hành sản xuất	Quản lý và điều hành quá trình sản xuất
8	MD – Modepro – V5R2	Nhập mẫu, thiết kế, nhảy cỡ
9	DN – Markpack – V5R2	Giác sơ đồ
10	Accumark	Nhập mẫu, thiết kế, giác sơ đồ

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Năm 2021-2022 ngoài việc tập trung sản xuất các sản phẩm chủ đạo, Bộ phận R&D đã phối hợp với các phòng ban, chi nhánh của TNG nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tiêu biểu như:

- Ra mắt sản phẩm mới dòng TSAFE đạt tiêu chuẩn quốc tế, xuất khẩu (Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu TSAFE tại Việt Nam, Mỹ, Châu Âu); Đạt chứng nhận: ISO 9001: 2015; ISO 13485: 2016; CE; Hợp quy
- Phát triển dịch vụ, sản phẩm mới về lĩnh vực trang phục phòng cháy chữa cháy; thể dục thể thao (Gym; Yoga,...)
- Bất động sản và dịch vụ quản lý bất động sản (chung cư; cụm công nghiệp...); Các dự án, nhà máy của TNG đạt LOTUS Bạc

Ngoài các sản phẩm, dịch vụ mới, TNG tập trung xây dựng quy trình Công nghệ của: Cắt, may, hoàn thiện; Nghiên cứu, áp dụng ke cỡ gá; Nghiên cứu, phân tích và đào tạo thao tác chuẩn cho công nhân cắt, may, hoàn thiện; nghiên cứu ứng dụng thiết bị công nghệ mới và thường xuyên tổ chức các cuộc thi, sáng kiến để người lao động phát huy tối đa tính sáng tạo, cải thiện năng suất lao động...

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Đối với sản phẩm, nguyên vật liệu đầu vào: TNG tổ chức mua sắm công khai theo hình thức đấu thầu rộng rãi để đánh giá và lựa chọn được sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và hiệu quả kinh tế. Toàn bộ các nguyên liệu, dịch vụ đầu vào 100% bắt buộc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chất lượng theo quy định của pháp luật và tiêu chí sản phẩm của khách hàng do bộ phận chuyên môn xây dựng, quản lý.

Trong quá trình sản xuất, Phòng QLCL của TNG tổ chức thường xuyên giám sát, kiểm tra, tổ chức test (hoặc đưa sản phẩm đi test) để kịp thời kiểm soát và phát hiện những bất thường trong quá trình sản xuất để đảm bảo chất lượng.

Đối với sản phẩm, dịch vụ đầu ra: Sản phẩm xuất khẩu của TNG trước khi xuất khẩu đều đảm bảo 100% đạt tiêu chí của khách hàng kiểm tra trước xuất khẩu; đạt các chứng nhận, kiểm nghiệm theo quy định như chứng nhận hợp quy đối với hàng may mặc; ISO 9001: 2015....., đặc biệt năm 2021 TNG được khách hàng The Children's Place và Comtextile (H.K) Ltd bình chọn là doanh nghiệp xuất khẩu đạt TOP 1 chất lượng toàn cầu.

6.7. Hoạt động Marketing

Hiện nay, Công ty xác định thị trường xuất khẩu vẫn là chủ lực. Tuy nhiên để tránh việc quá phụ thuộc vào thị trường Hoa Kỳ, Công ty sẽ đẩy mạnh phát triển thị trường Châu Âu, Đông Âu, Mê-xi-cô và Nam Mỹ. Đồng thời, Công ty sẽ tăng cường tiếp cận, mở rộng và từng bước thâm nhập vào thị trường nội địa.

Đối với khách hàng truyền thống, Công ty luôn duy trì và không ngừng củng cố, phát triển mối quan hệ với khách hàng truyền thống để khách hàng luôn cảm thấy hài lòng với các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Hàng năm, Công ty đều tổ chức gặp gỡ, trao đổi đánh giá quá trình làm việc trong năm để lắng nghe ý kiến phản hồi của khách hàng, từ đó rút kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo.

Để tiếp cận các khách hàng mới, nhất là tại thị trường xuất khẩu, Công ty cũng thường xuyên tham gia các hội chợ quốc tế (như hội chợ hàng dệt may tại Hoa Kỳ, Đức, Trung Quốc, Liên Bang Nga...) và các chương trình xúc tiến thương mại cấp Quốc gia, các chương trình liên kết với Vinatex và Vitas, các hội thảo về dệt may và xuất khẩu tổ chức tại Hà Nội, các đơn vị trong ngành.

Đối với các nhà cung cấp, hàng năm Công ty đều đánh giá, tôn vinh các nhà cung cấp đã có nhiều đóng góp cho kết quả của Công ty.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại của Công ty là LIMA và TNG đã được đăng kí với cơ quan hữu quan. Ngoài ra, với vị thế và uy tín của TNG đã được các khách hàng tín nhiệm ủy quyền sản xuất các nhãn hiệu như: The Childrensplace, Columbia Sport wear, Lolitog, Target,...

Công ty đã đăng kí Logo TNG tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam:



6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 18: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của TNG trong giai đoạn 2019 – 2021

[Phần còn lại của trang được để trống có chủ đích]

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)
I	Hợp đồng đầu ra đã thực hiện							
1	Hợp đồng nguyên tắc	Annex 06	19/12/2018	Quần áo thể thao	Desipro Pte, Ltd	31 Tangjong Pagar Road, #04-01, Singapore 088454	31/12/2020	1.572.112
2	Hợp đồng gia công	01-TNG/TCP 2020	01/01/2020	Quần áo trẻ em	The Children's Place services company, LLC	915 Secaucus road, secaucus, New Jersey 07094, USA	31/12/2020	655.847
3	Hợp đồng gia công	01/ASM-TNG/2020	20/01/2020	Quần áo thời trang	Asmara International Limited	Unit 8B, Tong yuen Factory Building, 505 Castle Peak Road, Lai Chi Kok, Kowloon, HongKong	20/01/2021	605.936
4	Hợp đồng gia công	01/Haddad - TNG/2020	04/01/2020	Quần áo trẻ em	The Haddad Apparell Group, LTD	100 West 33rd street, suite 1115, New York, NY 1001 USA	31/12/2020	413.888
5	Hợp đồng gia công	TNG01-COM/20	01/01/2020	Quần áo thời trang	Comtextile H.K. LTD	Flat P, 11/3 Kaiser Estate, Phase 3, 11 Hok Yuen Street, Hunghom, Kowloon, Hong Kong	31/12/2020	301.123
6	Hợp đồng gia công	SM19/018 0-SS20	09/04/2019	Quần áo thể thao	Sportmaster Ltd	Room 102, bld, 2,18 Miklukho - Maklaya, Moscow, 117437, Rusia	09/04/2021	162.551
II	Hợp đồng đầu vào							

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)
1	Hợp đồng mua bán hàng hóa	035/21-DOM HANAM	31/03/2021	Dây kéo, đầu khóa, cúc, nút đóng..	Công ty TNHH YKK Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam	KCN Đông Văn III, phường Hoàng Đông, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Việt Nam	31/03/2022	Hợp đồng nguyên tắc
2	Hợp đồng nguyên tắc	01/TNG-JIAXING/2021	01/01/2021	Nguyên phụ liệu	Jiaxing HiFine International Enterprise Co.,LTD	233 Chagan Road(N), Wuyuan Street HaiYan Jiaxing, Zhejiang, China	30/12/2021	Hợp đồng nguyên tắc
3	Hợp đồng nguyên tắc	01/TNG-CHANGSHU/2020	30/11/2020	Nguyên phụ liệu	Changshu Hongshuoxin Import&Export Co.,LTD	238 Shali Road, ShaJiabang Town Changshu City Jiangshu, China	30/11/2021	Hợp đồng nguyên tắc
4	Hợp đồng mua bán hàng hóa	APP/LO/2021/120021	02/01/2021	Chỉ may, thêu, nguyên phụ liệu	Chi nhánh Công ty TNHH COATS Phong Phú	KCN dệt may Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên	31/12/2021	Hợp đồng nguyên tắc
5	Hợp đồng mua bán	GTSDESI PRO 2021	02/01/2021	Nguyên phụ liệu	Desipro Pte, Ltd.	750B, Chai Chê Road #03-01, Singapore 469002	31/12/2021	Hợp đồng nguyên tắc

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

7.1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ TNG

Bảng 19: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021/2020	Quý I/2022
Tổng giá trị tài sản	3.554.954.990.341	4.367.431.010.241	22,85%	4.649.800.294.326

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021/2020	Quý I/2022
Vốn chủ sở hữu	1.147.979.932.911	1.462.251.288.257	27,37%	1.453.543.976.006
Doanh thu thuần	4.480.199.673.570	5.443.927.130.535	21,51%	1.259.845.934.993
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	200.719.234.295	288.918.153.561	43,94%	46.445.338.883
Lợi nhuận khác	(15.095.403.106)	(7.423.248.393)	-50,82%	(474.636.183)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	185.623.831.189	281.494.905.168	51,65%	45.970.702.700
Lợi nhuận sau thuế	153.603.282.678	232.802.069.945	51,56%	38.372.199.349
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	13,38%	15,92%	18,99%	2,64%

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2020, 2021 được kiểm toán của TNG, báo cáo tài chính riêng lẻ Quý I/2022 do Công ty lập)

Trong năm 2021, công ty ghi nhận doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh là 5.444 tỷ đồng tăng trưởng 21,51% so với doanh thu thuần năm 2020. Mức lợi nhuận sau thuế của năm 2021 đạt 233 tỷ đồng tăng trưởng 51,56% so với doanh thu năm 2020. Doanh thu thuần trong Quý I/2022 đạt 1.259 tỷ đồng tương đương 23,13% doanh thu thuần năm 2021. Lợi nhuận sau thuế trong Quý I/2022 đạt 38 tỷ đồng, đạt 24,98% lợi nhuận sau thuế năm 2021.

Tại ngày 31/12/2021, tổng tài sản của Công ty đạt 4.367 tỷ đồng, tăng trưởng 22,85% so với tổng tài sản tại ngày 31/12/2020; vốn chủ sở hữu là 1.462 tỷ đồng tăng trưởng 27,37% so với vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020. Doanh thu thuần năm 2021 đạt 5.444 tỷ đồng tăng trưởng 21,51% so với doanh thu thuần năm 2020. Đây là mức tăng trưởng khá tốt ghi nhận sự phục hồi sau dịch Covid-19, các đối tác tiếp tục đặt thêm đơn hàng như: Columbia, Haddad, Madex, Sportmaster, The Children Place, Comtextile và đơn hàng từ các đối tác mới: Kanuk, PDS, Gloria Jeans Lỗ khác năm 2021 là 7,4 tỷ đồng giảm lỗ hơn 50,82% so với năm 2020 (lỗ khác năm 2020 là 15 tỷ đồng).

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 233 tỷ đồng tăng trưởng 51,56% so với lợi nhuận sau thuế năm 2020. Có được sự tăng trưởng ấn tượng này chủ yếu là do định hướng ưu tiên sản xuất các đơn hàng có tỷ lệ lợi nhuận cao, cơ cấu dòng hàng có sự dịch chuyển mạnh từ đơn hàng gia công sang đơn hàng FOB.

Tại 31/03/2022, tổng tài sản của Công ty đạt 4.650 tỷ đồng tăng trưởng 6,5% so với tổng tài sản tại 31/12/2021. Vốn chủ sở hữu tại 31/03/2022 là 1.454 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,55% so với vốn chủ sở hữu tại 31/12/2021. Doanh thu thuần trong Quý I năm 2022 đạt 1.260 tỷ đồng tương đương 138% doanh thu thuần Quý I năm 2021. Lỗ khác trong Quý I năm 2022 là 475 triệu đồng, gấp 5,5 lần so với lỗ khác Quý I năm 2021. Lợi nhuận sau thuế Quý I năm 2022 là 38 tỷ đồng tăng 72% so với lợi nhuận sau thuế Quý I năm 2021.

7.1.2 Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm 2021/2020	Quý I/2022
Tổng giá trị tài sản	3.554.954.990.341	4.367.375.088.565	22,85%	4.649.800.294.326
Vốn chủ sở hữu	1.147.979.932.911	1.462.251.288.257	27,37%	1.453.543.976.006
Doanh thu thuần	4.480.199.673.570	5.443.607.026.487	21,51%	1.259.845.934.993
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	200.719.234.295	288.273.500.826	43,94%	46.445.338.883
Lợi nhuận khác	(15.095.403.106)	(7.423.248.393)	-50,82%	(474.636.183)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	185.623.831.189	280.850.252.433	51,65%	45.970.702.700
Lợi nhuận sau thuế	153.603.282.678	232.286.347.757	51,56%	38.372.199.349
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	13,38%	15,89%	18,99%	2,64%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020, 2021 được kiểm toán của TNG, báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2022 do Công ty lập)

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

7.2.1 Thuận lợi

- Sự thông thoáng hơn của nền kinh tế đã thúc đẩy các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào Việt Nam, trong đó có ngành cung ứng nguyên phụ liệu dệt may, đây chính là tiền đề thuận lợi để Công ty chủ động phát triển kinh doanh theo hình thức FOB;
- Năm 2021, công ty đã đầu tư và tiến hành thi công Chi nhánh May TNG Võ Nhai 2, chi nhánh Phú Bình mở rộng, chi nhánh Sông Công mở rộng nâng tổng công suất thiết kế lên thành 324 chuyên may hiện đại và công nghệ quản lý tiên tiến. Mở rộng sản xuất bằng việc đầu tư mới với dây chuyền hiện đại sẽ giúp công ty nhận được thêm nhiều đơn đặt hàng mới cũng như nâng cao năng lực sản xuất trong tương lai;
- Hiệp định thương mại tự do EVFTA được kí kết và chính thức có hiệu lực đầu năm 2020 được dự đoán là một cơ hội lớn đối với các sản phẩm xuất khẩu của công ty sang thị trường chủ lực là Châu Âu trong tương lai khi thuế suất được giảm về 0%;
- Hiện tại, TNG đang sử dụng hơn 15.000 lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Việc sử dụng số lượng lao động lớn như vậy tạo điều kiện cho đơn vị Xã, Huyện, Tỉnh giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm chỉ tiêu hộ nghèo nên công ty được chính quyền các cấp ủng hộ, tạo điều kiện;

- Với kết quả kinh doanh tốt hơn trong các năm qua, ngoài nguồn vốn dồi dào từ ngân hàng công ty cũng đã thu hút được nhiều nguồn tài trợ từ các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài qua hình thức phát hành trái phiếu phục vụ mục đích mở rộng sản xuất kinh doanh.

7.2.2 Khó khăn và thách thức

- Thương hiệu “TNG Fashion” tuy được các nhà nhập khẩu nước ngoài đánh giá cao song chưa quen thuộc với người tiêu dùng trong nước, điều này chứng tỏ công tác quảng bá và phát triển thương hiệu chưa thực sự tốt;
- Yêu cầu sản phẩm ngày một khắt khe từ các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, ...;
- Ngành dệt và công nghiệp phụ trợ của Việt Nam chưa phát triển tương ứng nên hoạt động sản xuất của doanh nghiệp bị phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu;
- Với việc đang ngày càng nhiều doanh nghiệp sản xuất với quy mô lớn đặt nhà máy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đặt ra những thách thức không nhỏ đối với công ty trong công tác tuyển dụng và giữ chân lao động. Theo đó, công ty cần phải không ngừng nâng cao môi trường làm việc và chính sách lao động để thu hút nguồn lao động chất lượng cao cho sự phát triển trong tương lai;
- Sự cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu dệt may khác như Trung Quốc, Ấn Độ,... là nhưng nước có nhiều lợi thế hơn về thị trường, nguyên phụ liệu,... không chỉ đe dọa thị trường xuất khẩu mà còn chiếm lĩnh cả thị trường nội địa
- Rào cản thương mại tại các nước xuất khẩu lớn đang được vận dụng ngày càng tinh vi, gây khó khăn cho quá trình xuất khẩu của công ty.
- Đại dịch Covid-19 chưa được kiểm soát tại các thị trường xuất khẩu chính sẽ là một khó khăn lớn trong giai đoạn tới với công ty.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của công ty trong ngành

- Ngành hàng dệt may là một trong những ngành chủ đạo của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, liên quan đến các khâu sản xuất sợi, dệt nhuộm, vải, thiết kế sản phẩm, hoàn tất hàng may mặc và phân phối hàng may mặc đến tay người tiêu dùng. Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tập trung hoạt động sản xuất từ khâu may hàng hóa cho đến khâu phân phối đến người tiêu dùng.
- TNG từng là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được thành lập từ năm 1979 khi nền kinh tế Việt Nam đang còn là nền kinh tế tập trung với tên gọi Xí nghiệp may Bắc Thái. Với bề dày lịch sử phát triển, Công ty đã phát triển bền vững trong suốt những năm qua. Năm 2003, TNG được phép cổ phần hóa và trở thành doanh nghiệp ngoài Quốc doanh thuộc sở hữu tư nhân. Đến năm 2007, Công ty được phép niêm yết trên sàn giao dịch HNX. Hiện nay, TNG nằm trong top 10 doanh nghiệp tiêu biểu toàn diện ngành may Việt Nam – theo Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt may, được tổ chức 3 năm một lần do Bộ Công thương chủ trì và Hiệp hội Dệt may Việt Nam thực hiện.

- Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, TNG là một trong những doanh nghiệp may mặc xuất khẩu hàng đầu Việt Nam. Công ty đang có thế mạnh lớn khi các hợp đồng gia công quốc tế cho các nhãn hiệu nổi tiếng như ZARA, MANGO, GAP, C&A, CK, TCP, Columbia, Walmart, Mark & Spencer, Target, Decathlon, JCPenney, The Children Place. Mục tiêu lâu dài mà TNG hướng đến là bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới nhằm gia tăng lợi nhuận. Mặt khác, TNG cũng đang tận dụng thế mạnh, khai thác và củng cố vị thế của mình đối với thị trường thời trang trong nước.
- Xét về thị phần, Công ty chưa có thông tin cụ thể về vị trí thị phần của TNG trong ngành dệt may Việt Nam.
- Hiện nay, TNG đã phát triển được hệ thống các nhà máy may mặc rộng khắp tỉnh Thái Nguyên quy mô lớn với 12 chi nhánh may có trang thiết bị hiện đại; đồng thời xây dựng kênh TNG Fashion Store hứa hẹn TNG tăng trưởng đột phá trong thời gian tới.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Theo số liệu của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam năm 2021 ước đạt 39 tỷ USD tăng 11,2% so với năm 2020 và tăng 0,3% so với năm 2019. Trong đó, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với 15,9 tỷ USD tăng 12% so với năm 2020, tiếp theo là thị trường EU đạt 3,7 tỷ USD tăng trưởng 14% so với năm 2020, Hàn Quốc đạt 3,6 tỷ USD và Trung Quốc là 4,4 tỷ USD, chủ yếu là xuất khẩu sợi.

Xét trong trung và dài hạn, ngành dệt may Việt Nam có triển vọng phát triển tương đối tốt nhờ nguồn nhân lực giá rẻ cũng như thuận lợi lớn nhờ việc ký kết các hiệp định EVFTA được hoàn thành.

Hiệp định EVFTA - Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu

Với việc Hội đồng châu Âu thông qua Hiệp định EVFTA vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 và Quốc hội Việt Nam phê chuẩn Hiệp định vào ngày 8 tháng 6 năm 2020, điều này sẽ giúp cho tình hình xuất nhập khẩu của các mặt hàng nói chung và các mặt hàng ngành Dệt may nói riêng được dự báo tăng trưởng nhanh chóng từ năm 2020. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra dự báo đối với kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may, trong kịch bản tích cực dự báo kim ngạch xuất khẩu vào thị trường EU sẽ tăng nhanh với mức khoảng 67% đến năm 2025 so với kịch bản không có Hiệp định. Về sản lượng, nhìn chung EVFTA có tác động tích cực tới sản lượng với tốc độ tăng 6% (với ngành dệt) và 14% (với ngành may) vào năm 2030.

Mục tiêu và định hướng Quốc gia đối với ngành Dệt may

Đối với thị trường nội địa, tháng 04/2014 Bộ trưởng Bộ Công thương đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành Dệt may đến năm 2020 tầm nhìn 2030 (Quyết định 3218/QĐ-BCT) với mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu và tăng trưởng thị trường nội địa đạt 10% - 12% và một số quan điểm đáng lưu ý như sau:

Với quan điểm phát triển ngành dệt may theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; chuyển dịch hướng sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm; đảm bảo nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu. Lấy xuất khẩu làm phương thức cơ sở cho sự phát triển của

ngành, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa, tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành; phát triển các khu công nghiệp sợi dệt nhuộm tập trung để tạo điều kiện xử lý chất thải bảo vệ môi trường.

Ngành Dệt may không những chiếm vị trí rất quan trọng trong cơ cấu ngành công nghiệp của Việt Nam mà đó còn là ngành được Chính phủ đặt làm ngành kinh tế mũi nhọn của Quốc gia. Do vậy, Nhà nước sẽ chú trọng đến việc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh ngành may mặc của các công ty bằng cách đưa ra các chính sách đẩy mạnh, khuyến khích các doanh nghiệp may sản xuất để xuất khẩu, tận dụng cơ hội thị trường; xây dựng chương trình sản xuất vải phục vụ xuất khẩu phát triển các sản phẩm dệt kỹ thuật, y tế; và phát triển nguồn nguyên liệu bông, sợi, phụ liệu thông qua các phương án trồng cây lấy sợi như là bông. Đồng thời, nâng cao tính tự chủ và đẩy mạnh giá trị gia tăng trong từng sản phẩm của các công ty may mặc Việt Nam.

8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 21: Tình hình tài chính của một số doanh nghiệp trong cùng ngành

[Phần còn lại của trang được để trống có chủ đích]

0030
CÔNG
PHẦN
THU
T
NGUYỄN

Mã CK	Đơn vị	TNG	MSH	TCM	GMC	VGT
Nhóm chỉ số định giá						
Thu nhập trên mỗi cổ phần của 4 quý gần nhất (EPS)	VNĐ	2.904	8.846	2.122	1.471	1.713
Giá trị sổ sách của cổ phiếu (BVPS)	VNĐ	15.780	29.902	23.976	21.381	18.643
Chỉ số giá thị trường trên thu nhập (P/E)	Lần	11,30	8,94	30,72	18,08	15,70
Chỉ số giá thị trường trên giá trị sổ sách (P/B)	Lần	2,08	2,65	2,72	1,24	1,44
Chỉ số giá thị trường trên doanh thu thuần (P/S)	Lần	0,56	0,83	1,31	0,82	0,84
Tỷ suất cổ tức	%	0,01	0,09	0,01	0,00	0,00
Beta	Lần	1,20	1,04	1,06	1,00	1,95
Giá trị doanh nghiệp trên lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EV/EBIT)	Lần	12,27	7,93	27,25	8,90	13,12
Giá trị doanh nghiệp trên lợi nhuận trước thuế, khấu hao và lãi vay (EV/EBITDA)	Lần		6,39	17,01		9,04
Nhóm chỉ số sinh lợi						
Tỷ suất lợi nhuận gộp biên	%	14,23	19,60	14,52	15,91	13,82
Tỷ lệ lãi EBIT	%	7,65	11,64	5,59	5,72	10,44
Tỷ lệ lãi EBITDA	%	10,60	14,45	8,96	8,31	15,14
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần	%	4,28	9,32	4,06	4,27	8,16
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)	%	17,83	30,12	8,58	6,67	9,84
Tỷ suất sinh lợi trên vốn dài hạn bình quân (ROCE)	%	22,87	35,47	11,08	8,72	13,03
Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	5,88	15,18	4,36	4,43	4,49
Nhóm chỉ số tăng trưởng						
Tăng trưởng doanh thu thuần	%	21,51	24,50	1,89	-27,79	15,71
Tăng trưởng lợi nhuận gộp	%	14,57	23,91	-17,20	-16,37	73,84
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	%	51,65	91,56	-48,00	-11,41	143,62
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của CĐ công ty mẹ	%	51,56	90,84	-47,86	-1,87	161,42
Tăng trưởng tổng tài sản	%	22,85	21,88	21,17	-32,16	11,89
Tăng trưởng nợ dài hạn	%	-19,72		73,91	4,56	-4,24
Tăng trưởng nợ phải trả	%	20,68	44,00	41,88	-77,84	8,70
Tăng trưởng vốn chủ sở hữu	%	27,42	3,70	4,26	7,00	15,90
Tăng trưởng vốn điều lệ	%	25,28		14,97	9,98	0
Nhóm chỉ số thanh khoản						
Tỷ số thanh toán bằng tiền mặt	Lần	0,01	0,25	0,15	3,10	0,10
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	0,35	1,01	0,51	5,06	0,92
Tỷ số thanh toán hiện hành (ngắn hạn)	Lần	0,83	1,63	1,34	5,70	1,39

8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Hiện nay, trước xu thế phát triển mới của nền kinh tế thế giới, ngành dệt may thế giới nói chung đã có những đổi mới về chính sách và công nghệ để đáp ứng xu thế của chuỗi cung ứng toàn cầu hiện nay là sản xuất sạch, sản xuất bền vững, bảo vệ môi trường và có trách nhiệm xã hội... xu hướng tiến tới sự bền vững toàn cầu trong ngành dệt may. Một số quốc gia trên thế giới đã ban hành các chính sách và thực hành quản lý nhằm hướng tới sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và giảm chất thải, loại bỏ các chất gây lo ngại và loại trừ phát sinh vi sợi; biến đổi cách thức thiết kế quần áo, bán và sử dụng sao cho có thể giảm thải ra tự nhiên; cải thiện triệt để khả năng tái chế bằng cách thay đổi thiết kế, thu hồi và tái sản xuất; hướng tới sử dụng nguyên nhiên liệu tái tạo.

Đối với Việt Nam, tại Đại hội nhiệm kỳ VI (2020 - 2025) và tổng kết năm 2020 của Hiệp hội Dệt may Việt Nam diễn ra ngày 12/12 tại Hà Nội, mục tiêu đến năm 2025 xuất khẩu của ngành sẽ đạt 55 tỷ USD; trong đó, các sản phẩm chính bao gồm: xơ, sợi các loại đạt 4.000 tấn, vải đạt 3.500 triệu m², sản phẩm may hơn 8.500 sản phẩm.

Theo thông tin từ Đại Hội này, Bộ Công thương cũng đang tiếp tục đẩy mạnh đơn giản hóa, cải cách thủ tục hành chính, kiểm tra chuyên ngành, tháo gỡ khó khăn về cơ chế chính sách cho doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp dệt may; xây dựng và sớm hoàn thiện dự thảo Chiến lược phát triển ngành dệt may, da giày trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. Theo đó, nhà nước dự kiến quy hoạch và xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp dệt may lớn, có hệ thống xử lý nước thải tập trung để thu hút các dự án dệt nhuộm; ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến.

Nhận định và đánh giá về định hướng phát triển của ngành, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cũng đã và đang có những chiến lược đúng đắn, phù hợp với định hướng phát triển của ngành và xu thế chung của thế giới. Trong những năm tới, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, Công ty cũng đã đầu tư các nhà máy sản xuất dệt may đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh và đang đầu tư dự án cụm công nghiệp Sơn Cẩm nơi dự kiến sẽ xây dựng nhà máy xử lý nước thải và cấp nước đáp ứng yêu cầu cao của luật môi trường trong sản xuất dệt nhuộm.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong công ty

Số lượng nhân viên tại Công ty và các công ty con tại ngày 31/12/2020 là 15.794 người

Số lượng nhân viên tại Công ty và các công ty con tại ngày 31/12/2021 là 15.794 người, cụ thể:

Bảng 22: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/03/2022

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ
1	Phân theo vị trí làm việc	15.794	100%
	Nhân viên nghiệp vụ	892	5,65%
	Công nhân may trực tiếp	12.639	80,02%
	Công nhân phụ trợ	2.263	14,33%

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ
2	Phân theo giới tính	15.794	100%
	Nam	4.451	28,18%
	Nữ	11.343	71,82%
3	Phân theo hợp đồng	15.794	100%
	Hợp đồng lao động có thời hạn, không xác định thời hạn	14.927	94,51%
	Hợp đồng thử việc	254	1,61%
	Hợp đồng tập nghề, đào tạo nghề	559	3,54%
	Hợp đồng thuê chuyên gia	2	0,01%
	Hợp đồng vụ việc	7	0,04%
	Hợp đồng hưu trí	45	0,28%

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG)

9.2 Mức lương bình quân

Mức thu nhập bình quân một tháng của các cán bộ nhân viên của TNG năm 2020 là 8.568.963 / 1 người, và năm 2021 là 8.472.521/ 1 người, nằm ở mức cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực.

9.3 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Là một doanh nghiệp đông lao động, Công ty luôn quan tâm tới đời sống và môi trường làm việc cho người lao động. Bên cạnh các chế độ về Bảo hiểm, an toàn lao động mà Bộ luật Lao động quy định, Công ty còn áp dụng các tiêu chuẩn về lao động khác như tiêu chuẩn Trách nhiệm Xã hội SA8000, để đảm bảo các quyền lợi của người lao động, từ đó, người lao động luôn an tâm gắn bó với Công ty.

Chính sách đào tạo: Đối với người lao động mới và chưa biết nghề may công nghiệp sẽ được Công ty ký hợp đồng đào tạo nghề. Đối với CBCNV, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt, Công ty còn hỗ trợ tiền học phí với con của CBCNV đang học tại các trường đại học có nguyện vọng vào làm việc tại Công ty.

Chính sách lương thưởng: Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành các quy chế trả lương, trả thưởng rất linh hoạt theo hình thức chấm điểm hay dựa trên 03 thành tố: Know, how, Giải quyết vấn đề và trách nhiệm. Nguyên tắc này khắc phục được tình trạng phân phối bình quân, giúp đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích được người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tạo đà nâng cao hiệu suất làm việc.

Công ty cũng thực hiện chính sách công khai mức lương, theo đó lao động của công ty được xếp thành 7 cấp khác nhau, tiêu chí xếp hạng và mức lương của từng hạng được công khai để người lao động cùng theo dõi và phấn đấu.

Ngoài chế độ khen thưởng bằng tiền, Công ty còn khen thưởng dưới hình thức tham quan dã ngoại nước ngoài, bằng cổ phiếu để vừa động viên người lao động, vừa tạo ra sự gắn bó của người lao động với Công ty.

10. Chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của tổ chức đăng ký niêm yết

10.1 Chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu

Trái phiếu được phát hành nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thời hạn của Trái Phiếu, trên cơ sở nhu cầu vốn của Công ty cũng như các dự án đang thực hiện và sẽ triển khai và trên cơ sở tự cân đối nguồn vốn, Công ty có thể sẽ cần huy động thêm vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu riêng lẻ hoặc phát hành trái phiếu ra công chúng hoặc các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

10.2 Thứ tự ưu tiên thanh toán của Trái Phiếu trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Trái phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ít nhất ngang bằng với các khoản nợ khác và các nghĩa vụ khác không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc tương lai) của Công ty cổ phần Đầu Tư và Thương Mại TNG (trừ trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo quy định của pháp luật)".

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Bảng 23: Số năm khấu hao các tài sản năm 2021

Nhóm thiết bị	Thời gian
Nhà xưởng, vật kiến trúc	04 - 40 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 09 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Máy móc thiết bị	03 - 20 năm

Nhóm thiết bị	Thời gian
Tài sản khác	05 - 07 năm

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG)

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

11.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ đến hạn. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, và các khoản phải trả và phải nộp khác đã được Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết thanh toán đúng hạn và đầy đủ. Tính đến thời điểm 31/03/2022, Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

11.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2021 như sau:

Bảng 24: Tổng hợp các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty

Đơn vị: đồng

TT	Các loại thuế	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.637.214.385	12.918.938.723	7.598.503.351
2	Thuế giá trị gia tăng	0	0	0
3	Thuế thu nhập cá nhân	560.185.339	921.720.929	553.610.356
4	Thuế nhà thầu	0	0	0
5	Các loại thuế khác	162.612.672	159.939.511	3.091.476.122
Tổng cộng		11.360.012.396	14.000.599.163	11.243.589.829

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, 2021 và báo cáo tài chính tự lập quý 1/2022 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG)

Ngày 15/07/2022, Cục thuế tỉnh Thái Nguyên đã ban hành kết luận của thanh tra thuế số 3524/KL-CTTNG và quyết định số 768/QĐ-CTTNG về việc xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế. Theo đó, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG đã vi phạm hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
1	Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.818.001.279
2	Thuế giá trị gia tăng nộp thay	157.072.500
3	Thuế thu nhập cá nhân nộp thay	157.072.500
4	Phạt khai sai	900.437.104
5	Chậm nộp thuế TNDN	56.904.989
6	Chậm nộp thuế TNCN	42.787.928
7	Chậm nộp thuế GTGT	42.787.928

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
8	Thu hồi hoàn thuế GTGT	51.630.044
9	Chậm nộp thu hồi hoàn	9.448.298
	Tổng cộng	3.236.142.570

Ngày 15/07/2022, Công ty đã nộp đầy đủ số tiền phạt nêu trên.

11.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Hàng năm, TNG trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 25: Tổng hợp giá trị các quỹ của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

TT	Các loại thuế	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
1	Quỹ đầu tư phát triển	193.024.556.843	200.704.720.977	200.704.720.977
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	13.460.159.082	144.162.925	2.820.373.432
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	53.506.633.875	61.186.798.009	61.186.798.009
	Tổng cộng	152.635.991.927	259.991.349.800	264.711.892.18

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2020, 2021 và báo cáo tài chính hợp nhất tự lập Quý 1/2022 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG)

Bảng 26: Tổng hợp giá trị các quỹ của Công ty riêng lẻ

Đơn vị: đồng

TT	Các loại thuế	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
1	Quỹ đầu tư phát triển	193.024.556.843	200.704.720.977	200.704.720.977
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	13.460.159.082	144.162.925	2.820.373.432
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	53.506.633.875	61.186.798.009	61.186.798.009
	Tổng cộng	152.635.991.927	259.991.349.800	264.711.892.18

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng lẻ năm 2020, 2021 và báo cáo tài chính riêng lẻ tự lập Quý 1/2022 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG)

11.6 Tổng dư nợ vay

Bảng 27: Tổng hợp các khoản vay của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

TT	Đối tượng	31/12/2020	31/12/2021
I	Vay ngắn hạn	1.155.023.775.970	1.485.710.354.436
	<i>Vay ngắn hạn</i>	1.087.281.468.381	1.329.396.387.322
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – CN Thái	362.214.774.655	461.793.602.597

TT	Đối tượng	31/12/2020	31/12/2021
	Nguyên		
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam – CN Thái Nguyên	698.319.420.417	751.856.315.721
3	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	1.051.145.540	45.239.503.733
4	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – CN Thái Nguyên	0	69.715.650.438
5	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Bank - CN Thái Nguyên	0	45.721.768.566
6	Các khoản vay ngắn hạn khác	25.696.127.769	309.050.000
	Nợ dài hạn đến hạn trả	67.742.307.589	156.313.967.114
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thái Nguyên	12.089.961.000	93.424.748.694
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – CN Thái Nguyên	16.467.294.398	5.838.762.956
3	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	30.439.858.533	10.301.764.272
4	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – CN Thái Nguyên	8.745.193.658	46.748.691.192
II	Trái phiếu	127.000.000.000	136.000.000.000
5	Trái phiếu đến kỳ hạn	127.000.000.000	136.000.000.000
	Tổng cộng	1.282.023.775.970	1.621.710.354.436

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC hợp nhất Quý I/2022 tự lập của TNG)

Bảng 28: Tổng hợp các khoản vay của Công ty hợp nhất

TT	Đối tượng	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
I	Vay ngắn hạn	1.155.023.775.970	1.485.710.354.436	1.831.171.482.792
	Vay ngắn hạn	1.087.281.468.381	1.329.396.387.322	1.584.163.561.322
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam – CN Thái Nguyên (i)	698.319.420.417	751.856.315.721	961.559.108.556
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương	362.214.774.655	461.793.602.597	499.770.004.520

TT	Đối tượng	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
	Việt Nam – CN Thái Nguyên (ii)			
3	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – CN Thái Nguyên (iii)	0	69.715.650.438	69.715.650.438
4	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Bank - CN Thái Nguyên (iv)	0	45.721.768.566	45.809.747.808
5	Các khoản vay ngắn hạn khác (v)	26.747.273.309	309.050.000	7.309.050.000
	Nợ dài hạn đến hạn trả	67.742.307.589	156.313.967.114	111.007.921.470
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thái Nguyên (i)	12.089.961.000	93.424.748.694	65.147.615.494
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – CN Thái Nguyên (ii)	16.467.294.398	5.838.762.956	3.507.622.61
3	Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – CN Thái Nguyên (iii)	30.439.858.533	10.301.764.272	7.291.165.521
4	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – CN Thái Nguyên (iv)	8.745.193.658	46.748.691.192	35.061.518.394
II	Trái phiếu	127.000.000.000	136.000.000.000	136.000.000.000
5	Trái phiếu đến kỳ hạn	127.000.000.000	136.000.000.000	136.000.000.000
	Tổng cộng	1.282.023.775.970	1.621.710.354.436	

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2021 và BCTC riêng lẻ Quý I/2022 tự lập của TNG)

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức 01/2021/469075/HĐTD ngày 30/07/2021 đến ngày 30/07/2022 với hạn mức tín dụng là 1.200 tỷ VNĐ (bao gồm cả vay VND và ngoại tệ quy đổi, số dư L/C trừ phần ký quỹ, số dư bảo lãnh) với lãi suất khoản vay được xác định theo từng lần giải ngân. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được cầm cố, thế chấp của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VNĐ và Ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác.
- (ii) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm:

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT220-TNG ngày 10/09/2019 với hạn mức tín dụng là 500 tỷ VNĐ (bao gồm cả vay VNĐ và USD). Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng VNĐ là 7,0%/năm, USD là 4,3%/năm và được xác định theo từng lần giải ngân sau thời điểm ký hợp đồng. Khoản vay có tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị may công nghiệp và thiết bị văn phòng, các công trình trên đất của Công ty; 04 máy thu tự động; công trình và vật kiến trúc gắn liền với đất tại khu B Khu công nghiệp Sông Công, hàng hóa luân chuyển và quyền phải thu phát sinh từ hợp đồng kinh tế của Công ty mà Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tài trợ vốn.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2021-HĐCVHM/NHCT220-TNG ngày 09/04/2021 đến ngày 09/04/2022 với hạn mức tín dụng là 500 tỷ VNĐ (bao gồm cả vay VNĐ và USD). Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng cho các khoản vay bằng VNĐ là 6,2%/năm, USD là 3,8%/năm và được xác định theo từng lần giải ngân sau thời điểm ký hợp đồng. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay có tài sản bảo đảm là máy móc thiết bị may công nghiệp và thiết bị văn phòng, các công trình trên đất của Công ty, công trình và vật kiến trúc gắn liền với đất tại khu B Khu Công nghiệp Sông Công, hàng hóa luân chuyển và quyền phải thu phát sinh từ hợp đồng kinh tế của Công ty mà Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tài trợ vốn
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB)- chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng số 56686.21.090.2089348.TT ngày 29/11/2021 với 2 hạn mức tín dụng, chi tiết như sau: giá trị hạn mức tín dụng 1 là 100 tỷ VNĐ, giá trị hạn mức tín dụng 2 là 200 tỷ VNĐ. Hạn mức tín dụng 2 chỉ phát sinh hiệu lực khi Công ty có nhu cầu sử dụng vượt giá trị của Hạn mức tín dụng 1, có đề nghị gửi cho Ngân hàng và được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 28/11/2022. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo thông báo lãi suất của bên cho vay tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, gia công hàng dệt may của Công ty năm 2021-2022. Khoản vay được đảm bảo bởi Tiền-Thẻ tiết kiệm/huợp đồng tiền gửi i- giấy tờ có giá và tài sản, quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành từ Phương án cấp tín dụng MB bao gồm (i) vốn vay (ii) L/C do MB phát hành (iii) nghĩa vụ được MB bảo lãnh.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng số SHBVN/TN/2020/HDTD-0016 ngày 17/02/2020 đi kèm phụ lục gia hạn thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 17/02/2022 với tổng hạn mức tín dụng là 2 triệu đô la Mỹ (USD) với Phương thức cho vay là cho vay theo hạn mức nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay được ký kết và thống nhất áp dụng là lãi suất điều chỉnh theo mỗi lần tính/điều chỉnh lãi theo công thức LIBOR 06 tháng cộng (+) 1,7%/năm. Thời hạn trả nợ là 05 tháng áp dụng cho từng lần rút vốn vay.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn khác từ cán bộ công nhân viên của Công ty với kỳ hạn không quá 12 tháng.
- (i) Vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm:

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015/469075/HĐTD ngày 04 tháng 12 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức tín dụng là 112,75 tỷ VND để phục vụ nhu cầu đầu tư xây dựng Trung tâm Thiết kế Thời trang TNG của Công ty. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho vay giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất hiện tại đối với khoản vay bằng VND là 11%/năm và với các khoản vay bằng USD là 6,8%/năm (lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần). Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc và tài sản hình thành từ Dự án để đảm bảo cho các khoản vay.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/469075/HĐTD ngày 03 tháng 4 năm 2017 với tổng hạn mức tín dụng là 32.681.000.000 VND, mục đích để đầu tư dự án Nhà máy sản xuất Bông của Công ty. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân khoản vay đầu tiên cho Công ty. Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi suất cho vay hiện tại đối với khoản vay bằng VND là 11,5%/năm và với các khoản vay USD là 6,8%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Bông của Công ty và tất cả các biện pháp bảo đảm được ký kết giữa Công ty với ngân hàng bao gồm hợp đồng tín dụng này.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2018/469075/HĐTD ngày 10 tháng 9 năm 2018 với tổng hạn mức tín dụng là 1.327.591 USD và 3,92 tỷ VND để thực hiện Dự án Đầu tư máy móc thiết bị 6 tháng cuối năm 2018 của Công ty. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho vay giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng là 11,5%/năm đối với khoản vay bằng VND và 7,2%/năm đối với các khoản vay bằng USD. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Đầu tư máy móc thiết bị trong 6 tháng cuối năm 2018 của Công ty.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 02/2019/469075/HĐTD ngày 10 tháng 6 năm 2019 với tổng hạn mức tín dụng là 187.667.000.000 VND để đầu tư dự án Nhà máy may TNG Đồng Hỷ. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Bên cho vay giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay hiện tại đối với khoản vay bằng VND là 11,5%/năm và với các khoản vay bằng USD là 7,0%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án đầu tư Nhà máy may Đồng Hỷ của Công ty.

Khoản vay theo Hợp đồng số 02/2020/469075/HĐTD ngày 8 tháng 6 năm 2020 với tổng hạn mức tín dụng là 70.213.000.000 VND nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư thực tế dự án (bao gồm VND và ngoại tệ quy đổi) để đầu tư máy móc thiết bị năm 2020. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi dân cư 12 tháng trả lãi sau của BIDV cộng với phí Ngân hàng tối thiểu 4% phù hợp với quy định của BIDV từng thời kỳ. Lãi suất hiện tại đang áp dụng là 10,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án đầu tư máy móc thiết bị năm 2020 của Công ty.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 03/2020/469075/HĐTD ngày 26 tháng 6 năm 2020 với tổng hạn mức tín dụng là 188.740.000.000 VND nhưng không vượt quá 65% tổng mức đầu tư thực tế của dự án (bao gồm VND và ngoại tệ quy đổi) để đầu tư xây dựng Nhà máy TNG Võ Nhai. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng đến hết ngày

31 tháng 12 năm 2021 là 9.6%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư dự án (hình thành từ vốn vay và vốn tự có), quyền sử dụng đất của dự án (nếu đất thuê trả tiền một lần), toàn bộ các quyền liên quan đến dự án (quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất, quyền thụ hưởng bảo hiểm, ...).

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 04/2020/469075/HĐTĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 với tổng hạn mức tín dụng là 37.519.000.000 VND nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư thực tế của dự án (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) để thực hiện Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bông số 3. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho vay giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi dân cư 12 tháng trả lãi sau của BIDV Thái Nguyên cộng với phí ngân hàng tối thiểu 4% phù hợp với quy định của BIDV từng thời kỳ. Lãi suất hiện đang áp dụng là 8,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư dây chuyền sản xuất bông số 3 của Công ty.

- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo các hợp đồng tín dụng còn hiệu lực với tổng hạn mức tín dụng 3.324.900 USD và 19.612.742.199 VND. Mục đích khoản vay để thanh toán L/C theo phương án mở L/C căn cứ vào hợp đồng nhập khẩu máy móc, thiết bị ngành may mặc và thanh toán tiền mua hàng nội địa. Lãi suất vay được áp dụng lãi suất thả nổi, ngày điều chỉnh lãi suất và kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ phương án bao gồm máy móc thiết bị ngành may mặc chi tiết theo từng hợp đồng mua sắm.
- (iii) Vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm:

Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng còn hiệu lực với tổng hạn mức tín dụng 223 tỷ VND, dùng để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất bông cho chi nhánh Bông thuộc tổ hợp nhà máy may tại Khu B Khu công nghiệp Sông Công, đầu tư Dự án Mở rộng năng lực sản xuất của nhà máy TNG Đại Từ, và Dự án Cải tạo hệ thống thiết bị và nâng cấp đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản toàn Công ty. Lãi suất hiện tại đối với khoản vay bằng VND từ 10,5%/năm – 11,5%/năm và với các khoản vay bằng USD từ 4,5%/năm – 7,5%/năm (lãi suất thả nổi điều chỉnh 01 tháng/lần). Các khoản vay được đảm bảo bằng hệ thống dây chuyền sản xuất bông được lắp đặt tại chi nhánh Bông - Khu B Khu công nghiệp Sông Công và tài sản hình thành từ vốn vay của các Dự án.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 300065363/2017-HĐCVNT/NHCT220-TNG ngày 27 tháng 7 năm 2017 với tổng hạn mức tín dụng 33 tỷ VND để thanh toán các chi phí tài trợ cho Dự án Đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn II năm 2017. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân khoản vay đầu tiên cho Công ty. Lãi suất áp dụng hiện tại là 9,5%/năm đối với các khoản vay bằng VND và 6,5%/năm đối với các khoản vay bằng USD. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của Dự án.

- (iv) Vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên gồm:

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 94/19/HĐTD/TN ngày 09 tháng 4 năm 2019 với tổng hạn mức tín dụng là 130 tỷ VND, để đầu tư tài sản cố định. Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định theo từng lần giải ngân. Khoản vay được đảm bảo, thế chấp bằng máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị cho nhà máy TNG Phú Bình và TNG Sông Công, và Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2014 theo hợp đồng thế chấp số 210/18/HĐTC/TN ngày 18 tháng 6 năm 2018, tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị năm 2019 theo Hợp đồng thế chấp số 86/19/HĐTC/TN ngày 09 tháng 4 năm 2019 và các khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 87/19/HĐTC/TN ngày 09 tháng 4 năm 2019.

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 185/20/HĐTD/TN ngày 25 tháng 8 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 55.682.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án Nhà máy phụ trợ TNG Sông Công. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay thả nổi, bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên công bố trong từng thời kỳ cộng biên độ 3,3% nhưng không thấp hơn sàn cho vay của Ngân hàng, kỳ điều chỉnh 03 tháng một lần.

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 100/21/HĐTD/TN ngày 12 tháng 4 năm 2021 với hạn mức tín dụng là 128.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, hệ thống điện năm 2021 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay thả nổi, bằng lãi suất Libor 06 tháng cộng biên độ 5,5%/năm cộng phần bù rủi ro do ngân hàng thông báo.

11.7 Tình hình công nợ hiện nay

a) Tổng hợp các khoản phải thu

Bảng 29: Tổng hợp các khoản phải thu của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Các khoản phải thu ngắn hạn			
Phải thu khách hàng	392.545.454.655	585.255.931.638	509.038.087.452
Trả trước người bán	4.161.812.843	48.645.203.680	58.791.495.890
Các khoản phải thu khác	56.857.440.608	94.974.238.706	176.361.685.657
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.466.965.398)	(2.314.435.860)	(2.314.435.860)
Tổng cộng	451.097.742.708	726.560.938.164	741.876.833.139

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2022 của Công ty)

Bảng 30: Tổng hợp các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Phải thu khách hàng	392.545.454.655	585.255.931.638	509.038.087.452
Trả trước người bán	4.161.812.843	48.645.203.680	58.791.495.890
Các khoản phải thu khác	56.857.440.608	94.974.238.706	176.361.685.657
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.466.965.398)	(2.314.435.860)	(2.314.435.860)
Tổng cộng	451.097.742.708	726.560.938.164	741.876.833.139

(Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC riêng lẻ Quý I/2022 của Công ty)

Bảng 31: Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021 của công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021		
	Giá gốc (đồng)	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Viện công nghệ môi trường và biến đổi khí hậu	2.182.208.600	-	Dưới 2 năm
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	132.227.260	-	Dưới 2 năm
Tổng cộng	2.314.435.860		

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của TNG

Bảng 32: Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021 của công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021		
	Giá gốc (đồng)	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Viện công nghệ môi trường và biến đổi khí hậu	2.182.208.600	-	Dưới 2 năm
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	132.227.260	-	Dưới 1 năm
Tổng cộng	2.314.435.860		

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2021 đã được kiểm toán của TNG

b) Tổng hợp các khoản phải trả

Bảng 33: Các khoản phải trả của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Phải trả cho người bán	410.418.072.190	684.290.803.577	697.479.700.454
Người mua trả tiền trước	29.724.503.476	4.362.358.117	11.833.999.466
Thuế và các khoản phải nộp cho	11.360.012.396	14.000.599.163	11.243.589.829

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Nhà nước			
Phải trả người lao động	32.722.320.900	58.613.285.891	68.915.293.562
Chi phí phải trả	39.128.141.563	42.714.852.246	15.214.303.926
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.454.743.093	17.072.612.690	16.345.845.879
Tổng cộng	540.807.793.618	821.054.511.684	821.032.733.116

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I/2022 của TNG

Bảng 34: Các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Phải trả cho người bán	410.418.072.190	684.290.803.577	697.479.700.454
Người mua trả tiền trước	29.724.503.476	4.362.358.117	11.833.999.466
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	11.360.012.396	14.129.529.710	11.243.589.829
Phải trả người lao động	32.722.320.900	58.613.285.891	68.915.293.562
Chi phí phải trả	39.128.141.563	42.446.225.235	15.214.303.926
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.454.743.093	17.072.612.690	16.345.845.879
Tổng cộng	540.807.793.618	820.914.815.220	821.032.733.116

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2021 đã được kiểm toán và BCTC riêng lẻ Quý I/2022 của TNG

c) Hàng tồn kho

Bảng 35: Hàng tồn kho của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Hàng mua đang đi trên đường	29.986.738.502	90.559.307.771	0
Nguyên liệu, vật liệu	300.430.706.408	483.312.145.584	649.744.297.075
Công cụ, dụng cụ	4.902.700.977	4.272.920.396	4.446.016.421
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	215.525.625.423	222.194.065.956	344.674.619.192
Thành phẩm	485.450.699.069	380.327.588.659	344.783.589.752
Hàng hóa		5.450.228	0
Tổng cộng	1.036.296.470.379	1.180.671.478.594	1.343.648.522.440

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020, 2021 được kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2022 tự lập của TNG)

Bảng 36: Hàng tồn kho của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Hàng mua đang đi trên đường	29.986.738.502	90.559.307.771	0
Nguyên liệu, vật liệu	300.430.706.408	483.312.145.584	649.744.297.075
Công cụ, dụng cụ	4.902.700.977	4.272.920.396	4.446.016.421
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	215.525.625.423	222.194.065.956	344.674.619.192
Thành phẩm	485.450.699.069	380.327.588.659	344.783.589.752
Hàng hóa	0	5.450.228	0
Tổng cộng	1.036.296.470.379	1.180.671.478.594	1.343.648.522.440

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2020, 2021 được kiểm toán và báo cáo tài chính riêng lẻ quý 1/2022 tự lập của TNG)

11.8 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 37: Các khoản phải trả của Công ty hợp nhất

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,93	0,83
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,37	0,35
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,68	0,67
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,10	1,99
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	3,71	4,03
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	1,26	1,25
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	2,63	2,69
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):	3,43%	4,28%

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021
(Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)		
ROEA (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	13,38%	15,92%
ROAA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	4,32%	5,33%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020, 2021 được kiểm toán của TNG)

Bảng 38: Các khoản phải trả của Công ty riêng lẻ

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,93	0,83
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,37	0,35
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,68	0,67
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,10	1,99
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	3,71	4,03
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	1,26	1,25
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	2,63	2,69
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	3,43%	4,28%
ROEA (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	13,38%	15,92%
ROAA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	4,32%	5,33%

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2020, 2021 được kiểm toán của TNG)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Kế toán trưởng**12.1. Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Đức Mạnh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Lương Thị Thúy Hà	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT
5	Trần Cảnh Thông	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT
7	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT
8	Lê Quang Vinh	Thành viên HĐQT
9	Đỗ Thị Hà	Thành viên HĐQT

12.1.1 Ông Nguyễn Văn Thời - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thời
- Số CMND: 090117808 - Nơi cấp: CA Thái Nguyên - Ngày cấp: 11/08/2014
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Ngày tháng năm sinh: 27/01/1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mỏ, cử nhân kinh tế, cử nhân chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
06/1982 - 11/1992	Đội trưởng đội vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
12/1992 - 01/1993	Trưởng phòng vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
02/1992 - 09/1993	Phó giám đốc Xí nghiệp May Bắc Thái
10/1993 - 12/2002	Giám đốc Công ty May Thái Nguyên
2003 - 2007	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên
2007 - 2012	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên
2019 - Nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG
2019 - Nay	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên TNG Eco Green
2019 - Nay	Chủ tịch Công ty TNHH TNG Fashion
2013 - Nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG

- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
 - + Tổng Giám đốc Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG
 - + Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên TNG Eco Green
 - + Chủ tịch Công ty TNHH TNG Fashion
- Số cổ phần nắm giữ: 16.702.689 cổ phần (tương ứng 18,02% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 16.702.689 cổ phần (tương ứng với 18,02% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đỗ Thị Hà	Vợ	1.742.109	1,88%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Con trai	6.529.614	7,04%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Con trai	3.878.069	4,18%
4	Nguyễn Văn Thới	Em trai	659	0,0007%
5	Nguyễn Thị Nhuận	Em gái	214.010	0,23%
6	Nguyễn Thị Miên	Em gái	216.070	0,23%
7	Nguyễn Thị Miên	Em gái	66.593	0,07%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không có
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 2.661.266.812 VNĐ.

12.1.2 Ông Nguyễn Đức Mạnh - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Đức Mạnh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/11/1983
- Số CMTND: 090882528 - Nơi cấp: Thái Nguyên - Ngày cấp: 20/05/2013
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thành Phố Thái Nguyên
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ Thông tin, cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2007 – 2012	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2013 – 2014	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
09/2014 - 05/2017	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Thời gian	Nơi làm việc
05/2017 – Nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – Nay	Giám đốc - Công ty TNHH TNG Fashion
5/2020 – Nay	Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH TNG Fashion
- Số cổ phần nắm giữ: 6.529.614 cổ phần (tương ứng 7,04% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 6.529.614 cổ phần (tương ứng với 7,04% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Thời	Bố	16.702.689	18,02%
2	Đỗ Thị Hà	Mẹ	1.742.109	1,88%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Em trai	3.878.069	4,18%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 2.361.004.666 VNĐ.

10.1.3 Bà Lương Thị Thúy Hà – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty

- Họ và tên: Lương Thị Thúy Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/06/1969
- Số CMTND: 090555417 - Nơi cấp: CA Thái Nguyên - Ngày cấp: 23/06/2016
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1992 – 2012	Cán bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2013 – 04/2016	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2016 – 2017	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng- Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2018	Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – Nay	Phó Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
06/2021 – Nay	Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 557.438 cổ phần (tương ứng 0,6% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 557.438 cổ phần (tương ứng với 0,6% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 1.292.946.287 VNĐ.

12.1.4 Ông Nguyễn Văn Đức – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Văn Đức
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/12/1977
- Số CMTND: 090709267 - Nơi cấp: CA Thái Nguyên - Ngày cấp: 01/11/2009
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 02803 856425
- Dân tộc: kinh
- Địa chỉ thường trú: xã Quyết Thắng, TP. Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, cử nhân kế toán, cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1997 – 2007	Cán bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2008 – 2011	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2011 – 2016	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2016 – 05/2017	Thành viên Hội Đồng Quản Trị
05/2017 – 06/2021	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
06/2021 – Nay	Thành viên HĐQT – Chủ tịch công đoàn Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Công đoàn - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 170.281 cổ phần (tương ứng 0,18% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 170.281 cổ phần (tương ứng với 0,18% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không có

- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 777.003.028 VNĐ.

12.1.5 Ông Trần Cảnh Thông - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Trần Cảnh Thông
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/09/1963
- Số CMND: 023324942 - Nơi cấp: TP, HCM - Ngày cấp: 17/03/2009
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0767655611
- Địa chỉ thường trú: 351/53 Lê Văn Sĩ, Phường 13, Quận 3, TP, HCM
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
11/2004 - Nay	Giám đốc Công ty TNHH Kaluzhskaia obuv – 249271, Russia, Kaluzhskaia oblast, city suhinhichi, Street S, Tiulenin 22,
04/2004 –04/2009	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành – 2-4 Lư Văn Lang, P, Bến Thành, Q,1, Thành phố HCM
05/2020 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
Hiện nay	Giám đốc Công ty TNHH Kaluzhskaia obuv – 249271, Russia, Kaluzhskaia oblast, city suhinhichi, Street S, Tiulenin 22,
Tháng 06/2021-nay	Chủ tịch Ủy Ban kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm chủ tịch Ủy Ban kiểm toán Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG,
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Kaluzhskaia obuv – 249271, Russia, Kaluzhskaia oblast, city suhinhichi, Street S, Tiulenin 22.
- Số cổ phần nắm giữ: 6.093.167 cổ phần (tương ứng 6,57% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 6.093.167 cổ phần (tương ứng với 6,57% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ngô Thị Thái	Vợ	0	0%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không có
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 180.000.000 VNĐ.

12.1.6 Ông Nguyễn Mạnh Linh – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Linh

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/12/1987
- Số CMTND: 090972003 - Nơi cấp: Công An Thái Nguyên - Ngày cấp: 01/03/2016
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, Thành Phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2010	Trợ lý Quản lý sản xuất - Rosingly Inc, New York, NY
2010 – 2011	Trợ lý Quản lý sản xuất - Amerex Group LLC, New York, NY
2011 – 2012	Trợ lý Quản lý sản xuất - Kenneth Cole Production, New York, NY
2013 – 2017	Trưởng phòng Phát triển kinh doanh Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2017 – 2019	Trưởng Văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG tại New York
04/2019 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG, Trưởng văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tại New York
02/2019 – Nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên TNG Eco Green
10/2020 - Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, Trưởng văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tại New York.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên TNG Eco Green;
- Số cổ phần nắm giữ: 3.878.069 cổ phần (tương ứng 4,18% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 3.878.069 cổ phần (tương ứng với 4,18% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Thời	Bố	16.702.689	18,02%
2	Đỗ Thị Hà	Mẹ	1.742.109	1,88%
3	Nguyễn Đức Mạnh	Anh trai	6.529.614	7,04%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có;
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không có
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 1.227.489.956 VNĐ.

12.1.7 Ông Nguyễn Hoàng Giang - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/06/1986
- Số CMTND: 030086000194- Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư- Ngày cấp: 03/07/2015
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0974238388
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P1A1 – 198 Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội,
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
05/2008 – 10/2008	Nhân viên phòng giải pháp nghiệp vụ - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
10/2008 – 06/2010	Trưởng phòng giải pháp nghiệp vụ và quản trị rủi ro - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
07/2010 – 10/2010	Giám đốc phát triển sản phẩm và giải pháp nghiệp vụ Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
10/2010-12/2012	Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
04/2012 - 06/2020	Thành viên HĐQT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
12/2012 – 04/2018	Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
08/2018 - Nay	Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
04/2019 - Nay	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (NVT)
10/2018 - Nay	Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Tư vấn Tài chính Eagle Partners
10/2019 - Nay	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS)
05/2020 - Nay	Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác:
 - + Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
 - + Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (NVT)
 - + Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Tư vấn Tài chính Eagle Partners
 - + Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS)
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ). Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không có
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 180.000.000 VNĐ.

12.1.8 Ông Lê Quang Vinh – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Lê Quang Vinh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/03/1969
- Số CMTND: 011928722 - Nơi cấp: Công An Hà Nội - Ngày cấp: 04/11/2010
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Dân tộc: kinh
- Địa chỉ thường trú: phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: luật sư
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1988 – 1995	Bộ Ngoại Giao
1995 -2010	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại An Vinh
2011 – Nay	Giám đốc Công ty Luật TNHH Tích Thiện Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển Du lịch Hải Âu
2017 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác:
 - + Giám đốc Công ty Luật TNHH Tích Thiện
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển Du lịch Hải Âu
- Số cổ phần nắm giữ: 144 cổ phần (tương ứng 0,0002% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 144 cổ phần (tương ứng với 0,0002% vốn điều lệ).
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không có
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 180.000.000 VNĐ.

12.1.9 Bà Đỗ Thị Hà – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Đỗ Thị Hà

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 03/05/1960
- Số CMTND: 090513872 - Nơi cấp: Công An Thái Nguyên - Ngày cấp: 13/11/2013
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, thành Phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sư phạm
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2017 - Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
06/2021 - Nay	Thành viên Ủy Ban Kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm thành viên Ủy ban Kiểm toán Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 1.742.109 cổ phần (tương ứng 1,88% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.742.109 cổ phần (tương ứng với 1,88% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Thời	Chồng	16.702.689	18,02%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Con trai	6.529.614	7,04%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Con trai	3.878.069	4,18%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không có
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 180.000.000 VNĐ.

12.2 Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Mạnh	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng giám đốc
3	Trần Minh Hiếu	Phó Tổng giám đốc
4	Lương Thị Thúy Hà	Phó Tổng giám đốc
5	Đoàn Thị Thu	Phó Tổng giám đốc
6	Lưu Đức Huy	Phó Tổng giám đốc
7	Phạm Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
8	Nguyễn Thị Phương	Phó Tổng giám đốc

12.2.1 Ông Nguyễn Đức Mạnh – Tổng giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

12.2.2 Ông Nguyễn Mạnh Linh – Phó Tổng giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

12.2.3 Ông Trần Minh Hiếu – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Trần Minh Hiếu
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/12/1979
- Số CMTND: 091704585 - Nơi cấp: Công An Thái Nguyên - Ngày cấp: 08/08/2009
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Hoàng Văn Thụ, thành Phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2009 – 2011	Trưởng phòng Kế hoạch Nhà máy Việt Thái – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2011 – 2013	Giám đốc chi nhánh kinh doanh – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2017 – Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ Phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 69.917 cổ phần (tương ứng 0,08% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 69.917 cổ phần (tương ứng với 0,08% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 1.162.543.314 VNĐ.

12.2.5 Bà Lương Thị Thuý Hà – Phó Tổng giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

12.2.6 Bà Đoàn Thị Thu – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Đoàn Thị Thu
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/06/1972
- Số CMTND: 090632991 - Nơi cấp: Công An Thái Nguyên - Ngày cấp: 20/07/2016
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phú Xá, Thành Phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1994 – 1997	Cán bộ Xí nghiệp May Bắc Thái
1998 – 2002	Cán bộ Công ty May Thái Nguyên
2003 -2007	Cán bộ Công ty May Xuất khẩu Thái Nguyên
2008 – 2011	Giám đốc Nhà máy May Việt Đức – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2012 – 2014	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2015 – 2016	Giám đốc Nhà máy May Việt Đức – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2017 – Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 125.805 cổ phần (tương ứng 0,14% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 125.805 cổ phần (tương ứng với 0,14% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không có
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 1.094.494.156 VNĐ.

12.2.7 Ông Lưu Đức Huy – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Lưu Đức Huy
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/12/1970
- Số CMTND: 090652816 - Nơi cấp: Công An Thái Nguyên - Ngày cấp: 26/07/2007
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
1994 – 1998	Cán bộ Công ty May Thái Nguyên
1998 – 2001	Phó Phòng Kế hoạch Công ty May Thái Nguyên
2001 – 2002	Trưởng Phòng Cơ điện Công ty May Thái Nguyên
2003	Phó Phòng Kế hoạch Công ty May Thái Nguyên
2007 – 2010	Giám đốc Nhà máy Giặt – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG



Thời gian	Nơi làm việc
2011-2015	Giám đốc Nhà máy May Việt Thái – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2015-2018	Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 - Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
	Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG; Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 24.504 cổ phần (tương ứng 0,03% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 24.504 cổ phần (tương ứng với 0,03% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không có
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 1.094.494.156 VNĐ.

12.2.8 Ông Phạm Thanh Tuấn – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Phạm Thanh Tuấn
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/10/1983
- Số CMTND: 090881719 - Nơi cấp: CA Thái Nguyên - Ngày cấp: 04/06/2014
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0915600800
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 12, Phường Túc Duyên, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Kế toán doanh nghiệp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2005 – 2011	Nhân viên Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại TNG
2011– 05/2021	Giám đốc xí nghiệp may
06/2021– Nay	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 35.563 cổ phần (tương ứng 0,04% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 35.563 cổ phần (tương ứng với 0,04% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không có
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 707.559.777 VNĐ.

12.2.9 Bà Nguyễn Thị Phương – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phương
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 09/11/1973
- Số CMTND: 090888144 - Nơi cấp: CA Thái Nguyên - Ngày cấp: 18/11/2014
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0986507390
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2007 – 2008	Cán bộ Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại TNG
01/2009 – 06/2009	Phó Giám đốc Kỹ Thuật Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
07/2009 – 12/2009	Trưởng phòng Quản lý chất lượng Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
01/2010 – 9/2011	Phó Giám đốc xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
10/2011 – 12/2012	Giám đốc Xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
01/2013 – 12/2015	Phó giám đốc Xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
01/2016 – 05/2021	Giám đốc Xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
06/2021 – Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 60.767 cổ phần (tương ứng 0,07% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 60.767 cổ phần (tương ứng với 0,07% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không có
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 948.025.942 VNĐ.

13.3 Ủy ban Kiểm toán

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Cảnh Thông	Chủ tịch Ủy Ban kiểm toán
2	Đỗ Thị Hà	Thành Viên Ủy Ban kiểm toán

Hai thành viên của Ủy ban kiểm toán hiện nay đều chưa đủ điều kiện là thành viên ủy ban kiểm toán theo quy định tại khoản 3 Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tổ Chức Phát Hành cam kết rằng Công ty sẽ bầu lại các thành viên Ủy ban kiểm toán đảm bảo quy định tại điều lệ công ty, luật doanh nghiệp, và khoản 3 Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 trong Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Sơ yếu lý lịch của bà Trần Cảnh Thông, Đỗ Thị Hà được trình bày tại mục thành viên Hội đồng quản trị

12.4. Kế toán trưởng: Bà Trần Thị Thu Hà – Kế toán trưởng

- Họ và Tên: Trần Thị Thu Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Địa chỉ thường trú: Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2009 – 2016	Làm việc tại TNG với các chức vụ: Phó phòng kế toán, Kế toán trưởng chi nhánh, Trưởng phòng kế toán
2016 -2017	Phó Giám đốc chi nhánh thời trang TNGF của TNG
2018 - Nay	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 80.826 cổ phần (tương ứng 0,09% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 80.826 cổ phần (tương ứng với 0,09% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với TCĐKNY: Không có
- Lợi ích liên quan đối với TCĐKNY: Thu nhập năm 2021: 844.369.803. VNĐ

13. Tài sản**13.1 Tài sản cố định**

Bảng 39: Chi tiết tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình của Công ty hợp nhất/Công ty

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	2.479.109.305.698	1.476.879.696.017	59,57%
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.185.032.722.897	885.197.667.236	74,70%
Máy móc thiết bị	1.278.020.870.081	588.278.896.808	46,03%
Phương tiện vận chuyển	8.890.863.927	2.603.906.631	29,29%
Thiết bị văn phòng	4.739.648.805	196.914.764	4,15%
Tài sản khác	2.425.199.988	602.310.578	24,84%
Tài sản cố định vô hình	47.422.684.488	24.497.796.277	51,66%
Quyền sử dụng đất	19.783.250.377	17.159.144.730	86,74%
Phần mềm	27.639.434.111	7.338.651.547	26,55%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất/riêng lẻ năm 2021 được kiểm toán của TNG)

Bảng 40: Chi tiết tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình của Công ty hợp nhất/Công ty mẹ tại ngày 31/03/2022

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	2.523.204.000.799	1.477.103.916.667	58,54%
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.189.964.983.248	875.889.444.985	73,61%
Máy móc thiết bị	1.317.387.278.431	598.188.945.932	45,41%
Phương tiện vận chuyển	8.890.863.927	2.348.963.619	26,42%
Thiết bị văn phòng	4.535.675.205	152.144.278	3,35%
Tài sản khác	2.425.199.988	524.417.853	21,62%
Tài sản cố định vô hình	47.422.684.488	23.691.856.592	49,96%
Quyền sử dụng đất	19.783.250.377	16.966.253.244	85,76%
Phần mềm	27.639.434.111	6.725.603.348	24,33%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất/riêng lẻ Quý I/2022 do Công ty tự lập của TNG)

13.2 Tài sản dở dang

Bảng 41: Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty hợp nhất/Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Nội dung	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Mua sắm	4.575.423.829	0	
Xây dựng cơ bản	446.756.770.438	671.299.937.275	725.863.309.118
Trong đó			
✓ Dự án khu công nghiệp Sơn Cẩm	292.408.921.029	514.544.649.004	514.544.649.004
✓ Nhà máy TNG Phú Lương	49.556.154.041	40.599.696.823	40.599.696.823
✓ Nhà máy phụ trợ Sông Công	23.310.992.572	31.903.496.870	63.660.413.973
✓ Dự án Phú Bình	22.864.474.332	28.023.182.061	33.870.589.468
✓ Dự án nhà máy TNG Võ Nhai	16.712.803.605	13.784.612.104	12.013.155.286
✓ Khác	46.478.848.688	42.444.300.413	61.174.804.564

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất/riêng lẻ Quý I/2022 do Công ty tự lập của TNG)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận trong các năm tiếp theo

14.1 Các chỉ tiêu kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (*)	
		Giá trị (tỷ đồng), %	% tăng giảm so với năm 2021
1	Doanh thu thuần	6.000	10,22%
2	Lợi nhuận sau thuế	280	20,54%
3	Vốn điều lệ	1.001	7,98%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,66%	-
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	27,90%	-
6	Cổ tức	16%	-

Nguồn: TNG

Ghi chú: (*) Kế hoạch kinh doanh được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 1022/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2022.

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận nêu trên

Cơ sở để HĐQT của công ty đưa ra kế hoạch kinh doanh này như sau:

Đảm bảo thực hiện tốt các đơn hàng của khách hàng về số lượng, chất lượng và thời gian giao hàng:

- Các chi nhánh phải đạt các chứng chỉ (WAP, BSCI, SA, BTW), đạt tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng;
-

- Tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa hoạt động sản xuất nhằm đưa ra giá cạnh tranh đến với khách hàng;
- Tỷ lệ chất lượng sản phẩm đạt chuẩn không dưới 97%;
- Đảm bảo ngày giao hàng gốc cho khách hàng đạt 100%.

Đảm bảo số lượng và chất lượng lao động phục vụ sản xuất kinh doanh:

- Thực hiện đúng cam kết với người lao động: “không một người lao động nào làm việc tại TNG bị vi phạm chế độ và quyền lợi theo qui định của pháp luật”;
- Tăng thu nhập cho người lao động: Tiền lương tối thiểu vùng tính trong đơn giá tiền lương tăng 13% so với qui định của nhà nước;
- Tăng các chế độ phúc lợi cho người lao động;
- Bổ sung thêm xe đưa đón công nhân.

Không ngừng cải tiến hệ thống, tăng năng suất lao động bình quân:

- Sắp xếp nhà máy theo tiêu chuẩn - 5S;
- Áp dụng sản xuất tinh gọn theo – LEAN nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian sản xuất;
- Cải tiến phương pháp quản lý máy móc thiết bị, giảm thiểu thời gian sửa chữa, bảo dưỡng;
- Đầu tư thêm thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện quản trị công ty theo tiêu chuẩn ERP:

- Công ty đưa ra các chỉ tiêu định lượng gắn trách nhiệm công việc với tiền lương thể hiện qua các chỉ số sau các cán bộ quản lý phụ trách các K hệ số khác nhau, tùy theo kết quả các K sẽ có thu nhập khác nhau.

Tập trung đầu tư tăng chuyên may nhanh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng:

- Khai thác hết các công suất các nhà máy hiện có và tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 Chi nhánh may Đại Từ và Đồng Hỷ theo đúng lộ trình;
- Tiếp tục duy trì thực hiện chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.
- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp tại các thị trường xuất khẩu truyền thống của công ty như Mỹ, châu Âu. Công ty có thể gặp khó khăn trong việc duy trì doanh thu xuất khẩu trong năm 2021, tuy nhiên, doanh thu nội địa đang có xu hướng tăng và công ty tiếp tục tập trung vào lĩnh vực có thể mạnh như quần áo văn phòng. Bên cạnh đó, công ty đầu tư mạnh vào kênh bán hàng trực tuyến và các sản phẩm khẩu trang kháng khuẩn nhằm phục vụ nhu cầu trong nước.
- Phát triển các dự án bất động sản đang triển khai
- Trong năm 2021-2022, công ty tiếp tục triển khai Dự án cụm công nghiệp Sơn Cẩm với diện tích 75 ha. Công ty đang triển khai giải phóng mặt bằng (đã hoàn thành khoảng 80% diện tích mặt bằng) và thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng trên khu đất đã hoàn tất giải phóng mặt bằng. Dự kiến, doanh thu của dự án sẽ được ghi nhận chủ yếu trong năm 2022 và 2023.

- Trong Quý I năm 2022, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.260 tỷ đồng tương đương 138% doanh thu thuần cùng kỳ năm trước (911 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế trong Quý I năm 2022 đạt 38 tỷ đồng tăng trưởng 72% so với lợi nhuận sau thuế của Quý I năm 2021 và tương đương 13,57% so với lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2022.
- Kế hoạch tăng vốn điều lệ: Năm 2022, TNG dự kiến sẽ phát hành 36.809.573 cổ phần tương đương vốn điều lệ tăng thêm 368.095.730.000 đồng. Trong đó:
 - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: tối đa 7.415.902 cổ phần;
 - Phát hành cổ phiếu cho người lao động được lựa chọn: tối đa 5.005.734 cổ phần;
 - Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: tối đa 10.512.042 cổ phần;
 - Phát hành cổ phiếu riêng lẻ: tối đa 13.875.895 cổ phần.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cũng như lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG ổn định và có tiềm năng phát triển.

Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà công ty đã đề ra trong những năm tới là khả thi. Do đó, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2021 có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

[Phần còn lại của trang được để trống có chủ đích]

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Trái phiếu không chuyển đổi, không được bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành.

Đặc điểm pháp lý của Trái phiếu:

- Các Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng đồng Việt Nam, dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử;
- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Tổ Chức Phát Hành;
- Các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau mà không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn so với Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào;
- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào.

2. Mã chứng khoán: TNG122017

3. Mệnh giá chứng khoán

100.000 VNĐ/01 Trái Phiếu (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng/Một Trái Phiếu).

4. Tổng số chứng khoán niêm yết

3.000.000 Trái Phiếu (Bằng chữ: Ba triệu Trái Phiếu) (Chiếm 100% tổng số Trái Phiếu đã phát hành).

5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Không có.

6. Xếp hạng tín nhiệm

Không có.

7. Ngày Phát Hành: 16/05/2022

8. Ngày Đáo Hạn: 16/05/2026

9. Kỳ hạn Trái Phiếu: 04 năm

10. Mục đích phát hành và tình hình sử dụng vốn

- Tổ Chức Phát Hành dùng vốn huy động được từ đợt chào bán Trái Phiếu để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tình hình sử dụng vốn: Vốn huy động từ đợt chào bán Trái phiếu đã sử dụng 100% để chi trả lương cho người lao động, chi trả công nợ phải trả cho các nhà cung cấp nguyên phụ liệu và chi

trả chi phí sản xuất kinh doanh theo đúng phương án được Hội đồng quản trị của Công ty thông qua.

11. Lãi suất: 10%/năm

12. Kỳ trả lãi:

Kỳ Hạn Trả Lãi/ Kỳ Tính Lãi là 03 tháng, kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi, cho đến, nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi tiếp theo hoặc Ngày Đáo Hạn trái phiếu. Ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi đầu tiên là Ngày Phát Hành. Tiền lãi trái phiếu được trả sau theo định kỳ 03 (ba) tháng một lần kể từ ngày phát hành vào cuối mỗi Kỳ Tính Lãi.

13. Nguồn thanh toán Trái Phiếu:

- Thanh toán lãi Trái Phiếu: Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 03 tháng/lần. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư.
- Thanh toán gốc: Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành bao gồm (i) nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm thời trang xuất khẩu, (ii) nguồn thu từ hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản (iii) các nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu khác để thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu khi đến hạn.

14. Phương pháp tính giá

Trái Phiếu TNG122017 là trái phiếu có kỳ hạn, trả lãi định kỳ và có lãi suất cố định, theo đó lãi suất được điều chỉnh theo sự thay đổi của lãi suất thị trường. Thị giá hay giá trị thị trường của Trái Phiếu (Market Value) là giá giao dịch thứ cấp của Trái Phiếu do thị trường quyết định và luôn thay đổi theo quan hệ cung cầu trên thị trường. Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức thích hợp của mỗi nhà đầu tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

- PV: là giá của Trái Phiếu
- FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu
- CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận vào kỳ trả lãi thứ i
- n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu
- k: là mức sinh lời kỳ vọng với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá Trái Phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau,

áp

103

dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá trái phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

1. Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
2. Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
3. Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất cố định đã công bố áp dụng;
4. Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;
5. Xác định các mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/ sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
6. Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...).
7. Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu.

Ví dụ minh họa:

Mệnh giá Trái Phiếu (FV):	100.000 đồng/Trái Phiếu
Ngày phát hành:	15/06/2022
Ngày đáo hạn:	15/06/2026
Kỳ hạn:	48 tháng
Kỳ trả lãi	3 tháng/lần kể từ Ngày Phát Hành
Lãi suất (CPN)	10%/năm.
Ngày định giá (giá định cũng là ngày giao dịch đầu tiên trên sàn dự kiến)	30/08/2022
Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại	16 kỳ vào các ngày 15/09/2022, 15/12/2022, 15/03/2023, 15/06/2023, 15/09/2023, 15/12/2023, 15/03/2024, 15/06/2024, 15/09/2024, 15/12/2024, 15/03/2025, 15/06/2025, 15/09/2025, 15/12/2025, 15/03/2026, 15/06/2026.
Lãi coupon đã xác định	10%/năm
Lãi coupon chưa xác định	10%/năm
Lợi suất yêu cầu hay Lãi suất chiết khấu (k)	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 05 năm là 2,599% (Nguồn: https://hnx.vn/vi-vn/trai-phiau/duong-cong-loi-suat.html?site=in) - Giả định mức biên chênh lệch giữa trái phiếu doanh nghiệp và lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 năm được yêu cầu bởi nhà đầu tư là 4%. - Như vậy mức lợi suất yêu cầu được xác định là 7,599%/năm
Cơ sở tính ngày (day count convention)	Actual/365

2572
G T
Đ Đ
H O N G
N G
N - T

Ngày	Kỳ trả lãi	Số ngày năm giữ	Lãi suất coupon (CPN)	Dòng tiền lãi CF(i) = Mệnh giá*CPN*Số ngày thực tế của Kỳ Tính Lãi/365	Gốc trái phiếu (Redemption)	CF/(1+k)^i	FV/(1+k)^n
				(Đơn vị: VNĐ)	(Đơn vị: VNĐ)		
15/09/2022	1	16	10%	438		437	
15/12/2022	2	107	10%	2.493		2.440	
15/03/2023	3	197	10%	2.466		2.370	
15/06/2023	4	289	10%	2.521		2.379	
15/09/2023	5	381	10%	2.521		2.335	
15/12/2023	6	472	10%	2.493		2.268	
15/03/2024	7	563	10%	2.493		2.227	
15/06/2024	8	655	10%	2.521		2.210	
15/09/2024	9	747	10%	2.521		2.170	
15/12/2024	10	838	10%	2.493		2.107	
15/03/2025	11	928	10%	2.466		2.047	
15/06/2025	12	1.020	10%	2.521		2.054	
15/09/2025	13	1.112	10%	2.521		2.016	
15/12/2025	14	1.203	10%	2.493		1.958	
15/03/2026	15	1.293	10%	2.466		1.902	
15/06/2026	16	1.385	10%	2.521	100.000	1.909	75.736

PV = 108.566 VND

15. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi suất đáo hạn – YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/ giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$



Ví dụ minh họa:

Mệnh giá Trái Phiếu (FV)	100.000 đồng/Trái Phiếu
Ngày phát hành	15/16/2022
Ngày đáo hạn	15/16/2026
Kỳ hạn	48 tháng
Kỳ trả lãi (Frequency)	3 tháng/lần kể từ Ngày Phát Hành
Lãi suất (CPN)	10%/năm.
Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại	16 kỳ vào các ngày 15/09/2022, 15/12/2022, 15/03/2023, 15/06/2023, 15/09/2023, 15/12/2023, 15/03/2024, 15/06/2024, 15/09/2024, 15/12/2024, 15/03/2025, 15/06/2025, 15/09/2025, 15/12/2025, 15/03/2026, 15/06/2026.
Lãi coupon đã xác định	10%/năm
Cơ sở tính ngày (day count convention)	Actual/365
Ngày giao dịch dự kiến	30/08/2022
Giá giao dịch dự kiến	109.000 VNĐ/Trái phiếu
Lợi suất yêu cầu hay Lãi suất chiết khấu/năm	k

Với các đặc điểm nêu trên, nếu nhà đầu tư giao dịch tại ngày 30/08/2022 và nắm giữ tới khi đáo hạn thì lợi suất trái phiếu khi đáo hạn là $k = 7,405\%/năm$

16. Phương thức thực hiện quyền

16.1 Điều kiện, thời gian thực hiện quyền

16.1.1 Lãi suất

❖ **Lãi suất**

Lãi suất cố định: 10%/năm.

❖ **Tiền lãi**

- Trái phiếu sẽ được hưởng lãi cho giai đoạn từ và gồm cả Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn (dù tự nguyện hay bắt buộc) theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này (gọi chung là “Ngày Thanh Toán/Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu”).
- Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Thanh Toán/Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu trừ khi tiền gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán vào ngày đó không phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- Lãi phát sinh trên gốc mỗi Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi được tính theo công thức sau:

- **Tiền lãi = (Mệnh giá Trái Phiếu * Lãi Suất * Số ngày dư nợ thực tế)/365**
- Trong đó, số ngày dư nợ thực tế (i) đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên sẽ được tính từ và gồm cả Ngày Phát Hành đến nhưng không gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên và (ii) đối với mỗi Ngày Thanh Toán Lãi tiếp theo, sẽ được tính từ và gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Hạn Trả Lãi ngay trước đó đến nhưng không gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi đó.
- Lãi phát sinh trên gốc mỗi Trái Phiếu bị quá hạn mà Tổ Chức Phát Hành phải trả Người Sở Hữu Trái Phiếu được tính theo công thức sau:
 - **Tiền lãi = (Mệnh giá Trái Phiếu * Lãi Suất * Số ngày quá hạn thực tế)/365**
 - Trong đó số ngày quá hạn thực tế sẽ được tính từ và gồm cả ngày đến hạn thanh toán có liên quan đến nhưng không gồm cả ngày mà vào ngày đó khoản tiền gốc có liên quan được thanh toán đầy đủ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu

16.1.2 Kỳ hạn trả lãi, gốc

a) *Kỳ Hạn Trả Lãi/ Kỳ Tính Lãi*: là mỗi thời hạn kéo dài 6 tháng, kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi, cho đến, nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi tiếp theo hoặc Ngày Đáo Hạn trái phiếu. Ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi đầu tiên là Ngày Phát Hành.

b) *Kỳ Hạn Trả Gốc*: 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành

Trừ khi được mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu, Trái Phiếu sẽ đáo hạn và tiền gốc sẽ được thanh toán bằng mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn hoặc vào ngày thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc vào ngày đến hạn khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và Các Văn Kiện Trái Phiếu.

16.1.2 Thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu

Việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và quy chế của VSD và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc xung đột với các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và quy chế của VSD).

- a) Gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn có liên quan thông qua VSD vào tài khoản chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- b) Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thanh toán gốc Trái Phiếu (cùng với lãi, tiền phạt đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) vào Ngày Thanh Toán/ Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó, lãi (gồm cả lãi trên gốc Trái Phiếu hoặc lãi quá hạn, nếu có) và tiền phạt sẽ được tính theo Các Điều Khoản Trái Phiếu liên quan.
- c) Lãi trên gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán trên Trái Phiếu là lãi được xác định theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu liên quan cho Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng.

d) Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho một lần thanh toán mới nhận được tiền thanh toán trong lần thanh toán đó.

e) Thanh toán vào Ngày Làm Việc

Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán).

16.1.3 Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSD sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó.

a) Quyền Sở Hữu

Việc quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán và các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện thông qua VSD, tuân theo quy định pháp luật Việt Nam, quy định VSD và SGDCK;

b) Quyền giao dịch Trái Phiếu

- i. Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình (chi tiết tại điểm (a) nêu trên) và sử dụng Trái Phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại, thừa kế, chiết khấu, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia vào các giao dịch trong các quan hệ dân sự và thương mại/tín dụng theo quy định của pháp luật và Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- ii. Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng tại đó chấp thuận;
- iii. Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Khoản trên, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn trừ trường hợp mua lại trước hạn theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Các Văn Kiện Trái Phiếu;
- iv. Việc giao dịch Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSD, các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và Các Văn Kiện Trái Phiếu;
- v. Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc bất cứ bên thứ ba nào;

305
NG
ÁN Đ
LƯON
TNG
YÊN -

c) Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu đối với Trái Phiếu mình sở hữu theo quy định của pháp luật, VSD, và các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu;

d) Quyền nhận thông tin

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo đúng các quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Các Văn Kiện Trái Phiếu;

e) Quyền khi xảy ra sự kiện vi phạm của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được thực hiện các biện pháp xử lý khi xảy ra sự kiện vi phạm nêu tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

16.2 Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền

16.2.1. Mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành

- Tại bất kỳ thời điểm nào sau thời gian đủ 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành của mỗi đợt phát hành, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại Trái Phiếu với các điều kiện sau:
- Tổ Chức Phát Hành gửi văn bản cho Người Sở Hữu Trái Phiếu trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc khi thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu nói trên.
- “Ngày mua lại” là ngày Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại và thanh toán Trái Phiếu trước hạn. Ngày mua lại được quy định tại văn bản gửi Những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Trong trường hợp, Tổ Chức Phát Hành chỉ mua lại một phần số Trái Phiếu đang lưu hành và số Trái Phiếu mà Những Người Sở Hữu Trái Phiếu bán lại lớn hơn số Trái Phiếu được chào mua theo Thông Báo Mua Lại, thì khi đó số Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại từ mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại sẽ được xác định theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đó so với tổng số Trái Phiếu của toàn bộ những Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại và nếu cần thiết, được làm tròn xuống số nguyên gần nhất.
- “Giá Mua Lại” được xác định bằng mệnh giá mỗi Trái Phiếu cộng lãi dồn tích của Trái Phiếu đó chưa được thanh toán đến nhưng không bao gồm Ngày Mua Lại
- Cụ thể:

Giá mua lại mỗi trái phiếu	=	Mệnh giá trái phiếu năm giữ thực tế	+	Mệnh giá trái phiếu năm giữ thực tế	*	Lãi suất (10%/năm)	*	Số ngày năm giữ thực tế	365
----------------------------	---	-------------------------------------	---	-------------------------------------	---	--------------------	---	-------------------------	-----

Trong đó: Số ngày năm giữ thực tế sẽ được tính từ và bao gồm ngày đã trả lãi gần nhất đến nhưng không bao gồm Ngày Mua Lại.

- Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại theo điều kiện nêu trên sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại. Các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ tự động hết hiệu lực.

723
FY
ĐẦU TƯ
G MẠI
T. THAI

- Tổ chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ với Những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi thực hiện mua lại kể từ thời điểm chuyển tiền thanh toán đầy đủ giá trị mua lại vào Tài Khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

16.2.2. Mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Tổ Chức Phát Hành không được mua lại Trái Phiếu trước hạn khi Trái Phiếu chưa được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;
- Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể đề nghị Tổ Chức Phát Hành mua lại một phần hoặc toàn bộ các Trái Phiếu do Người Sở Hữu Trái Phiếu đó nắm giữ vào bất cứ lúc nào, bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào. Tổ Chức Phát Hành có quyền quyết định việc có thực hiện việc mua lại Trái Phiếu được chào bán đó hay không.
- Trong trường hợp quyết định mua lại, Tổ Chức Phát Hành phải thực hiện thông báo và chào mua công khai với tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu còn lại. Trên cơ sở khối lượng và giá Trái Phiếu được những Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại và tổng mệnh giá và giá Trái Phiếu dự kiến mua lại từ Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định khối lượng, giá mua lại và thời điểm mua lại Trái Phiếu (trong trường hợp tổng mệnh giá Trái Phiếu đăng ký bán lại tại một mức giá cụ thể lớn hơn tổng mệnh giá Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành quyết định mua lại thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân bổ khối lượng Trái Phiếu được mua lại tại mức giá đó cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đó so với tổng số Trái Phiếu của toàn bộ những Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại và nếu cần thiết, được làm tròn xuống số nguyên gần nhất.
- Tổ Chức Phát Hành phải thực hiện việc mua lại Trái Phiếu trước hạn đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo cùng điều kiện và điều khoản và theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu hiện hữu.
- “Giá Mua Lại” được xác định bằng mệnh giá mỗi Trái Phiếu cộng lãi dồn tích của Trái Phiếu đó chưa được thanh toán đến nhưng không bao gồm Ngày Mua Lại
- Cụ thể:

$$\begin{matrix} \text{Giá mua} & & \text{Mệnh giá} & & & & \text{Số ngày nắm giữ thực} \\ \text{lại mỗi} & = & \text{trái phiếu} & + & \text{Mệnh giá trái} & * & \text{Lãi suất} & * & \text{tế} \\ \text{trái} & & \text{nắm giữ} & & \text{phiếu năm} & * & \text{(10\%/năm)} & & \text{tế} \\ \text{phiếu} & & \text{thực tế} & & \text{giữ thực tế} & & & & \text{365} \end{matrix}$$

Trong đó: Số ngày nắm giữ thực tế sẽ được tính từ và bao gồm ngày đã trả lãi gần nhất đến nhưng không bao gồm Ngày Mua Lại.

- Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại theo điều kiện nêu trên sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại. Các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ tự động hết hiệu lực.
- Tổ chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ với Những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi thực hiện mua lại kể từ thời điểm chuyển tiền thanh toán đầy đủ giá trị mua lại vào Tài Khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

16.2.3 Mua lại Trái Phiếu trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu trước hạn khi xảy ra sự kiện vi phạm

Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ phải mua lại Trái Phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu khi phát sinh Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Kiện Trái Phiếu. Trong trường hợp này, Giá Mua Lại của Trái Phiếu được xác định theo công thức tính Giá Mua Lại của Trái Phiếu trong trường hợp mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành

16.3 Sự kiện vi phạm

Bất kỳ sự kiện nào sau đây được gọi là “Sự Kiện Vi Phạm”

a) *Không thanh toán gốc/lãi/bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến Trái phiếu:*

Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ gốc/lãi/bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán gốc/lãi/bất kỳ khoản tiền nào có liên quan và việc không thanh toán đó không được khắc phục trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc từ ngày đến hạn đó;

b) *Vi phạm mục đích phát hành:* Tổ Chức Phát Hành vi phạm mục đích phát hành nêu tại Phương án phát hành và Bản Cáo Bạch và vi phạm vẫn tiếp diễn và không được khắc phục trong thời gian mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về vi phạm đó từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc cấp có thẩm quyền;

c) *Mất khả năng thanh toán:* Tổ Chức Phát Hành mất khả năng thanh toán hoặc không thể thanh toán, hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán nợ đến hạn hoặc lâm vào tình trạng khác phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản với Tổ Chức Phát Hành của chủ nợ nói chung theo quy định của pháp luật về phá sản và vi phạm đó vẫn tiếp diễn và không được khắc phục trong bảy (07) ngày làm việc;

d) *Phá sản, giải thể:* Nếu có lệnh hoặc một nghị quyết được thông qua về việc phá sản, thanh lý hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành, hoặc khi Tổ Chức Phát Hành đã tiến hành bất cứ thủ tục phá sản, thanh lý hay giải thể nào (trừ khi Tổ Chức Phát Hành được thanh lý liên quan đến việc sáp nhập, hợp nhất và công ty được thành lập sau khi sáp nhập, hợp nhất tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu); hoặc

e) *Cưỡng chế thực hiện nghĩa vụ:* Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục thi hành án, tịch thu, tịch biên, hoặc bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác đối với trên 51% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán tại thời điểm gần nhất của Tổ Chức Phát Hành và việc thi hành án, tịch thu, tịch biên hoặc thủ tục pháp lý đó không được dỡ bỏ hoặc chấm dứt trong thời hạn sáu mươi (60) ngày làm việc từ ngày bắt đầu;

f) *Ngừng hoạt động kinh doanh:* Tổ Chức Phát Hành ngừng hoạt động, tạm ngừng hoặc có kế hoạch tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động của mình, hoặc bất cứ hành động hoặc thủ tục nào được Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ người nào khác thực hiện hoặc tiến hành dẫn tới việc Tổ Chức Phát Hành ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh của mình; hoặc ngừng hoặc có nguy cơ ngừng thực hiện tất cả hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh như được tiến hành vào Ngày Phát Hành;

g) *Vi phạm các nghĩa vụ khác:* Tổ Chức Phát Hành vi phạm cam kết hoặc nghĩa vụ của mình trong bất kỳ Các Điều Kiện Trái phiếu này hoặc Bản Cáo Bạch (mà không phải là các nghĩa vụ được điều chỉnh bởi các Sự Kiện Vi Phạm nêu trên) mà vi phạm đó không có khả năng

khắc phục hoặc không được khắc phục trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được thông báo vi phạm từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào.

- h) **Bất hợp pháp:** Việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều kiện Trái phiếu này trở nên bất hợp pháp.

16.4 Biện pháp xử lý khi có sự kiện vi phạm

Ngoài các biện pháp xử lý và chế tài quy định tại các điều khoản khác của Các Điều Kiện Trái Phiếu và quy định pháp luật liên quan, nếu xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm thì áp dụng biện pháp xử lý tương ứng dưới đây:

Nếu xảy ra bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào khác mà không phải Sự Kiện Vi Phạm “*Không thanh toán gốc/lãi/bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến Trái phiếu*” quy định tại điều 16.3 (i) thì:

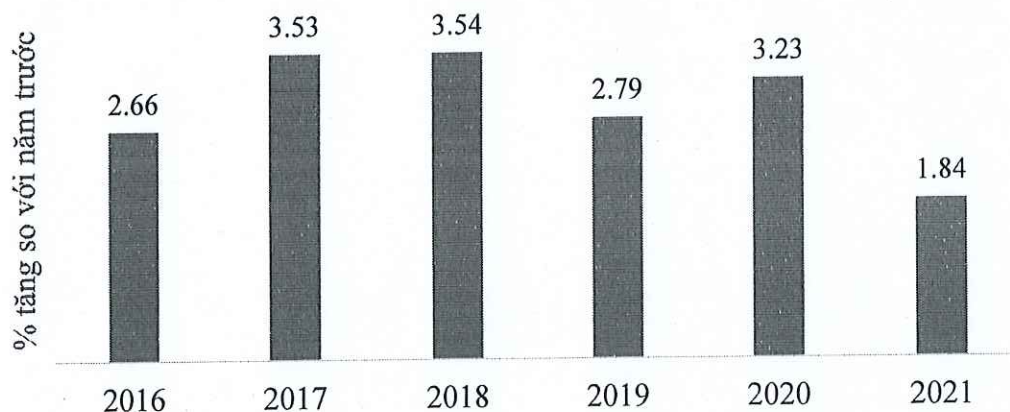
Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành để yêu cầu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và phải được thanh toán bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành (“*Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn*”); và

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải mua lại tất cả Trái Phiếu được yêu cầu đang lưu hành tại thời điểm đó.

17. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niên yết

Thông thường, khi tỷ lệ lạm phát tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng và khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ các tài sản đầu tư cao hơn hay nói cách khác là mức lãi suất chiết khấu sẽ tăng lên. Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu các dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường. Khi lãi suất thị trường tăng, giá trị trái phiếu sẽ giảm, và ngược lại. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm sẽ làm tăng giá trị Trái Phiếu do Trái phiếu đang cho nhà đầu tư mức lợi suất hấp dẫn hơn thị trường. Như vậy, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái Phiếu.

Hình 3: Tốc độ tăng CPI bình quân so với năm trước (giai đoạn 2016-2021)



Nguồn: GSO

Tình hình lạm phát ở Việt Nam trong những năm qua đã được kiểm soát tốt. Trong bối cảnh áp lực lạm phát tại các quốc gia trên thế giới ngày càng tăng cao do áp lực tăng giá cước vận chuyển, tăng giá nguyên vật liệu cho sản xuất dưới tác động của đại dịch Covid-19, CPI năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm 2020, thấp hơn khá nhiều so với mục tiêu 4% mà Quốc hội đề ra.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái Phiếu không có biến động bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất.

18. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo

Trái phiếu không có đảm bảo.

19. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không giới hạn về tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với nhà đầu tư nước ngoài.

20. Các loại thuế có liên quan

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với các Nhà đầu tư. Vì vậy, các Nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến các chuyên gia về các loại thuế có liên quan áp dụng đối với những trường hợp cụ thể.

20.1 Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC, và được xác định như sau:

- i. Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập đầu tư vốn là 5%.
- ii. Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

20.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- i. Mức thuế suất áp dụng đối với lãi từ Trái Phiếu là 5%;



- ii. Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

20.3 Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

20.4 Khấu trừ thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào (“Thuế”) do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do VSD ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ thị trường.

Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

[Phần còn lại của trang được để trống có chủ đích]



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**Tổ chức tư vấn**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Điện thoại : (84-4) 7304 5688 Fax: (84-4) 3726 2601
Trụ sở : Tầng 7-8, Tòa nhà MB, số 21, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận
Đống Đa, TP. Hà Nội
Website : <https://mbs.com.vn/>

Tổ chức kiểm toán

**Báo cáo Kiểm toán năm 2020, Báo cáo Kiểm toán năm 2021 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết
được kiểm toán bởi:**

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Điện thoại : (84-24) 7105000 Fax: (84-24) 6288 5678
Trụ sở : Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống
Đa, TP.Hà Nội.
Website : www.deloitte.com.vn

[Phần còn lại của trang được để trống có chủ đích]



VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
2. Phụ lục II: Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
3. Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết;
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;
5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 được kiểm toán của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
6. Phụ lục VI: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 1 năm 2022 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG;

[Phần còn lại của trang được để trống có chủ đích]



TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG****CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nguyễn Văn Thời

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Mạnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thu Hà

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
Giám đốc Tư vấn – Khối DVNHĐT



Nguyễn Thị Thanh Vân